

TỜ TRÌNH

Đề nghị điều chỉnh lần 02 chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Thông tư số 55/2023/TT-BTC);

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 818- TB/TU ngày 10/12/2023 kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Đảng ủy xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh;

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định lần 02 chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chính sau:

I. CÁC NỘI DUNG KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62, 27

Các nội dung đề nghị giữ nguyên gồm:

1. Phần Thông tin Chương trình: Tên Chương trình, Cơ quan chủ quản Chương trình, Đối tượng thụ hưởng, Thời gian thực hiện, Cơ quan đơn vị thực hiện Chương trình.

2. Phần Nội dung chủ yếu của Chương trình: Sự cần thiết đầu tư, Các chi phí có liên quan, Đánh giá tác động của Chương trình, Tổ chức thực hiện.

II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62,27

HĐND tỉnh đã có Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; trong đó, HĐND tỉnh đã phê duyệt mức vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).

Đến nay, qua rà soát, UBND tỉnh tiếp tục báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cho các địa phương còn lại và bổ sung, điều chỉnh danh mục đầu tư các xã tại NQ 62, 27.

1. Các nội dung thay đổi cơ bản như sau:

a) Các nội dung về phạm vi, mục tiêu thực hiện Chương trình

Stt	Những nội dung chính BCĐXCTĐT	Nghị quyết 62,27	Điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1	Phạm vi thực hiện Chương trình	Vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).	Thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025	Để đạt các mục tiêu ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh; đến nay, qua rà soát, các địa phương tham gia Chương trình nông thôn mới đã có đăng ký bổ sung danh mục vốn đầu tư phát triển cho các địa phương còn lại (<i>riêng xã Ninh Phước không đăng ký vì dự kiến thực hiện sát nhập xã với xã Ninh Vân, huyện Cam Lâm chưa có nhu cầu vốn đầu tư để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh chưa có nhu cầu vốn đầu tư để đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao</i>); ngoài ra, để đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn cấp huyện cần đầu tư để các phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn ban hành tại các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện. Trong quá trình thực hiện, một số xã, huyện thực hiện sát nhập, phát triển thành đô thị sẽ được báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc không tiếp tục thực hiện Chương trình nông thôn mới.
2	Mục tiêu			

-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	72	76	Tăng số địa phương đạt chuẩn để đạt mục tiêu Chương trình theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh; trong đó, có đầu tư để có thêm xã dự phòng đạt chuẩn các mức độ đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	32	39	
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	07	11	
-	Số huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới	01	03	
-	Số thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		02	
-	Số huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao		01	
-	Không còn xã dưới 15 tiêu chí			

b) Các nội dung về vốn

Stt	Nội dung	Đã được phê duyệt tại NQ 62, điều chỉnh tại NQ27			Đề nghị điều chỉnh			Sau điều chỉnh			Ghi chú
		TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	TỔNG CỘNG	1.084.366	541.345	543.021	+428.922	+202.482	+226.440	1.513.288	743.827	769.461	
A	Vốn sự nghiệp kinh tế	131.550	131.550		+47.380	+47.380		178.930	178.930		
B	Vốn đầu tư phát triển	952.816	409.795	543.021	+381.542	+155.102	+226.440	1.334.358	564.897	769.461	
-	Năm 2021	86.129	21.218	64.911	0	0	0	86.129	21.218	64.911	
-	Năm 2022	93.710	38.165	55.545	-4.300	-900	-3.400	89.410	37.265	52.145	
-	Năm 2023	450.212	191.636	258.576	-39.798	-5.573	-34.225	410.414	186.063	224.351	
-	Năm 2024	237.289	120.428	116.861	+282.713	+106.721	+175.992	520.002	227.149	292.853	
-	Năm 2025	85.477	38.348	47.129	+142.927	+54.854	+88.073	228.404	93.202	135.202	

- Vốn sự nghiệp kinh tế điều chỉnh tăng 47.380 triệu đồng để hỗ trợ thực hiện các nội dung mới thuộc Chương trình ban hành tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- + Chi nâng cao chất lượng đào tạo nghề (Điều 95 TT 55): 14.000 triệu đồng;
- + Chi hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới (Khoản 7 Điều 4 TT 55): 2.000 triệu đồng;

+ Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (Điều 82 TT 55), chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Điều 100 TT 55): 7.500 triệu đồng;

+ Chi nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn (Điều 103, 106 TT 55): 3.000 triệu đồng

+ Chi hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới (Điều 93 TT 55); Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 94 TT 55), Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn (Điều 108 TT 55), Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Điều 111 TT 55), Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 120 TT 55) và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC: 20.880 triệu đồng.

- Vốn đầu tư phát triển điều chỉnh tăng 381.542 triệu đồng (trong đó, vốn NS cấp tỉnh là 155.102 triệu đồng) bao gồm các nội dung:

+ Bổ sung vốn cho các địa phương là 456.780 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 194.008 triệu đồng). Trong đó, bổ sung vốn cho các xã chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ 62,27 là 134.332 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 54.329 triệu đồng); bổ sung các công trình qua rà soát tại các xã còn lại là 322.448 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 139.679 triệu đồng);

+ Điều chỉnh giảm công trình của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư do qua rà soát vẫn còn tồn đọng được các công trình hiện hữu, đã bố trí nguồn vốn khác thực hiện, điều chỉnh giảm danh mục các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (không đi kèm đầu tư cơ sở hạ tầng khác) để sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC, điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu và giảm kinh phí đối ứng của địa phương: TMĐT giảm là 79.175 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 40.086 triệu đồng).

+ Điều chỉnh danh mục các công trình (điều chỉnh tên để phù hợp với quy định chuyên ngành, đảm bảo không tách công trình; điều chỉnh vốn do sai sót trong quá trình tính toán, chênh lệch giữa thực tế triển khai và quy mô ước tính đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; điều chỉnh quy mô, hình thức đầu tư do phát sinh các hạng mục mới cần đánh giá khi triển khai thực hiện; điều chỉnh năm thực hiện chủ yếu do các công trình quy hoạch chưa thực hiện xong và một số công trình không hoàn chỉnh kịp thủ tục đầu tư, công trình cần thực hiện trong nhiều năm): TMĐT điều chỉnh là 3.936 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 1.179 triệu đồng).

2. Nhu cầu vốn thực hiện Chương trình

Điều chỉnh tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình:

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình: 1.513.288 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng;

+ Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng.

Nguồn vốn trên đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

So với nhu cầu tại Nghị quyết số 62,27, tổng mức đầu tư tăng 428.922 triệu đồng (*từ 1.084.366 triệu đồng lên thành 1.513.288 triệu đồng, chủ yếu do tăng đầu tư các công trình trường học để đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tăng đầu tư cho giao thông, đầu tư bổ sung để cấp huyện đạt chuẩn*); vốn NS cấp tỉnh tăng 202.482 triệu đồng (*từ 541.345 triệu đồng tăng thành 743.827 triệu đồng; trong đó, mức tăng cho trường học đã chiếm 46%*); vốn NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác tăng 226.440 triệu đồng (*từ 543.021 triệu đồng lên thành 769.461 triệu đồng*).

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2025

4. Cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình: Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội, trong đó người dân là chủ thể trên địa bàn nông thôn.

III. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Ngày 22/8/2022, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 62/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; ngày 21/7/2023, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 27/NQ-HĐND điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; trong đó, nhiều danh mục công trình tại NQ 62, NQ 27 xếp vào vốn đầu tư phát triển được quy định lại lấy từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế.

Ngày 20/12/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 6195/SNN-VPĐP đề nghị các địa phương rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; trong đó, đề nghị các địa phương rà soát các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025, cập nhật thông báo kết luận của các cấp lãnh đạo trên địa bàn, các công trình phải phù hợp quy hoạch và khả năng đối ứng của địa phương. Tỉnh ủy đã có Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024, UBND tỉnh cũng đã có Thông báo Kết luận số 526/TB-UBND ngày 17/11/2023, Thông báo số 598/TB-UBND ngày 22/12/2023 yêu cầu thực hiện đảm bảo các mục tiêu Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngày 05/02/2024, UBND tỉnh có Công văn số 1404/UBND-TH đồng ý đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 tại kỳ họp thứ 13 (03/2024).

Trên cơ sở đôn đốc, tổng hợp các báo cáo từ địa phương và quá trình kiểm tra thực tế, rà soát một số quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Báo cáo số 732/BC-SNN và Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024 đề xuất điều chỉnh

chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Ngày 21/02/2024, Hội đồng thẩm định có Công văn số 652/HĐTĐ đề nghị các thành viên Hội đồng thẩm định tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025. Ngày 28/02/2024, Hội đồng thẩm định có Công văn số 764/HĐTĐ đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 theo góp ý của 10/20 thành viên Hội đồng thẩm định. Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 937/SNN-VPĐP ngày 29/02/2024 đề nghị UBND huyện Cam Lâm phối hợp tiếp thu, giải trình; UBND huyện Cam Lâm đã có Công văn số 848/UBND-NN ngày 01/3/2024 cam kết *“đầu tư hợp lý, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí đối với đề xuất danh mục các công trình thiết yếu cần đầu tư cho việc hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới đến năm 2025. Tuy nhiên, UBND huyện Cam Lâm sẽ tiếp tục rà soát, đối chiếu khi quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm và các quy hoạch phân khu huyện Cam Lâm được duyệt; báo cáo cụ thể UBND tỉnh và các sở, ngành trước khi trình cấp vốn nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.”*

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định, ý kiến của UBND huyện Cam Lâm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình, có Báo cáo số 995/BC-SNN và Tờ trình số 1003/TTr-SNN ngày 04/3/2024 đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (lần 02 – Đợt điều chỉnh thứ 03).

Ngày 05/3/2024, Hội đồng thẩm định có Báo cáo số 862/BC-HĐTĐ về Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh (lần 2) chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, hoàn chỉnh lại Báo cáo. UBND tỉnh đã tổ chức họp các thành viên UBND tỉnh thống nhất với các nội dung trình của Sở Nông nghiệp và PTNT.

IV. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

- Báo cáo số 422-BC/TU ngày 29/12/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa sơ kết 2,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../2024 đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh;

- Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024, Tờ trình số 1003/TTr-SNN ngày 04/3/2024, Báo cáo số 732/BC-SNN ngày 15/02/2024, Báo cáo số 995/BC-SNN ngày 04/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024, Công văn số 824/HĐTĐ ngày 04/3/2024 của Hội đồng thẩm định đề nghị các thành viên góp ý Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Công văn số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2024 của Hội đồng thẩm định đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn chỉnh lại báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định; Báo cáo số 862/BC-HĐTĐ ngày 05/3/2024 của Hội đồng thẩm định về Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh (lần 2) chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

- Báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố về việc rà soát danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Lưu: VT, TL, TLe.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hòa Nam



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**
Số: 81 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
**Đề xuất điều chỉnh lần 02 chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng
nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 818- TB/TU ngày 10/12/2023 kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Đảng ủy xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh;

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Báo cáo đề xuất điều chỉnh lần 02 chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh

Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (viết tắt là Nghị quyết 62, 27) với các nội dung chính sau:

I. CÁC NỘI DUNG KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62, 27

Các nội dung đề nghị giữ nguyên gồm:

1. Phần Thông tin Chương trình: Tên Chương trình, Cơ quan chủ quản Chương trình, Đối tượng thụ hưởng, Thời gian thực hiện, Cơ quan đơn vị thực hiện Chương trình.

2. Phần Nội dung chủ yếu của Chương trình: Sự cần thiết đầu tư, Các chi phí có liên quan, Đánh giá tác động của Chương trình, Tổ chức thực hiện.

II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62,27

1. Mục tiêu Chương trình

- Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 27 như sau: “1. *Mục tiêu: Hỗ trợ vốn đầu tư phát triển để có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 23 xã so với Nghị quyết 62/NQ-HĐND) và 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tăng 07 xã so với Nghị quyết 62/NQ-HĐND)*”

đề nghị điều chỉnh thành

“1. *Mục tiêu: Hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện các nội dung Chương trình nông thôn mới để đến cuối năm 2025 có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*”.

Lý do điều chỉnh: Qua rà soát, hầu hết các địa phương đã đăng ký nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình để đạt chuẩn theo mục tiêu ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh (*riêng xã Ninh Phước không đăng ký vì dự kiến thực hiện sát nhập xã với xã Ninh Vân, huyện Cam Lâm chưa có nhu cầu vốn đầu tư để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh chưa có nhu cầu vốn đầu tư để đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao*). Việc điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình là cần thiết để để đạt mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025.

2. Phạm vi thực hiện Chương trình

- Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 27 có nội dung như sau: “4. *Vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã (tăng 23 xã so với Nghị quyết 62/NQ-HĐND) thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố gồm: Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm: 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã.*”

đề nghị điều chỉnh thành

“4. Vốn đầu tư phát triển thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025”

Lý do điều chỉnh: Phạm vi thực hiện vốn đầu tư phát triển từ 79 xã thành 92 xã (100% số xã tham gia Chương trình nông thôn mới) – tăng 13 xã gồm: Vạn Thạnh, Ninh An, Ninh Thọ, Ninh Phước, Cam Hải Tây, Cam Tân, Cam Hiệp Nam, Cam Hiệp Bắc, Cam Hải Đông, Cam Hòa, Cam Thành Bắc, Cam An Bắc, Cam An Nam; ngoài ra, để đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn cấp huyện cần đầu tư để các phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn ban hành tại các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện; đầu tư hỗ trợ các nội dung thành phần thực hiện Chương trình nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện, một số xã, huyện thực hiện sát nhập, phát triển thành đô thị sẽ được báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc không tiếp tục thực hiện Chương trình nông thôn mới.

3. Nhu cầu vốn thực hiện Chương trình

Điều chỉnh tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình thành:

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình: 1.513.288 triệu đồng, trong đó:

+ *Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng;*

+ *Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng.*

Nguồn vốn trên đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

So với nhu cầu tại Nghị quyết số 62,27, tổng mức đầu tư tăng 428.922 triệu đồng (từ 1.084.366 triệu đồng lên thành 1.513.288 triệu đồng, chủ yếu do tăng đầu tư các công trình trường học để đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tăng đầu tư cho giao thông, đầu tư bổ sung để cấp huyện đạt chuẩn); vốn NS cấp tỉnh tăng 202.482 triệu đồng (từ 541.345 triệu đồng tăng thành 743.827 triệu đồng; trong đó, mức tăng cho trường học đã chiếm 46%); vốn NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác tăng 226.440 triệu đồng (từ 543.021 triệu đồng lên thành 769.461 triệu đồng).

Các thay đổi so với Nghị quyết 62,27 gồm:

- Nhu cầu vốn sự nghiệp kinh tế tăng 47.380 triệu đồng hỗ trợ thực hiện các nội dung mới thuộc Chương trình NTM ban hành tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Chi nâng cao chất lượng đào tạo nghề (Điều 95 TT 55): 14.000 triệu đồng;
+ Chi hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới (Khoản 7 Điều 4 TT 55): 2.000 triệu đồng;

+ Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (Điều 82 TT 55), chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Điều 100 TT 55): 7.500 triệu đồng;

+ Chi nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn (Điều 103,106 TT 55): 3.000 triệu đồng;

+ Chi hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới (Điều 93 TT 55); Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 94 TT 55); Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn (Điều 108 TT 55); Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Điều 111 TT 55); Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 120 TT 55) và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC: 20.880 triệu đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư phát triển điều chỉnh tăng 381.542 triệu đồng (*trong đó, vốn NS cấp tỉnh là 155.102 triệu đồng*) bao gồm các nội dung:

+ Bổ sung vốn cho các địa phương là 456.780 triệu đồng (*vốn NS cấp tỉnh là 194.008 triệu đồng*). Trong đó, bổ sung vốn cho các xã chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ 62,27 là 134.332 triệu đồng (*vốn NS cấp tỉnh là 54.329 triệu đồng*); bổ sung các công trình qua rà soát tại các xã còn lại là 322.448 triệu đồng (*vốn NS cấp tỉnh là 139.679 triệu đồng*);

+ Điều chỉnh giảm công trình của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư do qua rà soát vẫn còn tận dụng được các công trình hiện hữu, đã bố trí nguồn vốn khác thực hiện, điều chỉnh giảm danh mục các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (*không đi kèm đầu tư cơ sở hạ tầng khác*) để sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC, điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu và giảm kinh phí đối ứng của địa phương: TMDT giảm là 79.175 triệu đồng (*vốn NS cấp tỉnh là 40.086 triệu đồng*).

+ Điều chỉnh danh mục các công trình (*điều chỉnh tên để phù hợp với quy định chuyên ngành, đảm bảo không tách công trình; điều chỉnh vốn do sai sót trong quá trình tính toán, chênh lệch giữa thực tế triển khai và quy mô ước tính đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; điều chỉnh quy mô, hình thức đầu tư do phát sinh các hạng mục mới cần đánh giá khi triển khai thực hiện; điều chỉnh năm thực hiện chủ yếu do các công*

trình quy hoạch chưa thực hiện xong và một số công trình không hoàn chỉnh kịp thủ tục đầu tư, công trình cần thực hiện trong nhiều năm): TMĐT điều chỉnh là 3.936 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 1.179 triệu đồng).

Tổng hợp các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tiêu chí	Số công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		428.922	202.482	226.440	
A	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ		47.380	47.380		
	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới; hỗ trợ hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn; hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.		47.380	47.380		
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	138	381.542	155.102	226.440	
1	Quy hoạch	8	9.060	0	9.060	
2	Giao thông	46	61.597	31.982	29.615	
3	Thủy lợi	4	2.640	1.849	791	
4	Điện	1	1.800	1.260	540	
5	Trường học	59	247.037	94.921	152.116	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	25	44.654	12.748	31.906	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	2	2.049	615	1.434	
8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	-3	-1.641	-1.149	-492	
9	Môi trường	-4	-3.650	0	-3.650	
10	Hạ tầng hợp tác xã	-1	-2.005	-1.124	-881	
*	Công trình cấp huyện	1	20.000	14.000	6.000	

Nhu cầu vốn đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tiêu chí	Số công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		1.513.288	743.827	769.461	
A	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ		178.930	178.930	0	
	Tập huấn, bồi dưỡng nông thôn mới; truyền thông, tuyên truyền; hoạt động Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc các cấp; hỗ trợ điều tra số liệu NTM; hỗ trợ phát triển sản xuất, thành lập HTX, làng nghề, chương trình OCOP; đào tạo nghề và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.		178.930	178.930		
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	844	1.334.358	564.897	769.461	
I	Chia theo tiêu chí	844	1.334.358	564.897	769.461	
	Cấp xã	837	1.196.405	460.259	736.146	
1	Quy hoạch	76	45.820	0	45.820	
2	Giao thông	371	392.046	210.490	181.557	
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	100	125.779	56.286	69.493	
4	Điện	2	3.000	1.260	1.740	
5	Trường học	87	384.573	140.069	244.504	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	142	176.049	32.233	143.816	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	12	21.395	6.059	15.336	
8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	4	3.639	2.547	1.092	
9	Y tế	2	2.050	595	1.455	
10	Hạ tầng khu sản xuất	3	2.668	1.868	800	
11	Môi trường	12	10.704	0	10.704	
12	Nghĩa trang xã	11	12.871	0	12.871	
13	Hỗ trợ theo QĐ 1804	15	15.810	8.852	6.958	

	Cấp huyện	7	137.953	104.638	33.315	
II	Chia theo năm thực hiện	844	1.334.358	564.897	769.461	
1	Năm 2021	91	86.129	21.218	64.911	
2	Năm 2022	83	89.410	37.265	52.145	
3	Năm 2023	232	410.414	186.063	224.351	
4	Năm 2024	287	520.002	227.149	292.853	
5	Năm 2025	151	228.404	93.202	135.202	

(chi tiết theo phụ lục 02, 02a, 03, 03a, 04, 04a đính kèm)

Căn cứ nhu cầu vốn thực tế từng năm, trên cơ sở danh mục các công trình đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ cho các địa phương thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét./.

(Đính kèm các văn bản có liên quan)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Lưu: VT, TL, TLe.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hòa Nam



Phụ lục 01:

LỘ TRÌNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
	TỔNG CỘNG (dự kiến)	76 xã và 05 cấp huyện	39 xã và 01 cấp huyện	11 xã
I	Huyện Vạn Ninh	2025		
1	Xã Xuân Sơn	2018		
2	Xã Vạn Lương	2015		
3	Xã Vạn Hưng	2015	2023	
4	Xã Vạn Phú	2018	2022	2025
5	Xã Vạn Bình	2018	2025	
6	Xã Vạn Thắng	2016	2024	
7	Xã Vạn Khánh	2021		
8	Xã Vạn Long	2022		
9	Xã Vạn Phước	2020		
10	Xã Vạn Thọ	2019		
11	Xã Vạn Thạnh	2024		
II	Thị xã Ninh Hòa			
1	Xã Ninh Quang	2014	2020	2024
2	Xã Ninh Phụng	2015	2023	
3	Xã Ninh Bình	2017	2023	
4	Xã Ninh Hưng	2017	2023	
5	Xã Ninh Đông	2017	2023	2025
6	Xã Ninh Sim	2020		
7	Xã Ninh Trung	2020		
8	Xã Ninh Xuân	2021		
9	Xã Ninh Thân	2018	2024	
10	Xã Ninh Tân	2019	2024	
11	Xã Ninh Sơn	2020	2024	
12	Xã Ninh Lộc	2021	2025	
13	Xã Ninh Thượng	2024		
14	Xã Ninh Vân	2018		
15	Xã Ninh Phú	2019	2024	
16	Xã Ninh Ích	2020		
17	Xã Ninh Tây	2024		
18	Xã Ninh An	2025		
19	Xã Ninh Thọ	2016	2025	
20	Xã Ninh Phước			
III	Thành phố Nha Trang	2024		
1	Xã Vĩnh Trung	2015	2024	
2	Xã Vĩnh Thạnh	2015	2023	
3	Xã Vĩnh Hiệp	2014	2022	

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
4	Xã Vĩnh Lương	2019		
5	Xã Vĩnh Phương	2016	2020	2025
6	Xã Vĩnh Ngọc	2014		
7	Xã Phước Đồng	2016		
IV	Huyện Diên Khánh	2023	2025	
1	Xã Diên Điền	2016	2021	2025
2	Xã Diên Hòa	2017	2024	
3	Xã Diên Toàn	2017		
4	Xã Suối Tiên	2019		
5	Xã Diên Thạnh	2018		
6	Xã Bình Lộc	2020		
7	Xã Diên Xuân	2023		
8	Xã Diên Tân	2021		
9	Xã Diên Đồng	2022		
10	Xã Diên An	2014	2021	2025
11	Xã Diên Sơn	2015	2023	
12	Xã Diên Phước	2014	2022	2025
13	Xã Diên Lạc	2014	2022	2025
14	Xã Diên Phú	2014	2023	
15	Xã Diên Thọ	2015	2024	
16	Xã Diên Lâm	2015		
V	Huyện Cam Lâm	2025		
1	Xã Cam Hải Tây	2014	2021	2025
2	Xã Cam Tân	2015	2024	
3	Xã Cam Hiệp Nam	2015	2025	
4	Xã Cam Hiệp Bắc	2017		
5	Xã Cam Hải Đông	2016	2024	
6	Xã Cam Phước Tây	2023		
7	Xã Cam Hòa	2017	2025	
8	Xã Suối Cát	2021	2025	
9	Xã Cam Thành Bắc	2019	2021	2025
10	Xã Cam An Bắc	2018		
11	Xã Cam An Nam	2020		
12	Xã Sơn Tân	2024		
VI	Thành phố Cam Ranh	2025		
1	Xã Cam Bình	2014	2025	
2	Xã Cam Thịnh Đông	2015	2023	2025
3	Xã Cam Phước Đông	2025		
4	Xã Cam Lập	2015	2024	
5	Xã Cam Thịnh Tây	2025		
6	Xã Cam Thành Nam	2014	2025	
VII	Huyện Khánh Vĩnh			
1	Xã Sông Cầu	2019	2025	

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
2	Xã Khánh Đông	2025		
3	Xã Giang Ly			
4	Xã Khánh Thượng			
5	Xã Liên Sang			
6	Xã Khánh Thành			
7	Xã Khánh Phú			
8	Xã Khánh Nam			
9	Xã Khánh Trung			
10	Xã Khánh Hiệp			
11	Xã Khánh Bình	2025		
12	Xã Cầu Bà			
13	Xã Sơn Thái			
VIII	Huyện Khánh Sơn			
1	Xã Thành Sơn			
2	Xã Sơn Lâm			
3	Xã Sơn Bình	2024		
4	Xã Sơn Hiệp	2025		
5	Xã Sơn Trung			
6	Xã Ba Cùm Bắc			
7	Xã Ba Cùm Nam			



Phụ lục 02:

TỔNG HỢP NHU CẦU BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NTM
(Kèm theo Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Số lượng công trình	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG		456.780	194.008	262.772
A	CHIA THEO TIÊU CHÍ	203	456.780	194.008	262.772
1	Quy hoạch	8	6.180	0	6.180
2	Giao thông	82	98.840	57.375	41.465
3	Thủy lợi	11	12.646	8.852	3.794
4	Điện	1	1.800	1.260	540
5	Trường học	61	258.614	98.094	160.520
6	Cơ sở vật chất văn hóa	36	55.450	13.452	41.998
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	3	3.250	975	2.275
*	Hạ tầng cấp huyện	1	20.000	14.000	6.000
B	CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG	203	456.780	194.008	262.772
1	Vạn Ninh	13	43.614	21.984	21.630
2	Ninh Hòa	137	285.216	100.059	185.157
3	Cam Lâm	40	75.550	31.895	43.655
4	Cam Ranh	2	2.400	1.680	720
5	Khánh Vĩnh	10	45.000	33.390	11.610
6	Khánh Sơn	1	5.000	5.000	0
C	CHIA THEO NĂM	203	456.780	194.008	262.772
1	Năm 2024	108	262.717	121.268	141.449
2	Năm 2025	83	149.414	57.095	92.318
*	Đầu tư theo tiến độ (2024-2025)	12	44.650	15.645	29.005



Phụ lục 02a:

DANH MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỔ SUNG SƠ VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số **SA** BC-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		456.780	194.008	262.772				
1	HUYỆN VẠN NINH		43.614	21.984	21.630				
	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	2024	20.000	14.000	6.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Chợ Trung tâm huyện đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô diện tích khoảng 14.000 m ²	
1	Xã Vạn Thạnh		5.400	2.340	3.060				
a	Hệ thống lưới điện nông thôn		1.800	1.260	540	Đầu tư mới			
	Đầu tư hệ thống điện cho các thôn Ninh Đảo, Ninh Tân, Diệp Sơn	2024	1.800	1.260	540	Đầu tư mới		Bổ sung máy phát điện chạy dầu, lắp đặt hệ thống đường dây điện và xây dựng trạm đặt máy phát cho các thôn Ninh Đảo, Ninh Tân, Diệp Sơn	
b	Trường học		3.600	1.080	2.520				
	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ, Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học; Khối 5 phòng học; Công trường rào	
2	Xã Vạn Thắng		1.200	360	840				
a	Giáo thông		1.200	360	840				
	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Vạn Thạnh 2	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ, Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối phòng học và thư viện; Công trường rào của điểm Khai Luồng	
b	Cải tạo, sửa chữa trường TH và THCS Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ, Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; 11 phòng học	
2	Xã Vạn Thắng		5.200	2.040	3.160				
a	Giáo thông		1.200	840	360				
	Đèn chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn các trục đường xã	2024	1.200	840	360	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư bổ sung hệ thống điện chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn trên các trục đường xã	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		4.000	1.200	2.800				
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (hàng mục: trung tâm thể dục - thể thao)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Khu thể thao xã với diện tích khoảng 20.000 m ²	
3	Vạn Bình		6.100	1.530	4.570				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		5.000	1.200	3.800				
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hàng mục Hội trường nhà văn hóa)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư xây dựng Hội trường đa năng có sức chứa 250 chỗ ngồi; các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ; hệ thống wifi Parabol công cộng trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa thể thao xã	
b	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		1.100	330	770				
	Xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi ở 5 thôn	2024	1.000	1.000	1.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư các trang thiết bị thể dục, thể thao, giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại 05 thôn	
4	Xã Vạn Phú		5.564	1.669	3.895				
a	Trường học		5.564	1.669	3.895				
	Sửa chữa, nâng cấp chợ Trung Đông	2024	1.100	330	770	Sửa chữa, nâng cấp	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ đảm bảo các tiêu chí của chợ kinh doanh thực phẩm (gồm: sửa chữa, mở rộng Nhà lồng chợ, nâng nền bê tông khuôn viên chợ, hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng....)	

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	/ Trường THCS Mé Linh	2024	5.564	1.669	3.895	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	- Đầu tư cải tạo, sửa chữa khối hành chính quản trị, khối nhà lớp học, khối hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, mái che khu tập thể dục của học sinh, công trường rào; - Xây mới phòng học môn Mỹ thuật, phòng học môn Khoa học xã hội, môn Khoa học tự nhiên; - Sửa chữa, mua sắm mới trang thiết bị bán ghế phục vụ giảng dạy, học tập	
5	Xã Vạn Lương		1.200	360	840				
<i>a</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<i>1.200</i>	<i>360</i>	<i>840</i>				
	/ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Hàng mục: Khu thể thao xã	2024	1.200	360	840	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Xây dựng công, tường rào, nâng nền khu thể thao xã với diện tích khoảng 3.800 m ² .	
6	Xã Vạn Thọ		150	45	105				
<i>a</i>	<i>Cơ sở hạ tầng/thương mại nông thôn</i>		<i>150</i>	<i>45</i>	<i>105</i>				
	/ Sửa chữa, nâng cấp chợ Cỏ Mạ	2024	150	45	105	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa bố trí các điểm kinh doanh, xây dựng nhà vệ sinh, khu để xe trong khuôn viên chợ	
II	THỊ XÃ NINH HÒA		285.216	100.059	185.157				
1	Xã Ninh Tây		5.727	1.718	4.009				
<i>a</i>	<i>Trường học</i>		<i>5.727</i>	<i>1.718</i>	<i>4.009</i>				
	/ Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tây (Hàng mục: công trình phụ trợ, hệ thống PCCC)	2024	3.387	1.016	2.371	Xây dựng mới		- Công trình phụ trợ: tường rào, hồ thu gom rác thải tại 04 điểm trường - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC tại điểm trường chính.	
	/ Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tây (Hàng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	2024	2.340	702	1.638	Xây dựng mới		- Nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xã Ninh Thượng		9.421	2.256	7.165				
<i>a</i>	<i>Trường học</i>		<i>9.421</i>	<i>2.256</i>	<i>7.165</i>				
	/ Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng (Hàng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	6.428	1.928	4.500	Xây dựng mới		- Khởi phòng học: 03 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	/ Xây dựng Trường THCS Ngô Thi Nhâm (Hàng mục: tường rào)	2024	1.093	328	765	Xây dựng mới		- Xây dựng tường rào.	
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<i>1.900</i>	<i>1.900</i>	<i>0</i>				
	/ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Hiệp	2024	1.200	1.200	0	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích khoảng 140 m ²	
	/ Khu thể thao thôn 1	2024	700	700	0	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào	
3	Xã Ninh Phú		8.005	2.221	5.783				
<i>a</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<i>8.005</i>	<i>2.221</i>	<i>5.783</i>				
	/ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Nam (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	0	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
	/ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 2 (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	0	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
	/ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Điền (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	0	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 1 (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
5	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 2 (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Lê Cam (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
b	Trường học		7.405	2.221	5.183				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Phú (Hàng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	3.845	1.153	2.691	Đầu tư mới		- Khối phòng học: 01 phòng học. - Công trình phụ trợ: tường rào - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. - Nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Phú (Hàng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Trương Định (Hàng mục: Hệ thống thiết bị PCCC)	2024	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
4	Xã Ninh Sơn		19.467	7.739	11.729				
a	Quy hoạch		700		700				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	700		700				
b	Giao thông		6.916	4.183	2.733				
1	Đường BTX/M thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến trường mầm non Ninh Sơn	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 380 m. - Mặt đường BTX/M đá 2x4cm M250 rộng 5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 1m. - Chiều dài dự kiến xây dựng: 420 m. - Mặt đường BTX/M đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m. - Chiều dài dự kiến xây dựng: 410 m. - Mặt đường BTX/M đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m. - Chiều dài dự kiến xây dựng: 309 m. - Mặt đường BTX/M đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m. - Chiều dài dự kiến xây dựng: 105 m. - Mặt đường BTX/M đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m. - Chiều dài dự kiến xây dựng: 190 m. - Mặt đường BTX/M đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m. - Chiều dài dự kiến xây dựng: 184 m. - Mặt đường BTX/M đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m. - Chiều dài khoảng: 390 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m. - Chiều dài khoảng: 340 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
2	Đường BTX/M thôn 4, xã Ninh Sơn đoạn nhà ông Lân đến nhà ông Thành	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH sử dụng đất		
3	Đường BTX/M thôn 5, xã Ninh Sơn đoạn nhà bà Hương đến nhà ông Thọ	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất		
4	Đường BTX/M thôn 5 đoạn từ TL7 đến cầu mương Kênh Tây.	2024	900	630	270	Xây dựng mới	QH sử dụng đất		
5	Đường BTX/M thôn 5 đoạn từ TL7 đến nhà ông Phùng Tiếp.	2024	306	214	92	Xây dựng mới	QH sử dụng đất		
1	Đường BTX/M thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Phạm Thái Phúc đến nhà ông Phạm Mỹ	2024	460		460	Xây dựng mới	QH sử dụng đất		
2	Đường BTX/M thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Giang đến nhà ông Tuấn	2024	480		480	Xây dựng mới	QH sử dụng đất		
1	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ TL7 đến đất ông Khoa.	2024	680	476	204	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới		
2	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Lương đến đất ông Phi.	2024	510	357	153	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới		
c	Trường học		11.851	3.555	8.296				

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	2024	2.829	849	1.980	Xây dựng mới			- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	2024	4.967	1.490	3.477	Xây dựng mới			- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	2024	4.055	1.217	2.839	Xây dựng mới			- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ.
5	Xã Ninh Tân		26.935	8.021	18.915				
a	Quy hoạch		600		600				
1	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2024	-600		600				
b	Giáo thông		2.400	840	1.560				
1	Đường trục thôn Nhì Sứ, đoạn từ cầu bà Tôn đến nhà ông Tý và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH xây dựng xã	BTXM, dài khoảng 670m, mặt đường 3m, nền 4m	
1	Đường trục xóm Nhì Sứ (Nhà ông Trúc đến đình Nhì Sứ)	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	BTXM, dài khoảng 550m, mặt đường 3m, nền 4m	
c	Trường học		23.935	7.181	16.755				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	8.342	2.503	5.839	Xây dựng mới			- Xây dựng khối 04 phòng học. - Khối phòng hành chính quản trị. - Các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Tân	2024	7.203	2.161	5.042	Xây dựng mới			- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	2024	8.391	2.517	5.873	Xây dựng mới			- Xây dựng 05 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.
6	Xã Ninh Tân		35.312	11.574	23.739				
a	Quy hoạch		1.000		1.000				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tỷ lệ 1/500)	2024	1.000		1.000				
b	Giáo thông		3.900	2.430	1.470				
1	Đường từ ngã ba trai yển đến đất ông Công	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM dài khoảng 529m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường nối tuyến M và L	2024	400		400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	L khoảng 200m, mặt BTXM 3,5m nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường từ đất Ông Say đến Tuyến 1400	2024	2.500	1.750	750	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, dài khoảng 1.365m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
c	Trường học		27.912	8.374	19.539				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	7.893	2.368	5.525	Xây dựng mới			- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	2024	20.020	6.006	14.014	Xây dựng mới		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 14 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. 	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		500	130	330				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hàng mục: Nâng cấp, sửa chữa)	2024	500	150	350	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Sửa chữa: hệ thống dung cụ ngoài trời, sân cầu lông; sơn sửa: sân khấu và nâng nền trung tâm văn hóa.	
d	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		2.000	600	1.400				
1	Chợ xã Ninh Tân	2024	2.000	600	1.400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Cứng hóa nền chợ, xây dựng các công trình phụ trợ và 5 kiốt	
7	Xã Ninh Quang		23.105	8.991	14.113				
a	Giao thông		4.000	2.800	1.200				
1	Đoạn BTXM từ đồng Mã Vôi cầu Từ đến giáp đường bê tông	2024	4.000	2.800	1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 1.503,37m; nền đường rộng 6m; mặt đường 3,0m, lề đường 1,5m mỗi bên	
b	Thụ lợi và phòng chống thiên tai		1.150	805	345				
1	Tuyến mương BTXM từ nhà ông Nhữ đến sông Bầu Núi, thôn Thanh Mỹ	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 425,61m, rộng 0,9 m	
c	Trường học		13.953	4.186	9.768				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Quang	2024	1.986	596	1.390	Xây dựng mới		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC. 	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	2024	8.587	2.576	6.011	Xây dựng mới		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC. 	
3	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	2024	3.382	1.015	2.368	Xây dựng mới		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC. 	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		4.000	1.200	2.800				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hàng mục: Sân bóng đá mini, Sân cầu lông, có mái che; Sân bóng chuyền; Nhà điều hành, nhà vệ sinh)	2024	4.000	1.200	2.800	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	<ul style="list-style-type: none"> - Sân bóng đá mini: S = 1.925m²; Hệ thống điện chiếu sáng sân bóng và các công trình phụ trợ. - Sân cầu lông có mái che: Diện tích 320m²; - Sân bóng chuyền: Diện tích 286m²; - Nhà điều hành và nhà vệ sinh: Tổng diện tích 141,01m²; Bố trí 2 khu vệ sinh cho nam và nữ - Các công trình phụ trợ 	
8	Xã Ninh Đông		15.318	5.216	10.101				
a	Quy hoạch		1.050	1.050					
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.050	1.050		Xây dựng mới	QH Nông thôn mới		
b	Giao thông		1.180	826	354				
1	Đường nhà bà Hàng Thị Hồng đến công mương rúa Phú Nghĩa	2024	1.180	826	354	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Mặt BTXM 3,5 m, dài khoảng 700m	
c	Thụ lợi và phòng chống thiên tai		1.160	812	348				
1	Kiến cố hóa kênh Gán Thượng	2024	1.160	812	348	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Mương BTXM, KT 1mx1m, thành 15cm, dài khoảng 470m	
d	Trường học		10.788	3.236	7.551				

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hàng mục: phòng học, phòng bộ môn)	2025	3.226	968	2.258	Xây dựng mới		- Xây dựng 02 phòng học - Xây dựng 02 phòng bộ môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hàng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	2025	2.660	798	1.862	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh.	
3	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hàng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.902	1.471	3.431	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học Tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	(CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA		1.140	342	798	Xây dựng mới			
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hàng mục: Sân khấu ngoài trời)	2024	1.140	342	798	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích 100 m ² , có sân khấu chính và nhà vệ sinh	
9	Xã Ninh Lộc		12.000	4.215	7.785				
a	Quy hoạch		1.000		1.000				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.000		1.000				
b	Giao thông		3.888	1.322	2.566				
1	Tuyến đường thôn, liên thôn Đoàn từ nhà ông Trịnh Duy Phong đến nhà bà Huỳnh Thị Phụng	2024	860	602	258	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 429m	
1	Đoạn từ đất ông Hồ Công Anh đến ruộng ông Trịnh Văn Cúc	2025	735		735	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 339m	
2	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Thu Thảo đến nhà bà Lê Thị Hiền + đoạn nhà Trần Quốc Dũng đến nhà ông Phan Long	2025	475		475	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 237m	
3	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thanh Phương đến nhà ông Nguyễn Văn Khoa	2025	790		790	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 252m	
1	Đường nội đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường TTHC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chất (Đường quy hoạch giao thông mới)	2025	1.028	720	308	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 514m	
c	Thuy lợi và phòng chống thiên tai		1.900	1.330	570				
1	Kiến cố hóa kênh mương Cầu Quê Thôn Tân - Văn Khê	2025	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiến cố hóa mương BTXM dài khoảng 900m	
2	Kênh mương Ông Thiang thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba tới Mương Bà Cò	2025	700	490	210	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiến cố hóa mương BTXM dài khoảng 350m	
d	Trường học		5.212	1.564	3.648				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hàng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hàng mục: phòng thiết bị)	2025	470	141	329	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị	
3	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hàng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.166	650	1.516	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghỉ giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
10	Xã Ninh Thọ		33.430	13.715	19.715				
a	Quy hoạch		680		680				
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2024	259		259	Điều chỉnh	Nông thôn mới	2.865 ha	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn	2024	421		421	Xây dựng mới	Nông thôn mới	50ha	
b	Giao thông		6.722	3.945	2.777				
1	Đường Bình Sơn 4 (B0), đoạn từ tỉnh lộ 7 đến Bình Sơn 2	2025	484	339	145	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 255m; nền 3m; mặt 2,5m	
2	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông rớt đến xóm bà Dũng	2025	1.500	1.050	450	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 672m; nền 3,5m; mặt 3 m	
3	Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến công địa ông Chung	2025	1.600	1.120	480	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 852m; nền 5,5m; mặt 3,5m	
1	Đường xóm ông An, đoạn đường BTXM nhà ông Vũ đến giáp đường đất	2025	260		260	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 161m; nền 3m; mặt 2,5m	
2	Đường xóm Đồn, đoạn từ nhà ông Thời đến đồng ruộng	2025	290		290	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 100m; nền 3m; mặt 2,5 m	
3	Đường xóm nhà ông Thúc, đoạn từ BTXM nhà ông Khánh đến đồng ruộng	2025	536		536	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 233m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
1	Đường Lạc An đi Ninh Điện, đoạn từ Công đến khu mứt dúi	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 246m; nền 4,5m; mặt 3,5 m	
2	Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong	2025	1.052	736	316	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 440m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		7.236	3.065	2.171				
1	Mương đồng Vui	2025	1.152	806	346	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 540m; 0,5m x 0,6m	
2	Nhánh N3-5 Mũi Dui	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
3	Nhánh N3- Ồ Khanh	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
4	Mương N3-7A	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 550m; 0,6m x 0,6m	
5	Mương Đông Trong	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
6	Mương Bảy Bình	2025	1.100	770	330	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,7m	
d	Trường học		10.482	3.145	7.338				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Hạng mục: khôi phục hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.847	1.754	4.093	Xây dựng mới		- Xây dựng khôi phục hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		8.310	1.560	6.750				

S/	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ	2025	5.200	1.560	3.640	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Công tường rào dài khoảng 490m, tường xây gạch lắp khung sắt và kéo lưới B40, Sân khấu lộ thiên khoảng 150m ² nền sân lát gạch và xây dựng 2 phòng thay đồ nam nữ, Nhà vệ sinh khoảng 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch; Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích khoảng 1175m ² , nền lát cỏ, khung lưới bao che toàn bộ; Nhà đa năng khoảng 350m ² kết cấu tường xây gạch, kết cấu chính BTCT, mái lợp tôn, nền lát gạch, sân bóng chuyên khoảng 81,74m ² nền đổ bê tông; Lắp đặt hệ thống điện, dụng cụ thể dục thể thao; Sửa chữa sơn sửa hạng mục Nhà văn hóa thể thao hiện có	
1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc An (Hạng 1) mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	1.150		1.150	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Chánh Thanh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	500		500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
3	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Ninh Điền (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Sơn tường nhà văn hóa	
4	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc Ninh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
5	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Bình Sơn (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	400		400	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
6	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Xuân Phong (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	460		460	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
11	Xã Ninh An		25.652	9.049	16.603				
a	Ước hoạch		1.150		1.150				
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2024	1.150		1.150				
b	Giao thông		15.534	6.359	9.175				
1	Đường từ nhà ông Giáp đến nhà ông Minh	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 650m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Bình đến kênh N4	2024	1.214	850	364	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 635m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Tường đến bến đò	2024	1.250	875	375	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 680m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường từ nhà ông Hạnh đến giáp thôn 3, xã Ninh Sơn	2024	840	588	252	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
5	Đường từ nhà ông Thành đến trường tiểu học thôn Lạc Hoà	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 650m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
1	Đường từ nhà ông Thành đến Gò Mườn	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 630m, Nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Trang đi Hòn Chòn	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 550m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Lục đến trường tiểu học thôn Sơn Lạc	2024	1.050		1.050	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 580m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
4	Đường từ nhà bà Lệ đến nhà ông Đức	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 594m; mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
5	Đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Chính	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 560m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
6	Đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Phương	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m, lề 0,5m mỗi bên	
7	Đường từ Học Điện đến cây Gù	2024	730	511		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 380m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà 7 x1 đến giáp Hoà Thiện 1	2024	900	630		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ kênh N4 đến đồng Bụi Tiến Đức	2024	700	490		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 370m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường BTXM từ ruộng N4 đến nhà ông Bi	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5m, lề 0,5m mỗi bên	
c	Trường học		5.268	1.580	3.688				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hàng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.268	680	1.588	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hàng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Hàng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		3.700	1.110	2.590				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã	2024	3.700	1.110	2.590	Xây dựng mới	Sử dụng đất	Nhà đa năng sân thể thao, sân thể thao mi ni, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh, hệ thống điện, hệ thống nước, hệ thống nước, sân Bê tông, bồn hoa, sân khấu	
12	Xã Ninh Vân		16.676	5.923	10.753				
a	Giao thông		2.300	1.610	690				
1	Đường BTXM đoạn từ đường số 11 đến đường số 1	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 350m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Lê Phú Văn đến đường số 1	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 290m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
b	Trường học		8.476	2.543	5.933				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Vân	2024	1.379	414	965	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Xây dựng phòng học tại điểm chính và điểm phụ. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Vân	2024	7.097	2.129	4.968	Xây dựng mới			
c	Cơ sở vật chất văn hóa		5.900	1.770	4.130				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Ninh Vân (Hàng mục: Khán đài diện tích 75.6m ² (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), công phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Khán đài diện tích 75.6m ² (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), sta chữa công phụ, đèn chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	Xây mới Hội trường văn hóa đa năng, diện tích 1.500m ² và 200 chỗ ngồi trở lên. Có bán ghế, giá, tủ, ánh sáng, âm thanh khánh tiết, khu vệ sinh, nhà để xe
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hàng mục: Hội trường nhà văn hóa đa năng)	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Nông thôn mới		
13	Xã Ninh Trung		10.575	3.173	7.403				

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
a	<i>Trường học</i>		10.575	3.173	7.403				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.815	1.445	3.371	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lớp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.280	984	2.296	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà xe giáo viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)	2025	2.480	744	1.736	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 nhà kho. - Sửa chữa nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
14	Xã Ninh Ích		16.816	5.045	11.771				
a	<i>Trường học</i>		16.816	5.045	11.771				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.814	1.744	4.070	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, công trường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đăng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	7.341	2.202	5.139	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Đăng - Đoàn thể. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: công trường rào, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà xe học sinh, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	2025	3.661	1.098	2.563	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 phòng bảo vệ. - Sửa chữa khối 14 phòng học để xuống cấp.	
15	Xã Ninh Xuân		18.484	8.715	9.769				
a	<i>Giao thông</i>		8.600	6.020	2.580				
1	Đường GTNT xã Ninh Xuân từ nhà Bà Tuấn thôn Ngũ Mỹ đến đoạn đường bê tông thủy lợi thôn Tân Mỹ	2024	4.600	3.220	1.380	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 2.300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
2	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Cao Thiên Lộc đến nhà ông Nguyễn Ngọc Minh thôn Tân Mỹ	2024	1.700	1.190	510	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 850m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
3	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn QL 26 đến nhà bà Lâm Thị Phúc thôn Tân Mỹ	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 350m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
4	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn Tỉnh lộ 6 đến nhà ông Nguyễn Phú thôn Tân Mỹ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
5	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Phạm Hữu Thọ đến nhà bà Nguyễn Kim Phúc, thôn Tân Mỹ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
b	<i>Trường học</i>		8.984	2.695	6.289				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
2	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hàng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thông, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.336	1.001	2.335	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền thông. - Xây dựng các công trình phụ trợ: tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hàng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
4	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hàng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.088	626	1.462	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
c	Cơ sở vật chất văn hóa		900		900				
1	Nhà văn hóa thôn Ngũ Mỹ	2025	900		900	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Nhà văn hoá và các công trình phụ trợ	
16	Xã Ninh Sim		8.293	2.488	5.805				
a	Trường học		8.293	2.488	5.805				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sim (Hàng mục: phòng học)	2025	4.301	1.290	3.011	Đầu tư mới		- Xây dựng 04 phòng học.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sim (Hàng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)	2025	1.372	412	960	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị.	
3	Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hàng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.620	786	1.834	Đầu tư mới		- Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
III	HUYỆN CAM LÂM		75.550	31.895	43.655				
I	Xã Cam Tân		16.600	9.020	7.580				
a	Giao thông		10.100	7.070	3.030				
1	Nâng cấp, sửa chữa và hệ thống thoát nước đường liên xã Cam Tân- Sơn Tân	2024-2025	6.000	4.200	1.800	Nâng cấp, sửa chữa		Hiện trạng đường BTXXM xây dựng năm 1998, đã xuống cấp. Tham nhựạ mặt đường rộng 6m, dài 1.950 mét	
1	Đường nội đồng từ sân bóng đá đến vùng ruộng lô xây	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới		Hiện trạng đường đất đã xuống cấp, chiều dài 590m, rộng 4m	
2	Đường nội đồng từ Công ông Lại đến ruộng bà Chúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới		Đường bê tông xi măng, rộng 4m, dài 420m.	
3	Đường nội đồng từ Chùa Báo Quang đến Đình mới	2024	1.800	1.260	540	Nâng cấp		Hiện trạng đường BTXXM xây dựng năm 2014, đã xuống cấp. Tham nhựạ mặt đường rộng 4m, dài 800 mét.	
b	Trường học		6.500	1.950	4.550				
1	Trường Tiểu học Cam Tân	2024-2025	6.500	1.950	4.550	Xây mới, nâng cấp		Xây mới 04 phòng bộ môn, tường rào 3 mặt bên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh	
2	Xã Cam Hải Đông		3.000	900	2.100				
a	Trường học		3.000	900	2.100				
1	Trường Tiểu học Cam Hải Đông	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng và mua sắm trang thiết bị	
3	Xã Cam Hải Tây		5.000	1.500	3.500				
a	Trường học		5.000	1.500	3.500				
1	Trường Tiểu học Cam Hải Tây	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới		Xây mới nhà đa năng, 02 phòng học bộ môn và trang thiết bị	
4	Xã Cam Thành Bắc		9.000	3.470	5.530				
a	Giao thông		2.300	1.610	690				
1	Sửa chữa, cải tạo đường bên cạnh trường THCS Nguyễn Hiến (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 400m, nên đường rộng 4m, đường thảm nhựạ rộng 3,5m	

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
a	Sửa chữa, cải tạo đường từ WB2 đến hội trường thôn Tân Lập (đường thôn)	2024	1.100	770	330	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đất hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 220m, nền đường rộng 3,5m, đường BTXM rộng 3,5m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		1.700	360	1.340				
1	Sửa chữa, nâng cấp hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã	2024-2025	1.200	360	840	Nâng cấp		Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị	
1	Nâng cấp, sửa chữa hội trường thôn Tân Sinh Tây	2024-2025	500	500	500	Xây mới		Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị hội trường thôn Tân Sinh Tây	
c	Trường học		5.000	1.500	3.500				
1	Nhà đa năng, nhà vệ sinh học sinh, sân nền trường tạo trường THCS Nguyễn Hiền	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới, cải tạo		Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh, tổng diện tích xây dựng 450m ² , chiều cao công trình 9m và các thiết bị kèm theo; xây lại tường rào và sân nền đường nội bộ	
5	Xã Cam Hiệp Nam		13.400	7.080	6.320				
a	Giao thông		8.400	3.880	2.520				
1	Đường bà Kim Anh, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
2	Đường ông Bền, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
3	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
4	Đường từ nhà ông Nguyễn Thế Hoàng đến đường sát Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
5	Đường từ đất ông Phạm Văn Tiệp đến nối đường với đường trại Heo, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
6	Đường từ đất ông Nguyễn Văn Triệu đến giáp Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
7	Đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		1.000	1.000	1.000				
1	Nhà văn hóa thôn Suối Cát	2025	1.000	1.000	1.000	Xây mới		Hiện trạng đang xuống cấp, thiếu diện tích, tường rào, trang thiết bị	
c	Trường học		4.000	1.200	2.800				
1	Trường mầm non Thổ Ngoc	2024-2025	1.000	300	700	Xây mới		Tường rào 3 mặt bên	
2	Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng	
6	Xã Suối Cát		5.700	2.670	3.030				
a	Giao thông		1.200	840	360				
1	Đường giao thông trục nội đồng Hàn Giang (từ nhà ông Bốn Thiện ra đồng)	2024	1.200	840	360	làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
b	Thuy lợi và phòng chống thiên tai		1.200	840	360				

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Mương tưới thôn Suối Lau	2024	1.200	840	360			Xây mới tuyến mương khâu đê (60x60)cm, dài khoảng 500m	
c	Trường học		3.300	990	2.310				
1	Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại Trường Khánh Hòa, Jelu	2024-2025	1.300	390	910	Xây mới		Xây 01 phòng học ngoại ngữ	
2	Xây mới nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	2024-2025	2.000	600	1.400	Sửa chữa, mua sắm		xây mới 14 bê xi nữ, 8 nam; sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	
7	Xã Cam Hòa		14.950	3.045	11.905				
a	<i>Giao thông</i>		4.800		4.800				
1	Đường liên xóm từ nhà ông Nguyễn Trần đến nhà ông Hoàng Thái Hòa (thôn Văn Từ Đông)	2025	800		800	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài 400m, nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
2	Đường liên xóm từ nhà ông Đậu Quang Huy đến nhà ông Nguyễn Văn Minh (thôn Văn Từ Tây)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m, nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
3	Đường liên xóm từ nhà bà Nguyễn Thị Minh Thành đến nhà Nguyễn Văn Duy (thôn Lập Định 3)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
4	Đường liên xóm từ nhà ông Trà Đình Tuế đến nhà ông Lương Quý Cường (thôn Cửu Lợi 2)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
5	Đường liên xóm từ nhà bà Võ Thị Xinh đến nhà bà Nguyễn Thị Mỹ (thôn Cửu Lợi 1)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
b	<i>Trường học</i>		10.150	3.045	7.105				
1	Trường TH Cam Hòa 1	2024-2025	10.150	3.045	7.105	Xây mới, cải tạo		Xây dựng công tường rào, nhà trực bảo vệ (điểm chính); Xây mới 04 phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ, cải tạo 02 khối phòng học, xây bổ sung nhà vệ sinh học sinh	
8	Xã Cam An Bắc		1.500	150	1.350				
a	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.500	150	1.350				
1	Sửa chữa nhà văn hóa 05 thôn	2024	1.000	150	1.000	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị	
1	Sửa chữa nhà thi đấu xã	2024	500		350	Sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp, công trình phụ nhà thi đấu	
9	Xã Cam An Nam		6.400	4.060	2.340				
a	<i>Giao thông</i>		5.800	4.060	1.740				
1	BTXM đường hồ bơm thôn Vĩnh Trung (đường thôn)	2025	2.000	1.400	600	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 1500 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
2	Đường B8 thôn Vĩnh Đông	2025	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa		Chiều dài tuyến đường khoảng 600m, mặt đường đá dăm láng nhựa rộng 3,5m	
3	BTXM đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hòa đi đến khu sản xuất thôn Vĩnh Nam (đường thôn)	2025	400	280	120	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 200 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
1	Đường Dồn điện Lê Văn Nghĩa đến - Trần Lê Nguyễn Nghi đến - Nguyễn Dũng (đường sắt)	2025	1.200	840	360	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 700 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
4	Đường liên thôn Vĩnh Trung song song đường sắt (đường thôn)	2025	1.000	700	300	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 800 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
b	Cơ sở vật chất văn hóa		600		600				
/	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Trung	2025	600		600			Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, quạt, sơn tường, làm mới mái vòm, la phong nhà văn hóa thôn và (sân nền bê tông xi măng diện tích 200 m ²)	
IV	THÀNH PHỐ CAM RANH								
1	Xã Cam Thịnh Tây								
a	Giao thông		2.400	1.680	720			Nâng cấp, sửa chữa	
/	Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thượng), xã Cam Thịnh Tây	2025	2.400	1.680	720				
/	Xây dựng taluy hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây	2025	1.200	840	360		Nâng cấp, mở rộng		
V	HUYỆN KHÁNH VINH								
1	Xã Sông Cầu								
a	Giao thông		45.000	33.390	11.610				
/	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	2025	20.600	17.420	3.180				
b	Cơ sở vật chất văn hóa		3.600	2.520	1.080				
/	Nâng cấp sân vận động xã	2025	3.600	2.520	1.080		Nâng cấp	NTM	Nâng cấp, sửa chữa đường thấm nhựa chiều dài 1.524m (nhựa dày 5cm), nền đường 6,5m, mặt đường 5,0m
c	Trường học		3.000	900	2.100				
/	Nâng cấp sân vận động xã	2025	3.000	900	2.100		Nâng cấp	NTM	Nâng cấp sân vận động xã, xây tường rào bao quanh, mương thoát nước, lắp đất dùng cụ thể thao ngoài trời
/	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Sông Cầu	2024	14.000	14.000					
2	Xã Khánh Đông								
a	Cơ sở vật chất văn hóa		13.800	11.350	2.450				
/	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	2025	3.500	1.050	2.450				
b	Trường học		3.500	1.050	2.450				
/	Xây dựng mới phòng học bộ môn, thư viện, khối hành chính, sân bê tông; Cải tạo sửa chữa 08 phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn, nhà báo vệ, cổng trường rào mắt chính, thiết bị	2024	10.300	10.300					
3	Xã Khánh Bình								
a	Giao thông		4.700	1.890	2.810				
/	Đường từ Hồ Ba Dúi vào Nghĩa trang xã	2025	1.200	840	360				
b	Cơ sở vật chất văn hóa		3.500	1.050	2.450				
/	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình	2025	3.500	1.050	2.450				
4	Xã Khánh Thượng								
a	Cơ sở vật chất văn hóa		3.500	1.050	2.450				
/	Xây dựng mới phòng học bộ môn, thư viện, khối hành chính, sân bê tông; Cải tạo sửa chữa 08 phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn, nhà báo vệ, cổng trường rào mắt chính, thiết bị	2025	3.500	1.050	2.450				
/	Hiện trạng đường đất ghồ ghề, sinh lầy; Xây dựng mới đường bê tông dài 500m, mặt đường rộng 3m.								
/	Xây dựng Hội trường nhà văn hóa đa năng xã rộng 200m ² , trên 150 chỗ ngồi; 02 phòng nhà chức, mua sắm bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.								

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
	Trung tâm Văn hoá - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng	2025	3.500	1.050	2.450	Xây dựng mới	NTM	Nhà văn hoá: Hội trường từ 150-200 chỗ ngồi, phòng chức năng, bàn ghế, âm thanh, nhà để xe, khu vệ sinh, ... Khu thể thao: Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi và các hạng mục khác theo quy định của Chương trình MTOG xây dựng nông thôn mới.	
5	Xã Khánh Hiệp		2.400	1.680	720				
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>		<i>2.400</i>	<i>1.680</i>	<i>720</i>				
	Nối tiếp Tuyến B3 Tuyên từ nhà Ông Lâm Văn Hưng đến Sông Chồ thôn Ba Cánh (B3) giai đoạn cuối.	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m, mặt đường rộng 3,5 m, kết hợp với hệ thống thoát nước	
	Nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Cánh (B2) giai đoạn cuối.	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (Đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 5,0 m, mặt đường rộng 3,5 m, kết hợp với hệ thống thoát nước	
VI	HUYỆN KHÁNH SON		5.000	5.000					
1	Xã Sơn Hiệp		5.000	5.000					
<i>a</i>	<i>Trường học</i>		<i>5.000</i>	<i>5.000</i>					
	Nâng cấp Trường Mầm non Hoà Mĩ	2024	5.000	5.000		Nâng cấp, sửa chữa	Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Khánh Sơn	Xây mới 01 phòng, nâng cấp, sửa chữa các phòng học hiện có, tường rào, bếp ăn, khu làm việc hành chính	



Phụ lục 03:

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ ĐƯA RA KHỎI CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số SA/BC-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Số lượng công trình	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG		79.175	40.086	39.090
A	CHIA THEO TIÊU CHÍ	65	79.175	40.086	39.090
1	Giao thông	36	38.415	25.645	12.771
2	Thủy lợi	7	11.320	7.924	3.396
3	Trường học	2	11.000	3.300	7.700
4	Cơ sở vật chất văn hóa	11	10.100	690	9.410
5	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1	1.190	357	833
6	Hạ tầng thông tin và truyền thông	3	1.500	1.050	450
7	Môi trường	4	3.650	0	3.650
8	Hạ tầng hợp tác xã	1	2.000	1.120	880
B	CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG	65	79.175	40.086	39.090
1	Ninh Hòa	37	34.435	19.583	14.853
2	Cam Lâm	4	17.200	7.640	9.560
3	Cam Ranh	3	5.500	2.660	2.840
4	Khánh Vĩnh	19	19.540	10.203	9.337
5	Khánh Sơn	2	2.500	0	2.500
C	CHIA THEO NĂM	65	79.175	40.086	39.090
1	Năm 2023	6	14.090	4.753	9.337
2	Năm 2024	48	55.835	30.993	24.843
3	Năm 2025	11	9.250	4.340	4.910

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
TỔNG CỘNG			79.175	40.086	39.090		
1	THỊ XÃ NINH HÒA		34.435	19.583	14.853		
1	Xã Ninh Sơn		12.890	6.867	6.023		
<i>a</i>	<i>Giáo thông</i>		3.550	2.506	1.074		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hui đến nhà ông Kíp	2024	1.200	840	360	- Chiều dài: 440 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày bình quân 18 cm, lè đường đất mỗi bên 0,25m	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà ông Hoa đến Kênh Đông	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày bình quân 18 cm, lè đường đất mỗi bên 0,25m	
	<i>Đường trục chính nội đồng</i>						
1	Đường nội đồng thôn 2, đoạn từ đất ông Giang đến đất bà Mười	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 680 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m, lè mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m	
<i>b</i>	<i>Thay lạt và phòng chống thiên tai</i>		4.820	3.374	1.446		
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 5, đoạn từ đất ông Diệp đến ruộng ông Hòa	2024	1.240	868	372	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	
2	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ kênh Đông đến đất ông Tuấn	2024	1.180	826	354	- Chiều dài: 510 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	
3	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất ông Thái đến Lô 6	2024	1.210	847	363	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Ông Đến đến đất ông Tuấn	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 560 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	
<i>c</i>	<i>Cư xử vật chất văn hóa</i>		1.200	0	1.200		
1	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 5	2024	1.200	0	1.200	Nhà 01 tầng diện tích xây dựng 9,7x19,3=187,21 m2, chiều cao công trình 5,9m; mái lợp ngói 22v/m2. Kế cầu móng trụ BTCT kết hợp xây đá ch VXM M50. Giàn móng, giàn, dầm bằng BTCT đá 1x2cm M200. Tường bao che xây gạch Block bê tông dày 200 mm, trát VXM bả maít, sơn nước. Mái lợp ngói, khung kèo thép hộp mạ kẽm, trần tôle sóng nhô. Nền lát gạch men 500x500 mm, có ốp gạch chân tường 120x300 mm. Cửa đi, cửa sổ nhôm kính, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ. Đặc cấp xây gạch thic VXM M75 và trát đá mài màu vàng kem. Xây dựng kết hợp khu vệ sinh trong nhà, tường trong nhà ốp gạch men. Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước cho toàn công trình	
<i>d</i>	<i>Cư xử hạ tầng thương mại nông thôn</i>		1.190	357	833		
1	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hàng mược: Nhà ban quản lý và Kiot chợ)	2024	1.190	357	833	Xây dựng nhà ban quản lý và các kiot chợ Hòa Mỹ	
<i>d</i>	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		900	630	270		
1	Đài truyền thanh xã Ninh Sơn	2024	900	630	270	Khoảng 30 cụm loa	
<i>e</i>	<i>Môi trường</i>		1.200	0	1.200		
1	Cải tạo, xử lý bãi rác	2024	1.200	0	1.200	Cải tạo xử lý bãi rác	
2	Xã Ninh Thân		6.600	2.534	4.066		
<i>a</i>	<i>Giáo thông</i>		5.400	2.534	2.866		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Đường trục thôn Nhị Sự (WB2 đến nhà ông Yến)	2024	2.900	2.030	870	Dài 1450m, mặt đường 3,5m, nền 5m	Cấp thành công trình mới bổ sung
2	Đường trục thôn Nhị Sự (WB2 đến nhà ông Tôn)	2024	720	504	216	Dài 360m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
	<i>Đường xóm, liên xóm</i>						
1	Đường trục xóm Nhị Sự (Đình Nhị Sự đến giếng làng)	2024	680	0	680	Dài 340m, mặt đường 3m, nền 3,5m	Cấp thành công trình mới bổ sung
2	Đường trục xóm Nhị Sự (nhà ông Trúc đến giếng làng)	2024	700	0	700	Dài 350m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
3	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thịnh)	2024	400	0	400	Dài 200m, mặt đường 3m, nền đường 3m	
<i>b</i>	<i>Môi trường</i>		1.200	0	1.200		
1	Công trình bãi rác mới	2024	1.200	0	1.200	Đào hố chôn lấp khối lượng rác cũ đã xử lý. Đào hố rác mới và xử lý rác	
3	Xã Ninh Tân		10.200	7.140	3.060		
<i>a</i>	<i>Giáo thông</i>		10.200	7.140	3.060		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nhon	2024	600	420	180	Dài 250m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lè mỗi bên 0,75m	
	<i>Đường xóm, liên xóm</i>						
1	Trần từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bô Đới	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
2	Đường BTXM từ đất bà Sương đến đất nhà Ông Lụa	2024	500	350	150	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
	<i>Đường trục chính nội đồng</i>						
1	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Quang đến đất Ông Hiến	2024	1.000	700	300	L. khoảng 400m, mặt BTXM 3,5m dày 18cm	
2	Đường từ tỉnh lộ 5 đến đất ông Hùng	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
3	Đường từ đất Ông Khang đến ngã ba Hòn Đà	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
4	Đường từ ngã 3 hòn đá đến tỉnh lộ 8	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
5	Đường từ đất ông Quảng đến trại Năm	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
6	Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Núi	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
7	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tùng đến tuyến 1400	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
8	Đường từ Ba Cầu đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	2024	1.100	770	330	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
4	Xã Ninh Vân		1.245	872	374		
<i>a</i>	<i>Giáo thông</i>		645	452	194		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Đường số 6 (núi đất) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX sỏi ở ông Cận	2024	210	147	63	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lè đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
2	Đường số 16 đoạn từ Mương thoát lũ đến Đường số 5 núi đất	2024	90	63	27	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 60 m, rộng 6,0 m, lè đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
3	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 núi đất đến Đường số 6 núi đất	2024	150	105	45	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 6,0 m, lè đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
4	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 núi đất đến Đường số 1	2024	195	137	59	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lè đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
<i>b</i>	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		600	420	180		

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng	2024	100	70	30	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng: Trung tâm văn hoá- thể thao, 02 thôn.	
2	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	500	350	150	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	
5	Xã Ninh Quang		1.500	1.050	450		
a	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.500	1.050	450		
1	Kênh mương BTXM N12B nhánh 2	2024	1.000	700	300	BTXM, chiều dài L = 500m, rộng 0,6m	Đã gộp với công trình Kênh mương BTXM N12B nhánh 1
2	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 2	2024	500	350	150	BTXM, chiều dài L = 300m, rộng 0,4m	Đã gộp với công trình Kênh mương đồng Bà Nghiễn nhánh 1
6	Xã Ninh Phú		2.000	1.120	880		
a	Hạ tầng hợp tác xã		2.000	1.120	880		
1	Xây dựng xương sơ chế, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	2024	2.000	1.120	880		
II	HUYỆN CAM LÂM		17.200	7.640	9.560		
1	Xã Suối Cát		8.800	5.120	3.680		
a	Giao thông		1.200	840	360		
	Đường giao thông trục nội đồng Suối Lâu	2024	1.200	840	360		
a	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		5.000	3.500	1.500		
	Hạ tầng thiết yếu phòng chống thiên tai: Kê chống sạt lở Đồng Cam và đồng Cỏ	2024	5.000	3.500	1.500		
a	Trang học		2.600	780	1.820		
	Xây mới 4 phòng điểm Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhà	2024	2.600	780	1.820		
2	Xã Sơn Tân		8.400	2.520	5.880		
a	Trang học		8.400	2.520	5.880		
1	Xây mới trường mẫu giáo Hòa Mi	2023	8.400	2.520	5.880	Gồm 4 phòng học, nhà hành chính, bếp ăn, tường rào, sân trường.	
III	THÀNH PHỐ CAM RANH		5.500	2.660	2.840		
1	Xã Cam Bình		900	0	900		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		900	0	900		
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	900	0	900		
2	Xã Cam Lập		800	0	800		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		800	0	800		
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	800	0	800		
3	Xã Cam Phước Đông		3.800	2.660	1.140		
a	Giao thông		3.800	2.660	1.140		
1	Đường nội đồng bà Thơm, thôn Thông Nhất	2024	3.800	2.660	1.140		
IV	HUYỆN KHÁNH VINH		19.540	10.203	9.337		
1	Xã Khánh Bình		1.200	0	1.200		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		1.200	0	1.200		
1	Xây mới nhà văn hóa và khu thể thao thôn Bà Dúi	2025	1.200		1.200	Sửa chữa nhà công đồng, bố trí trang thiết bị	
2	Xã Khánh Phú		4.750	2.800	1.950		
a	Giao thông		4.000	2.800	1.200		
1	Bê tông hóa đường từ đất ông Kiêu Vầu đến Hương lộ 62	2023	1.000	700	300		
1	Bê tông hóa đường nội đồng giai đoạn 2	2023	1.000	700	300		
2	Bê tông hóa đường Ông Đức đi ông Tiên-kiên nghị của các hộ ST - ông Trường	2025	1.000	700	300		
3	Bê tông hóa đường từ đất ông Tuấn đi Antim	2025	1.000	700	300		
b	Môi trường		750	0	750		
1	Đầu tư xe chuyên dụng thu gom rác	2025	750		750		
3	Xã Khánh Thượng		5.690	3.063	2.627		
a	Giao thông		3.390	2.373	1.017		
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Đa Minh đến đê Gia Vu	2023	1.190	833	357	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
2	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Quỳnh vào khu sản xuất Gia Bi	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
3	Bê tông xi măng đường vào nghĩa địa thôn Tà Gộc	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		2.300	690	1.610		
1	Khu văn hóa trung tâm xã	2024	1.200	360	840	Xây dựng nhà văn hóa và các trang thiết bị như bàn ghế, đàn âm thanh...	
2	Khu thể thao trung tâm xã	2024	1.100	330	770	Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như ường rào, chỗ ngồi... và các hạng mục khác	
4	Xã Khánh Hiệp		2.500	1.400	1.100		
a	Giao thông		2.000	1.400	600		
1	Tuyến B13 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
2	Tuyến B14 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
b	Môi trường		500	0	500		
1	Mở rộng nghĩa trang xã (giai đoạn 2)	2025	500		500	diện tích 2000m2 san ủi mặt bằng, xây tường rào	
5	Xã Cầu Bà		600	0	600		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	0	600		
1	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đa Trông	2025	300		300	Sửa chữa nhà văn hóa và bố trí các trang thiết bị	
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đa Bàn	2025	300		300		
6	Xã Liên Sang		4.200	2.940	1.260		
a	Giao thông		4.200	2.940	1.260		
1	Đường vào khu sản xuất Suối nhỏ	2024	2.200	1.540	660	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
2	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Mã Khánh đến đất rẫy ông Cao Lưu	2024	2.000	1.400	600	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
7	Xã Khánh Trung		600	0	600		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	0	600		
1	Đầu tư trang thiết bị hội trường 3 thôn	2024	600	0	600	Hệ thống loa, bàn ghế	
V	HUYỆN KHÁNH SƠN		2.500	0	2.500		
I	Xã Sơn Hiệp		2.500	0	2.500		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		2.500	0	2.500		
1	Nâng cấp sửa chữa nhà dài thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	2023	1.000		1.000	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	
2	Nâng cấp nhà dài thôn Tà Cụt xã Sơn Hiệp	2023	1.500		1.500	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	



Phụ lục 04:

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 8A/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Số lượng công trình	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG	213	3.936	1.179	2.757
A	CHIA THEO TIÊU CHÍ	213	3.936	1.179	2.757
1	Quy hoạch	43	2.880	0	2.880
2	Giao thông	90	1.172	252	921
3	Thủy lợi	23	1.314	921	393
4	Trường học	9	-577	127	-704
5	Cơ sở vật chất văn hóa	35	-696	-14	-682
6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1	-11	-3	-8
7	Hạ tầng thông tin và truyền thông	3	-141	-99	-42
8	Môi trường	2	0	0	0
9	Hạ tầng hợp tác xã	4	-5	-4	-1
*	Công trình cấp huyện	3	0	0	0
B	CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG	213	3.936	1.179	2.757
1	Vạn Ninh	20	300	0	300
2	Ninh Hòa	155	3.691	1.445	2.246
3	Diên Khánh	12	-111	-78	-33
4	Cam Lâm	3	-13	-4	-9
5	Cam Ranh	8	-241	-169	-72
6	Khánh Vĩnh	15	310	-15	325



STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TVBT	Số cấp kinh phí	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TVBT	Biên chế tài chính chi			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Số cấp huyện, thành phố quản chi hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										T.ĐBT	Số cấp kinh phí	Số cấp kinh phí						
1	Nâng cấp và chỉnh trang Tuyến đường Tỉnh lộ 1, đoạn từ ngã tư Cầu Ông Thìn đến ngã tư Cầu Ông Thìn, xã Ông Thìn, huyện Ông Thìn, tỉnh Ông Thìn.	2024	1.1.1	420	Đầu tư xây dựng	1000 triệu đồng	Nâng cấp và chỉnh trang Tuyến đường Tỉnh lộ 1, đoạn từ ngã tư Cầu Ông Thìn đến ngã tư Cầu Ông Thìn, xã Ông Thìn, huyện Ông Thìn, tỉnh Ông Thìn.	2024	1.1.1	420	100%	Đầu tư xây dựng	1000 triệu đồng	100%	Đầu tư xây dựng	Đầu tư xây dựng	1000 triệu đồng	
2	M.1.1.1.1.1.1																	
1	Đường tỉnh lộ 1, đoạn từ ngã tư Cầu Ông Thìn đến ngã tư Cầu Ông Thìn, xã Ông Thìn, huyện Ông Thìn, tỉnh Ông Thìn.	2024	1.1.1	200	Đầu tư xây dựng	500 triệu đồng	Đường tỉnh lộ 1, đoạn từ ngã tư Cầu Ông Thìn đến ngã tư Cầu Ông Thìn, xã Ông Thìn, huyện Ông Thìn, tỉnh Ông Thìn.	2024	1.1.1	200	100%	Đầu tư xây dựng	500 triệu đồng	100%	Đầu tư xây dựng	Đầu tư xây dựng	500 triệu đồng	
2	Đường tỉnh lộ 1, đoạn từ ngã tư Cầu Ông Thìn đến ngã tư Cầu Ông Thìn, xã Ông Thìn, huyện Ông Thìn, tỉnh Ông Thìn.	2024	1.1.1	200	Đầu tư xây dựng	500 triệu đồng	Đường tỉnh lộ 1, đoạn từ ngã tư Cầu Ông Thìn đến ngã tư Cầu Ông Thìn, xã Ông Thìn, huyện Ông Thìn, tỉnh Ông Thìn.	2024	1.1.1	200	100%	Đầu tư xây dựng	500 triệu đồng	100%	Đầu tư xây dựng	Đầu tư xây dựng	500 triệu đồng	

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh lần 02 chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/9/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../..... của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-BDT ngày/...../..... của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 13.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 (viết tắt là Nghị quyết số 62/NQ-HĐND, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (viết tắt là Nghị quyết số 27/NQ-HĐND) với những nội dung như sau:

1. Điều chỉnh khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND thành:

“1. Mục tiêu: Hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện các nội dung Chương trình nông thôn mới để đến cuối năm 2025 có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt

chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới”

2. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND thành:

“3. Tổng vốn thực hiện Chương trình là 1.513.288 triệu đồng (tăng 428.922 triệu đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND); trong đó:

- Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng (tăng 47.380 triệu đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND);

- Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng (tăng 381.542 triệu đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND).”

3. Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND thành:

“3. Vốn đầu tư phát triển thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025.

Đính kèm các phụ lục gồm:

- Phụ lục 01 - Lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Phụ lục 02 - Danh mục vốn đầu tư phát triển bổ sung so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phụ lục 03 - Danh mục công trình đưa ra khỏi Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phụ lục 04 - Danh mục đầu tư điều chỉnh của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.”

Điều 2. Các nội dung khác của Nghị quyết số 62/NQ-HĐND, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND vẫn còn hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày thángnăm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, KH&ĐT, NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm công báo (02 bản);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, TN, Tm.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Toàn



Phụ lục 01:

LỘ TRÌNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
	TỔNG CỘNG (dự kiến)	76 xã và 05 cấp huyện	39 xã và 01 cấp huyện	11 xã
I	Huyện Vạn Ninh	2025		
1	Xã Xuân Sơn	2018		
2	Xã Vạn Lương	2015		
3	Xã Vạn Hưng	2015	2023	
4	Xã Vạn Phú	2018	2022	2025
5	Xã Vạn Bình	2018	2025	
6	Xã Vạn Thắng	2016	2024	
7	Xã Vạn Khánh	2021		
8	Xã Vạn Long	2022		
9	Xã Vạn Phước	2020		
10	Xã Vạn Thọ	2019		
11	Xã Vạn Thạnh	2024		
II	Thị xã Ninh Hòa			
1	Xã Ninh Quang	2014	2020	2024
2	Xã Ninh Phụng	2015	2023	
3	Xã Ninh Bình	2017	2023	
4	Xã Ninh Hưng	2017	2023	
5	Xã Ninh Đông	2017	2023	2025
6	Xã Ninh Sim	2020		
7	Xã Ninh Trung	2020		
8	Xã Ninh Xuân	2021		
9	Xã Ninh Thân	2018	2024	
10	Xã Ninh Tân	2019	2024	
11	Xã Ninh Sơn	2020	2024	
12	Xã Ninh Lộc	2021	2025	
13	Xã Ninh Thượng	2024		
14	Xã Ninh Vân	2018		
15	Xã Ninh Phú	2019	2024	
16	Xã Ninh Ích	2020		
17	Xã Ninh Tây	2024		
18	Xã Ninh An	2025		
19	Xã Ninh Thọ	2016	2025	
20	Xã Ninh Phước			
III	Thành phố Nha Trang	2024		
1	Xã Vĩnh Trung	2015	2024	
2	Xã Vĩnh Thạnh	2015	2023	
3	Xã Vĩnh Hiệp	2014	2022	

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
4	Xã Vĩnh Lương	2019		
5	Xã Vĩnh Phương	2016	2020	2025
6	Xã Vĩnh Ngọc	2014		
7	Xã Phước Đồng	2016		
IV	Huyện Diên Khánh	2023	2025	
1	Xã Diên Điền	2016	2021	2025
2	Xã Diên Hòa	2017	2024	
3	Xã Diên Toàn	2017		
4	Xã Suối Tiên	2019		
5	Xã Diên Thạnh	2018		
6	Xã Bình Lộc	2020		
7	Xã Diên Xuân	2023		
8	Xã Diên Tân	2021		
9	Xã Diên Đồng	2022		
10	Xã Diên An	2014	2021	2025
11	Xã Diên Sơn	2015	2023	
12	Xã Diên Phước	2014	2022	2025
13	Xã Diên Lạc	2014	2022	2025
14	Xã Diên Phú	2014	2023	
15	Xã Diên Thọ	2015	2024	
16	Xã Diên Lâm	2015		
V	Huyện Cam Lâm	2025		
1	Xã Cam Hải Tây	2014	2021	2025
2	Xã Cam Tân	2015	2024	
3	Xã Cam Hiệp Nam	2015	2025	
4	Xã Cam Hiệp Bắc	2017		
5	Xã Cam Hải Đông	2016	2024	
6	Xã Cam Phước Tây	2023		
7	Xã Cam Hòa	2017	2025	
8	Xã Suối Cát	2021	2025	
9	Xã Cam Thành Bắc	2019	2021	2025
10	Xã Cam An Bắc	2018		
11	Xã Cam An Nam	2020		
12	Xã Sơn Tân	2024		
VI	Thành phố Cam Ranh	2025		
1	Xã Cam Bình	2014	2025	
2	Xã Cam Thịnh Đông	2015	2023	2025
3	Xã Cam Phước Đông	2025		
4	Xã Cam Lập	2015	2024	
5	Xã Cam Thịnh Tây	2025		
6	Xã Cam Thành Nam	2014	2025	
VII	Huyện Khánh Vĩnh			
1	Xã Sông Cầu	2019	2025	

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
2	Xã Khánh Đông	2025		
3	Xã Giang Ly			
4	Xã Khánh Thượng			
5	Xã Liên Sang			
6	Xã Khánh Thành			
7	Xã Khánh Phú			
8	Xã Khánh Nam			
9	Xã Khánh Trung			
10	Xã Khánh Hiệp			
11	Xã Khánh Bình	2025		
12	Xã Cầu Bà			
13	Xã Sơn Thái			
VIII	Huyện Khánh Sơn			
1	Xã Thành Sơn			
2	Xã Sơn Lâm			
3	Xã Sơn Bình	2024		
4	Xã Sơn Hiệp	2025		
5	Xã Sơn Trung			
6	Xã Ba Cùm Bắc			
7	Xã Ba Cùm Nam			



DANH MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỔ SUNG SƠ VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số *NQ-HĐND* ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		456.780	194.008	262.772				
I	HUYỆN VẠN NINH		43.614	21.984	21.630				
	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	2024	20.000	14.000	6.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Chợ Trung tâm huyện đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô diện tích khoảng 14.000 m ²	
1	Xã Vạn Thạnh		5.400	2.340	3.060				
a	Hệ thống lưới điện nông thôn		1.800	1.260	540	Đầu tư mới		Bổ sung máy phát điện chạy dầu, lắp đặt hệ thống đường dây điện và xây dựng trạm đặt máy phát cho các thôn Ninh Đảo, Ninh Tân, Diệp Sơn	
b	Trường học		3.600	1.080	2.520	Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ, Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học; Khối 5 phòng học; Công trường rào		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học; Khối 5 phòng học; Công trường rào	
2	Xã Vạn Thắng		1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học và thư viện; Công trường rào của điểm Khai Lương	
3	Thanh		1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; 11 phòng học	
2	Xã Vạn Thắng		5.200	2.040	3.160				
a	Giao thông		1.200	840	360	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư bổ sung hệ thống điện chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn trên các trục đường xã	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Khu thể thao xã với diện tích khoảng 20.000 m ²	
3	Vạn Bình		6.100	1.530	4.570	Đầu tư mới			
a	Cơ sở vật chất văn hóa		5.000	1.200	3.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư xây dựng Hội trường đa năng có sức chứa 250 chỗ ngồi; các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ; hệ thống wifi Parabol công cộng trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa thể thao xã	
b	Trường tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục Hội trường nhà văn hóa)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư các trang thiết bị thể dục, thể thao, giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại 05 thôn	
4	Xã Vạn Phú		1.100	330	770	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ đảm bảo các tiêu chí của chợ kinh doanh thực phẩm (gồm: sửa chữa, mở rộng Nhà lồng chợ, nâng nền bê tông khuôn viên chợ, hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng...)	
a	Trường học		5.564	1.669	3.895	Sửa chữa, nâng cấp	QH sử dụng đất		
			5.564	1.669	3.895				

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Trường THCS Mé Linh	2024	5.564	1.669	3.895	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	- Đầu tư cải tạo, sửa chữa khối hành chính quản trị, khối nhà lớp học, khối hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, mái che khu tập thể dục của học sinh, công trường rào; - Xây mới phòng học môn Mỹ thuật, phòng học môn Khoa học xã hội, môn Khoa học tự nhiên; - Sửa chữa, mua sắm mới trang thiết bị ban ghế phục vụ giảng dạy, học tập	
5	Xã Vạn Lương		1.200	360	840				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		1.200	360	840				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Hàng mục: Khu thể thao xã	2024	1.200	360	840	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Xây dựng công, tường rào, nâng nền khu thể thao xã với diện tích khoảng 3.800 m ²	
6	Xã Vạn Thọ		150	45	105				
a	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		150	45	105				
4	Sửa chữa, nâng cấp chợ Cỏ Mã	2024	150	45	105	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa bỏ trí các điểm kinh doanh, xây dựng nhà vệ sinh, khu để xe trong khuôn viên chợ	
II	THI XÃ NINH HÓA		285.216	100.059	185.157				
1	Xã Ninh Tây		5.727	1.718	4.009				
a	Trường học		5.727	1.718	4.009				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tây (Hàng mục: công trình phụ trợ, hệ thống PCCC)	2024	3.387	1.016	2.371	Xây dựng mới		- Công trình phụ trợ: tường rào, hồ thu gom rác thải tại 04 điểm trường - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC tại điểm trường chính. - Nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường TH & THCS Ninh Tây (Hàng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	2024	2.340	702	1.638	Xây dựng mới		- Nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xã Ninh Thượng		9.421	2.256	7.165				
a	Trường học		9.421	2.256	7.165				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng (Hàng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	6.428	1.928	4.500	Xây dựng mới		- Khối phòng học: 03 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường THCS Ngô Thi Nhâm (Hàng mục: tường rào)	2024	1.093	328	765	Xây dựng mới		- Xây dựng tường rào.	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		1.900		1.900				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Hiệp	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích khoảng 140 m ²	
2	Khu thể thao thôn 1	2024	700		700	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào	
3	Xã Ninh Phú		8.005	2.221	5.783				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		8.005	2.221	5.783				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Nam (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 2 (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Điện (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 1 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
5	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 2 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Lê Cam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
b	Trường học		7.403	2.221	5.183				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Phú (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	3.845	1.153	2.691	Đầu tư mới		- Khởi phòng học: 01 phòng học. - Công trình phụ trợ: tường rào - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Phú (Hạng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Trương Đình (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC)	2024	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
4	Xã Ninh Sơn		19.467	7.739	11.729				
a	Quy hoạch		700		700				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	700		700				
b	Giao thông		6.916	4.183	2.733				
1	Đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến trường mầm non Ninh Sơn	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 380 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 1m	
2	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn đoạn nhà ông Lân đến nhà ông Thành	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 420 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
3	Đường BTXM thôn 5, xã Ninh Sơn đoạn nhà bà Hương đến nhà ông Thọ	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 410 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
4	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến cầu máng Kênh Tây.	2024	900	630	270	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 309 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
5	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến nhà ông Phùng Tiếp.	2024	306	214	92	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 105 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
1	Đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Phạm Thái Phúc đến nhà ông Phạm Mỹ	2024	460		460	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 190 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
2	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Giang đến nhà ông Tuấn	2024	480		480	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 184 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
1	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ TL7 đến đất ông Khoa.	2024	680	476	204	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 390 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
2	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Lương đến đất ông Phi.	2024	510	357	153	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 340 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
c	Trường học		11.851	3.555	8.296				

ST	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	2024	2.829	849	1.980	Xây dựng mới		Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	2024	4.967	1.490	3.477	Xây dựng mới		Xây dựng phòng học. - Xây dựng khởi hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	2024	4.055	1.217	2.839	Xây dựng mới		Xây dựng khởi hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ.	
5	Xã Ninh Tân		26.935	8.021	18.915				
a	Quy hoạch		600		600				
1	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2024	600		600				
b	Giao thông		2.400	840	1.560				
1	Đường trục thôn Nhĩ Sư, đoạn từ cầu bà Tôn đến nhà ông Ty và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH xây dựng xã	BTXM, dài khoảng 670m, mặt đường 3m, nền 4m	
1	Đường trục xóm Nhĩ Sư (Nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sư)	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	BTXM, dài khoảng 550m, mặt đường 3m, nền 4m	
c	Trường học		23.935	7.181	16.755				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	8.342	2.503	5.839	Xây dựng mới		Xây dựng khởi 04 phòng học. - Khởi phòng hành chính quản trị. - Các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Tân	2024	7.203	2.161	5.042	Xây dựng mới		Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khởi hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	2024	8.391	2.517	5.873	Xây dựng mới		Xây dựng 05 phòng học. - Xây dựng khởi hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
6	Xã Ninh Tân		35.312	11.574	23.739				
a	Quy hoạch		1.000		1.000				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tỷ lệ 1/500)	2024	1.000		1.000				
b	Giao thông		3.900	2.450	1.450				
1	Đường từ ngã ba trại đến đất ông Công	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM dài khoảng 529m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường nối tuyến M và L	2024	400		400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	L. khoảng 200m, mặt BTXM 3,5m nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường từ đất Ông Say đến Tuyến 1400	2024	2.500	1.750	750	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, dài khoảng 1.365m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
c	Trường học		27.912	8.374	19.539				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	7.893	2.368	5.525	Xây dựng mới		Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khởi hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	2024	20.020	6.006	14.014	Xây dựng mới		- Xây dựng 14 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		500	150	350				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hàng mục: Nâng cấp, sửa chữa)	2024	500	150	350	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Sửa chữa, hệ thống dụng cụ ngoài trời, sân cầu lông, sơn sửa: sân khấu và nâng nền trung tâm văn hóa.	
d	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		2.000	600	1.400				
1	Chợ xã Ninh Tân	2024	2.000	600	1.400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Cứng hóa nền chợ, xây dựng các công trình phụ trợ và 5 kiot	
7	Xã Ninh Quang		23.105	8.991	14.113				
a	Giao thông		4.000	2.800	1.200				
1	Đoạn BTXM từ đồng Mã Voi cầu Từ đến giáp đường bê tông	2024	4.000	2.800	1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 1.503,37m, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,0m, lề đường 1,5m mỗi bên	
b	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.150	805	345				
1	Tuyến mương BTXM từ nhà ông Nhữ đến sông Bầu Nổi, thôn Thanh Mỹ	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 425,61m, rộng 0,9 m	
c	Trường học		13.955	4.186	9.768				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Quang	2024	1.986	596	1.390	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	2024	8.587	2.576	6.011	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	2024	3.382	1.015	2.368	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		4.000	1.200	2.800				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hàng mục: Sân bóng đá mini, Sân cầu lông, có mái che; Sân bóng chuyền, Nhà điều hành, nhà vệ sinh)	2024	4.000	1.200	2.800	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Sân bóng đá mini: S = 1.025m ² ; Hệ thống điện chiếu sáng sân bóng và các công trình phụ trợ; - Sân cầu lông có mái che: Diện tích 320m ² ; - Sân bóng chuyền: Diện tích 286m ² ; - Nhà điều hành và nhà vệ sinh: Tổng diện tích 141,01m ² ; Bố trí 2 khu vệ sinh cho nam và nữ - Các công trình phụ trợ.	
8	Xã Ninh Đông		15.318	5.216	10.101				
a	Quy hoạch		1.050	1.050	1.050				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.050	1.050	1.050				
b	Giao thông		1.180	826	354				
1	Đường nhà bà Hàng Thị Hồng đến công mương rúi Phú Nghĩa	2024	1.180	826	354	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Mặt BTXM 3,5 m, dài khoảng 700m	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.160	812	348				
1	Kiên cố hóa kênh Gấn Thượng	2024	1.160	812	348	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Mương BTXM, KT 1mx1m, thành 15cm, dài khoảng 470m	
d	Trường học		10.788	3.236	7.551				

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hàng mục: phòng học, phòng bộ môn)	2025	3.226	968	2.258	Xây dựng mới		- Xây dựng 02 phòng học - Xây dựng 02 phòng bộ môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hàng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	2025	2.660	798	1.862	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh.	
3	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hàng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.902	1.471	3.431	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học Tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
đ	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.140	342	798				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hàng mục: Sân khấu ngoài trời)	2024	1.140	342	798	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích 100 m2, có sân khấu chính và nhà vệ sinh	
9	Xã Ninh Lộc		12.000	4.215	7.785				
a	<i>Quy hoạch</i>		1.000		1.000				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.000		1.000				
b	<i>Giao thông</i>		3.888	1.322	2.566				
1	Tuyến đường thôn, liên thôn Đoàn từ nhà ông Trịnh Duy Phong đến nhà bà Huỳnh Thị Phùng	2024	860	602	258	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 429m	
1	Đoạn từ đất ông Hồ Công Anh đến ruộng ông Trịnh Văn Cúc	2025	735		735	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 339m	
2	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Thu Thảo đến nhà bà Lê Thị Hiền + đoạn nhà Trần Quốc Dũng đến nhà ông Phan Long	2025	475		475	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 237m	
3	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thanh Phương đến nhà ông Nguyễn Văn Khoa	2025	790		790	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 252m	
1	Đường nội đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường I/THC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chất (Đường quy hoạch giao thông mới)	2025	1.028	720	308	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 514m	
c	<i>Thun/lot và phòng chống thiên tai</i>		1.900	1.330	570				
1	Kiến cổ hoa kênh mương Cầu Quê Thôn Tân-Van Khê	2025	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiến cổ hoa mương BTXM dài khoảng 900m	
2	Kênh mương Ông Thang thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba tới Mương Bà Cỏ	2025	700	490	210	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiến cổ hoa mương BTXM dài khoảng 350m	
d	<i>Trường học</i>		5.212	1.564	3.648				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hàng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hàng mục: phòng thiết bị)	2025	470	141	329	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị	
3	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hàng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.166	650	1.516	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghỉ giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
10	Xã Ninh Thọ		33.430	13.715	19.715				
a	<i>Quy hoạch</i>		680		680				
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2024	259		259	Điều chỉnh	Nông thôn mới	2,865 ha	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn	2024	421		421	Xây dựng mới	Nông thôn mới	50ha	
b	<i>Giao thông</i>		6.722	3.945	2.777				
1	Đường Bình Sơn 4 (Bổ), đoạn từ tỉnh lộ 7 đến Bình Sơn 2	2025	484	339	145	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 253m; nền 3m; mặt 2,5m	
2	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông ròi đến xóm bà Dung	2025	1.500	1.050	450	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 672m; nền 3,5m; mặt 3 m	
3	Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến công địa ông Chung	2025	1.600	1.120	480	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 852m; nền 5,5m; mặt 3,5m	
1	Đường xóm ông Ân, đoạn đường BTXM nhà ông Vũ đến giáp đường đất	2025	260		260	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 161m; nền 3m; mặt 2,5m	
2	Đường xóm Đôn, đoạn từ nhà ông Thời đến đồng ruộng	2025	290		290	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 100m; nền 3m; mặt 2,5 m	
3	Đường xóm nhà ông Thúc, đoạn từ BTXM nhà ông Khánh đến đồng ruộng	2025	536		536	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 233m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
1	Đường Lạc An đi Ninh Điền, đoạn từ Công đến khu mồi dúi	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 246m; nền 4,5m; mặt 3,5 m	
2	Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong	2025	1.052	736	316	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 440m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
c	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		7.236	5.065	2.171				
1	Mương đồng Vui	2025	1.152	806	346	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 540m; 0,5m x 0,6m	
2	Nhánh N3-5 Mũi Dúi	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
3	Nhánh N3-Ồ Khanh	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
4	Mương N3-7A	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 550m; 0,6m x 0,6m	
5	Mương Đồng Trong	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
6	Mương Bảy Bình	2025	1.100	770	330	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,7m	
d	<i>Trường học</i>		10.482	3.745	7.338				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Hạng mục: khối hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.847	1.754	4.093	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		8.310	1.560	6.750				

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ	2025	5.200	1.560	3.640			Công tường rào dài khoảng 490m, tường xây gạch lắp khung sắt và keo lười B40; Sân khấu lộ thiên khoảng 150m ² nền sân lát gạch và xây dựng 2 phòng thay đồ nam nữ; Nhà vệ sinh khoảng 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch; Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích khoảng 1175m ² , nền lát cỏ, khung lưới bao che toàn bộ; Nhà đa năng khoảng 350m ² kết cấu tường xây gạch, kết cấu chính BTCT, mái lợp tôn, nền lát gạch, sân bóng chuyên xây gạch, 81,74m ² nền đổ bê tông. Lắp đặt hệ thống điện, dụng cụ thể dục thể thao; Sửa chữa sơn sửa hạng mục Nhà văn hóa thiếu nhi hiện có.	
1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc An (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	1.150		1.150	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Chánh Thành (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	500		500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
3	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Ninh Điện (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
4	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc Ninh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
5	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Bình Sơn (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	400		400	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
6	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Xuân Phong (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	460		460	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
II	Xã Ninh An		25.632	9.049	16.603				
<i>a</i>	<i>Quy hoạch</i>		<i>1.150</i>		<i>1.150</i>				
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2024	1.150		1.150				
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>		<i>15.534</i>	<i>6.359</i>	<i>9.175</i>				
1	Đường từ nhà ông Giáp đến nhà ông Minh	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 650m, nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Bình đến kênh N4	2024	1.214	850	364	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 655m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Tường đến bến đò	2024	1.250	875	375	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 680m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường từ nhà ông Hành đến giáp thôn 3, xã Ninh Sơn	2024	840	588	252	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
5	Đường từ nhà ông Thành đến trường tiểu học thôn Lạc Hoà	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 650m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
1	Đường từ nhà ông Thanh đến Gò Muồng	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 630m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Trang đi Hòn Chòn	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 550m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Lục đến trường tiểu học thôn Sơn Lộc	2024	1.050		1.050	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 580m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
4	Đường từ nhà bà Lê đến nhà ông Đức	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 594m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
5	Đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Chính	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 560m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
6	Đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Phương	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m, lề 0,5m mỗi bên	
7	Đường từ Học Điện đến cây Gù	2024	730	511	219	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 380m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà 7 xi đến giáp Hoà Thiện 1	2024	900	630	270	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ kênh N4 đến đồng Bùi Tiến Đức	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 370m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường BTXM từ mương N4 đến nhà ông Bi	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5m, lề 0,5m mỗi bên	
c	Trường học		3.268	1.580	3.688				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.268	680	1.588	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		3.700	1.110	2.590				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã	2024	3.700	1.110	2.590	Xây dựng mới	Sử dụng đất	Nhà đa năng sân thể thao, sân thể thao mi ni, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh, hệ thống điện, hệ thống nước, sân Bê tông, bồn hoa, sân khấu	
12	Xã Ninh Vân		16.676	5.923	10.753				
a	Giao thông		2.300	1.610	690				
1	Đường BTXM đoạn từ đường số 11 đến đường số 1	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 350m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Lê Phú Văn đến đường số 1	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 290m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
b	Trường học		8.476	2.543	5.933				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Vân	2024	1.379	414	965	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Xây dựng phòng học tại điểm chính và điểm phụ. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Vân	2024	7.097	2.129	4.968	Xây dựng mới			
c	Cơ sở vật chất văn hóa		5.900	1.770	4.130				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Ninh Vân (Hạng mục: Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), công phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	900	270	630	Nâng cấp	Nông thôn mới	Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), sửa chữa công phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Hội trường nhà văn hóa đa năng)	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Xây mới Hội trường văn hóa đa năng, diện tích 1.500m2 và 200 chỗ ngồi trở lên. Có bàn ghế, giá, tủ, ánh sáng, âm thanh khánh tiết, khu vệ sinh, nhà để xe	
13	Xã Ninh Trung		10.575	3.173	7.403				

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
a	Trường học		10.573	3.173	7.403				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.815	1.445	3.371	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lớp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà xe giáo viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. - Xây dựng 01 nhà kho. - Sửa chữa nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.280	984	2.296	Đầu tư mới			
3	Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)	2025	2.480	744	1.736	Đầu tư mới			
14	Xã Ninh ích		16.816	5.045	11.771				
a	Trường học		16.816	5.045	11.771				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.814	1.744	4.070	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, công trường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Trang - Đoàn tnc. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: công trường rào, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà xe giáo viên, 01 nhà xe học sinh, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. - Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 phòng bảo vệ. - Sửa chữa khối 14 phòng học đã xuống cấp.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đăng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	7.341	2.202	5.139	Đầu tư mới			
3	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	2025	3.661	1.098	2.563	Đầu tư mới			
15	Xã Ninh Xuân		18.484	8.715	9.769				
a	Giáo thông		8.600	6.020	2.580				
1	Đường GTNT xã Ninh Xuân từ nhà Bà Tuấn thôn Ngũ Mỹ đến đơn đường bê tông thuy lợi thôn Tân Mỹ	2024	4.600	3.220	1.380	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 2.300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTX&M đá 2x4 M250 dày 16cm	
2	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Cao Thiên Lộc đến nhà ông Nguyễn Ngọc Minh thôn Tân Mỹ	2024	1.700	1.190	510	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 850m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTX&M đá 2x4 M250 dày 16cm	
3	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn QL 26 đến nhà bà Lâm Thị Phúc thôn Tân Mỹ	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 350m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTX&M đá 2x4 M250 dày 16cm	
4	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn Tỉnh lộ 6 đến nhà ông Nguyễn Phó thôn Tân Mỹ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTX&M đá 2x4 M250 dày 16cm	
5	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Phạm Hữu Thoảng đến nhà bà Nguyễn Kim Phúc, Tồn Thị Cang thôn Tân Mỹ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTX&M đá 2x4 M250 dày 16cm	
b	Trường học		8.984	2.695	6.289				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thông, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.336	1.001	2.335	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền thông. - Xây dựng các công trình phụ trợ: tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hạng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.088	626	1.462	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
c	Cơ sở vật chất văn hóa		900		900				
	Nhà văn hóa thôn Ngũ Mỹ	2025	900		900	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Nhà văn hoá và các công trình phụ trợ	
16	Xã Ninh Sim		8.293	2.488	5.805				
a	Trường học		8.293	2.488	5.805				
	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sim (Hạng mục: phòng học)	2025	4.301	1.290	3.011	Đầu tư mới		- Xây dựng 04 phòng học.	
	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sim (Hạng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)	2025	1.372	412	960	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị.	
	Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hạng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.620	786	1.834	Đầu tư mới		- Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
III	HUYỆN CAM LÂM		75.550	31.895	43.655				
1	Xã Cam Tân		16.600	9.020	7.580				
a	Giao thông		10.100	7.070	3.030				
	Nâng cấp, sửa chữa và hệ thống thoát nước đường liên xã Cam Tân- Sơn Tân	2024-2025	6.000	4.200	1.800	Nâng cấp, sửa chữa		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 1998, đã xuống cấp. Thảm nhựa mặt đường rộng 6m, dài 1.950 mét	
	Đường nội đồng từ sân bóng đá đến vùng ruộng ló xây	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới		Hiện trạng đường đất đã xuống cấp, chiều dài 590m, rộng 4m	
	Đường nội đồng từ Công ông Lai đến ruộng bà Chục	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới		Đường bê tông xi măng, rộng 4m, dài 420m.	
	Đường nội đồng từ Chùa Báo Quang đến Đình mới	2024	1.800	1.260	540	Nâng cấp		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 2014, đã xuống cấp. Thảm nhựa mặt đường rộng 4m, dài 800 mét.	
b	Trường học		6.500	1.950	4.550				
	Trường Tiểu học Cam Tân	2024-2025	6.500	1.950	4.550	Xây mới, nâng cấp		Xây mới 04 phòng bộ môn, tường rào 3 mặt bên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh	
2	Xã Cam Hải Đông		3.000	900	2.100				
a	Trường học		3.000	900	2.100				
	Trường Tiểu học Cam Hải Đông	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng và mua sắm trang thiết bị	
3	Xã Cam Hải Tây		5.000	1.500	3.500				
a	Trường học		5.000	1.500	3.500				
	Trường Tiểu học Cam Hải Tây	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới		Xây mới nhà đa năng, 02 phòng học bộ môn và trang thiết bị	
4	Xã Cam Thành Bắc		9.000	3.470	5.530				
a	Giao thông		2.300	1.610	690				
	Sửa chữa, cải tạo đường bên cạnh trường THCS Nguyễn Hiền (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đất hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 4m, đường thảm nhựa rộng 3,5m	

S/N	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
2	Sửa chữa, cải tạo đường từ WB2 đến hội trường thôn Tân Lập (đường thôn)	2024	1.100	770	330	Sửa chữa, cải tạo	Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 220m, nền đường rộng 3,5m, đường BTXM rộng 3,5m		
b	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.700	360	1.340				
1	Sửa chữa, nâng cấp hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã	2024-2025	1.200	360	840	Nâng cấp	Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị		
1	Nâng cấp, sửa chữa hội trường thôn Tân Sinh Tây	2024-2025	500		500	xây mới	Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị hội trường thôn Tân Sinh Tây		
c	<i>Trường học</i>		5.000	1.500	3.500				
1	Nhà ăn uống, nhà vệ sinh học sinh, sân nền tường rào trường THCS Nguyễn Hiền	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới, cải tạo	Xây mới nhà ăn uống, nhà vệ sinh, tổng diện tích xây dựng 450m ² , chiều cao công trình 9m và các thiết bị kèm theo, xây lại tường rào và sân nền đường nội bộ		
5	Xã Cam Hiệp Nam		13.400	7.080	6.320				
a	<i>Giao thông</i>		8.400	5.880	2.520				
1	Đường bà Kim Anh, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
2	Đường ông Bền, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
3	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
4	Đường từ nhà ông Nguyễn Thế Hoàng đến đường sắt Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
5	Đường từ đất ông Phạm Văn Tiếp đến nơi đường với đường trại Heo, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
6	Đường từ đất ông Nguyễn Văn Triệu đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
7	Đường từ đất ông Nguyễn Lợi đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
b	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.000		1.000				
1	Nhà văn hóa thôn Suối Cát	2025	1.000		1.000	Xây mới	Hiện trạng đang xuống cấp, thiếu diện tích, tường rào, trang thiết bị		
c	<i>Trường học</i>		4.000	1.200	2.800				
1	Trường mầm non Thò Ngọc	2024-2025	1.000	300	700	Xây mới	Tường rào 3 mặt bên		
2	Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới	Xây mới nhà đa năng		
6	Xã Suối Cát		5.700	2.670	3.030				
a	<i>Giao thông</i>		1.200	840	360				
1	Đường giao thông trục nối đồng Hán Giang (từ nhà ông bốn Thiên ra đồng)	2024	1.200	840	360	làm mới	Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m		
b	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		1.200	840	360				

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Mương tưới thôn Suối Lau	2024	1.200	840	360			Xây mới tuyến mương khâu độ (60x60)cm, dài khoảng 500m	
	Trường học		3.300	990	2.310				
1	Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa JeJu	2024-2025	1.300	390	910	Xây mới		Xây 01 phòng học ngoại ngữ	
	Xây mới nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	2024-2025	2.000	600	1.400	Sửa chữa, mua sắm		xây mới 14 bệ xi nê, 8 nam; sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	
7	Xã Cam Hòa		14.950	3.045	11.905				
a	Giao thông		4.800		4.800				
1	Đường liên xóm từ nhà ông Nguyễn Trần đến nhà ông Hoàng Thái Hòa (thôn Văn Tử Đông)	2025	800		800	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài 400m, nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
	Đường liên xóm từ nhà ông Đậu Quang Huy đến nhà ông Nguyễn Văn Minh (thôn Văn Tử Tây)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
3	Đường liên xóm từ nhà bà Nguyễn Thị Minh Thành đến nhà Nguyễn Văn Duy (thôn Lập Định 3)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
	Đường liên xóm từ nhà ông Trà Đình Tuế đến nhà ông Lương Quý Cường (thôn Cầu Lợi 2)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
3	Đường liên xóm từ nhà bà Võ Thị Xinh đến nhà bà Nguyễn Thị Mỹ (thôn Cầu Lợi 1)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
	Trường học		10.150	3.045	7.105			Xây dựng công tường rào, nhà trực bảo vệ (điểm chính); Xây mới 04 phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ, cải tạo 02 khối phòng học, xây bổ sung nhà vệ sinh học sinh	
1	Trường TH Cam Hòa 1	2024-2025	10.150	3.045	7.105	Xây mới, cải tạo			
	Xã Cam An Bắc		1.500	150	1.350				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		1.500	150	1.350				
1	Sửa chữa nhà văn hóa 05 thôn	2024	1.000	150	850	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị	
	Sửa chữa nhà thi đấu xã	2024	500	150	350	Sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp, công trình phụ nhà thi đấu	
9	Xã Cam An Nam		6.400	4.060	2.340				
	Giao thông		5.800	4.060	1.740				
1	BTXM đường hồ bom thôn Vĩnh Trung (đường thôn)	2025	2.000	1.400	600	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 1500 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
	Đường B8 thôn Vĩnh Đông	2025	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa		Chiều dài tuyến đường khoảng 600m; mặt đường đá dăm láng nhựa rộng 3,5m	
3	BTXM đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hòa đi đến khu sản xuất thôn Vĩnh Nam (đường thôn)	2025	400	280	120	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 200 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
	Đường Dồn điện Lê Văn Nghĩa đến - Trần Lê Nguyễn Nghi đến - Nguyễn Dũng (đường sắt)	2025	1.200	840	360	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 800 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
4	Đường liên thôn Vĩnh Trung song song đường sắt (đường thôn)	2025	1.000	700	300	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 800 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
b	Cơ sở vật chất văn hóa		600		600				
/	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Trung	2025	600		600			Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, quạt, sơn tường, làm mới mái vòm, la phong nhà văn hóa thôn và (sân nền bê tông xi măng diện tích 200 m2)	
IV	THÀNH PHỐ CAM RANH								
1	Xã Cam Thịnh Tây								
a	Giao thông		2.400	1.680	720				
/	Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thương), xã Cam Thịnh Tây	2025	2.400	1.680	720				
/	Xây dựng lại đường hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây	2025	1.200	840	360				
V	HUYỆN KHÁNH VINH								
1	Xã Sông Cầu								
a	Giao thông		45.000	33.390	11.610				
/	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	2025	20.600	17.420	3.180				
b	Cơ sở vật chất văn hóa		3.600	2.520	1.080				
/	Nâng cấp sân vận động xã	2025	3.600	2.520	1.080				
c	Trường học		3.000	900	2.100				
/	Nâng cấp sân vận động xã, xây tường rào bao quanh, mương thoát nước lắp đặt đúng quy thể thao ngoài trời	2025	3.000	900	2.100				
/	Xây dựng 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng và sửa chữa các hạng mục công trình như sau: Khối lớp học 08 phòng; Nhà bảo vệ; Nhà bếp; Khối nhà hành chính; Công, Tường rào; Cải tạo Sân đường nội bộ	2024	14.000	14.000					
2	Xã Khánh Đông								
a	Cơ sở vật chất văn hóa		13.800	11.350	2.450				
/	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	2025	3.500	1.050	2.450				
b	Trường học		3.500	1.050	2.450				
/	Bổ sung xây dựng, sửa chữa các hạng mục trường Tiểu học Khánh Đông	2024	10.300	10.300					
3	Xã Khánh Bình								
a	Giao thông		4.700	1.890	2.810				
/	Đường từ Hồ Ba Dúi vào Nghĩa trang xã	2025	1.200	840	360				
b	Cơ sở vật chất văn hóa		3.500	1.050	2.450				
/	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình	2025	3.500	1.050	2.450				
4	Xã Khánh Thượng								
a	Cơ sở vật chất văn hóa		3.500	1.050	2.450				
/	Xây dựng trung tâm văn hóa đa năng xã rộng 200m2, trên 150 chỗ ngồi; 02 phòng nhà chức; mua sắm bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.	2025	3.500	1.050	2.450				

Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	Trung tâm Văn hoá - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng	2025	3.500	1.050	2.450	Xây dựng mới	NTM	Nhà văn hoá: Hội trường từ 150-200 chỗ ngồi, phòng chức năng, bàn ghế, âm thanh, nhà để xe, khu vệ sinh... Khu thể thao: Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi và các hạng mục khác theo quy định của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.	
5	Xã Khánh Hiệp		2.400	1.680	720				
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>		<i>2.400</i>	<i>1.680</i>	<i>720</i>				
	Nối tiếp Tuyến B3 Tuyên từ nhà ông Lâm Văn Hùng đến Sông Chò thôn Ba Cánh (B3) giai đoạn cuối.	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
	Nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Cánh (B2) giai đoạn cuối.	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+300 (Đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
VI	HUYỆN KHÁNH SƠN		5.000	5.000					
1	Xã Sơn Hiệp		5.000	5.000					
<i>a</i>	<i>Trường học</i>		<i>5.000</i>	<i>5.000</i>					
	Nâng cấp Trường Mầm non Hòa Mi	2024	5.000	5.000		Nâng cấp, sửa chữa	Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch sđđ đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Khánh Sơn	Xây mới 01 phòng: nâng cấp, sửa chữa các phòng học hiện có, tường rào, bếp ăn, khu làm việc hành chính	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo báo cáo số BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
TỔNG CỘNG							
			79.175	40.086	39.090		
1	THỊ XÃ NINH HÒA		34.435	19.583	14.853		
1	Xã Ninh Sơn		12.890	6.867	6.023		
a	<i>Giao thông</i>		3.580	2.506	1.074		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hải đến nhà ông Kíp	2024	1.200	840	360	- Chiều dài: 440 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà ông Hoa đến Kênh Đông	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	
	<i>Đường trục chính nội đồng</i>						
1	Đường nội đồng thôn 2, đoạn từ đất ông Giang đến đất bà Mười	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 680 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
b	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		4.820	3.374	1.446		
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 5, đoạn từ đất ông Diệp đến ruộng ông Hòa	2024	1.240	868	372	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt ĐXH = (60x60) cm	
2	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ kênh Đông đến đất ông Toàn	2024	1.180	826	354	- Chiều dài: 510 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt ĐXH = (60x60) cm	
3	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất ông Thái đến Lô 6	2024	1.210	847	363	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt ĐXH = (60x60) cm	
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Đỗ đến đất ông Tuấn	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 560 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt ĐXH = (60x60) cm	
c	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.200	0	1.200		
1	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 5	2024	1.200	0	1.200	Nhà 01 tầng diện tích xây dựng 9,7x19,3=187,21 m2, chiều cao công trình 5,9m, mái lợp ngói 22x1m2. Kế cấu móng trụ BTCT kết hợp xây đá chèn VXM M30. Giàn gỗ, giằng, dầm bằng BTCT đá 1x2cm M200. Tường bao che xây gạch Block bê tông dày 200 mm, trát VXM bê mátt, sơn nước. Mái lợp ngói, khung kèo thép hộp mạ kẽm, trần tole sóng nhỏ. Nền lát gạch men 500x500 mm, cốp gạch chân tường 120x500 mm. Cửa đi, cửa sổ nhôm kính, cửa sổ có loa sắt bảo vệ. Bậc cấp xây gạch chèn VXM M75 và trát đá mài màu vàng kem. Xây dựng kết hợp khu vệ sinh trong nhà, tường trong nhà ốp gạch men. Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước cho toàn công trình	
d	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		1.190	357	833		
1	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà bán quản lý và Kiot chợ)	2024	1.190	357	833	Xây dựng nhà bán quản lý và các kiosk Kiot chợ Hòa Mỹ	
d	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		900	630	270		
1	Đài truyền thanh xã Ninh Sơn	2024	900	630	270	Khoảng 30 cụm loa	
e	<i>Môi trường</i>		1.200	0	1.200		
1	Cải tạo, xử lý bãi rác	2024	1.200	0	1.200	Cải tạo xử lý bãi rác	
2	Xã Ninh Tân		6.600	2.534	4.066		
a	<i>Giao thông</i>		5.400	2.534	2.866		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Đường trục thôn Nhị Sự (WB2 đến nhà ông Yên)	2024	2.900	2.030	870	Dài 1450m, mặt đường 3,5m, nền 5m	Góp thành công trình mới bổ sung
2	Đường trục thôn Nhị Sự (WB2 đến nhà ông Tôn)	2024	720	504	216	Dài 360m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
	<i>Đường xóm, liên xóm</i>						
1	Đường trục xóm Nhị Sự (Đình Nhị Sự đến giếng làng)	2024	680	0	680	Dài 340m, mặt đường 3m, nền 3,5m	Góp thành công trình mới bổ sung
2	Đường trục xóm Nhị Sự (nhà ông Trúc đến giếng làng)	2024	700	0	700	Dài 350m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
3	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thịnh)	2024	400	0	400	Dài 200m, mặt đường 3m, nền đường 3m	
b	<i>Môi trường</i>		1.200	0	1.200		
1	Công trình bãi rác mới	2024	1.200	0	1.200	Đào hố chôn lấp khối lượng rác cũ đã xử lý. Đào hố rác mới và xử lý rác	
3	Xã Ninh Tân		10.200	7.140	3.060		
a	<i>Giao thông</i>		10.200	7.140	3.060		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nlơn	2024	600	420	180	Dài 250m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
	<i>Đường xóm, liên xóm</i>						
1	Trần từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bò Đồi	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
2	Đường BTXM từ đất bà Sương đến đất nhà Ông Lụa	2024	500	350	150	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
	<i>Đường trục chính nội đồng</i>						
1	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Qunng đến đất Ông Hiền	2024	1.000	700	300	L khoảng 400m, mặt BTXM 3,5m dày 18cm	
2	Đường từ tỉnh lộ 5 đến đất ông Hùng	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
3	Đường từ đất Ông Khang đến ngã ba Hòn Đà	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
4	Đường từ ngã 3 hòn đá đến tỉnh lộ 8	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
5	Đường từ đất ông Quảng đến trại Năm	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
6	Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Nuôi	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
7	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tùng đến tuyến 1400	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
8	Đường từ Ba Cầu đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	2024	1.100	770	330	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
4	Xã Ninh Vân		1.245	872	374		
a	<i>Giao thông</i>		645	452	194		
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>						
1	Đường số 6 (núi dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cán	2024	210	147	63	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
2	Đường số 16 đoạn từ Mương thoát lũ đến Đường số 5 núi dài	2024	90	63	27	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 60 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
3	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 núi dài đến Đường số 6 núi dài	2024	150	105	45	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
4	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 núi dài đến Đường số 1	2024	195	137	59	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
b	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		600	420	180		

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng	2024	100	70	30	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng: Trung tâm văn hoá- thể thao, 02 thôn.	
2	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	500	350	150	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	
5	Xã Ninh Quang		1.500	1.050	450		
a	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.500	1.050	450		
1	Kênh mương BTXM N12B nhánh 2	2024	1.000	700	300	BTXM, chiều dài L = 500m, rộng 0,6m	Đã gộp với công trình Kênh mương BTXM N12B nhánh 1
2	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 2	2024	500	350	150	BTXM, chiều dài L = 300m, rộng 0,4m	Đã gộp với công trình Kênh mương đồng Bà Nghiễn nhánh 1
6	Xã Ninh Phú		2.000	1.120	880		
a	Hạ tầng hợp tác xã		2.000	1.120	880		
1	Xây dựng xương sọ chiề, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	2024	2.000	1.120	880		
II	HUYỆN CAM LÂM		17.200	7.640	9.560		
1	Xã Suối Cát		8.800	5.120	3.680		
a	Giao thông		1.200	840	360		
	Đường giao thông trục nội đồng Suối Lau	2024	1.200	840	360		
a	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		5.000	3.500	1.500		
	Hạ tầng thiết yếu phòng chống thiên tai: Kè chống sạt lở Đồng Cam và đồng Cỏ	2024	5.000	3.500	1.500		
a	Trường học		2.600	780	1.820		
	Xây mới 4 phòng điểm Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhà	2024	2.600	780	1.820		
2	Xã Sơn Tân		8.400	2.520	5.880		
a	Trường học		8.400	2.520	5.880		
1	Xây mới trường mẫu giáo Hòa Mi	2023	8.400	2.520	5.880	Gồm 4 phòng học, nhà hành chính, bếp ăn, trường rào, sân trường.	
III	THÀNH PHỐ CAM RANH		5.500	2.660	2.840		
1	Xã Cam Bình		900	0	900		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		900	0	900		
	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	900	0	900		
2	Xã Cam Lập		800	0	800		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		800	0	800		
	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	800	0	800		
3	Xã Cam Phước Đông		3.800	2.660	1.140		
a	Giao thông		3.800	2.660	1.140		
	Đường nội đồng bà Thơm, thôn Thống Nhất	2024	3.800	2.660	1.140		
IV	HUYỆN KHÁNH VINH		19.540	10.203	9.337		
1	Xã Khánh Bình		1.200	0	1.200		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		1.200	0	1.200		
	Xây mới nhà văn hóa và khu thể thao thôn Ba Dúi	2025	1.200	0	1.200	Sửa chữa nhà công đồng, bố trí trang thiết bị	
2	Xã Khánh Phú		4.750	2.800	1.950		
a	Giao thông		4.000	2.800	1.200		
	Bê tông hóa đường từ đất ông Kiều Văn đến Hương lộ G2	2023	1.000	700	300		
1	Bê tông hóa đường nội đồng giai đoạn 2	2023	1.000	700	300		
2	Bê tông hóa đường Ông Đức di ông Tiến-kiều nghị của các hộ ST - ông Trường	2025	1.000	700	300		
3	Bê tông hóa đường từ đất ông Tuấn di Antrim	2025	1.000	700	300		
b	Môi trường		750	0	750		
	Đầu tư xe chuyên dụng thu gom rác	2025	750	0	750		
3	Xã Khánh Thượng		5.690	3.063	2.627		
a	Giao thông		3.390	2.373	1.017		
	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Đa Mạnh đến đèo Gia Vu	2023	1.190	833	357	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	
2	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	
3	Bê tông xi măng đường vào nghĩa địa thôn Tà Gộc	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		2.300	690	1.610		
	Khu văn hóa trung tâm xã	2024	1.200	360	840	Xây dựng nhà văn hóa và các trang thiết bị như bàn ghế, đàn âm thanh,...	
2	Khu thể thao trung tâm xã	2024	1.100	330	770	Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như sân bóng, chỗ ngồi, ... và các hạng mục khác	
4	Xã Khánh Hiệp		2.500	1.400	1.100		
a	Giao thông		2.000	1.400	600		
	Tuyến B13 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m, mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
2	Tuyến B14 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m, mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
b	Môi trường		500	0	500		
	Mở rộng nghĩa trang xã (giai đoạn 2)	2025	500	0	500	diện tích 2000m2 san ủi mặt bằng, xây tường rào	
5	Xã Cầu Bà		600	0	600		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	0	600		
	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đà Trắng	2025	300	0	300	Sửa chữa nhà văn hóa và bố trí các trang thiết bị	
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đà Bàn	2025	300	0	300		
6	Xã Liên Sang		4.200	2.940	1.260		
a	Giao thông		4.200	2.940	1.260		
	Đường vào khu sản xuất Suối nhỏ	2024	2.200	1.540	660	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	
2	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Mã Khánh đến đất rẫy ông Cao Lem	2024	2.000	1.400	600	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
7	Xã Khánh Trung		600	0	600		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	0	600		
	Đầu tư trang thiết bị hội trường 3 thôn	2024	600	0	600	Hệ thống loa, bàn ghế	
V	HUYỆN KHÁNH SƠN		2.500	0	2.500		
1	Xã Sơn Hiệp		2.500	0	2.500		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		2.500	0	2.500		
1	Nâng cấp sửa chữa nhà dãi thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	2023	1.000		1.000	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	
2	Nâng cấp nhà dãi thôn Tà Cù xã Sơn Hiệp	2023	1.500		1.500	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	

DANH MỤC ĐẦU TƯ BIỂU CHỈNH CỦA CÁC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2014-2025 T.1, Q. 2.7
 (Kèm theo Nghị quyết số .../2024/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TAXDT	Số cấp tỉnh	Số cấp tỉnh ưu tiên	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Năm thực hiện	TAXDT	Số cấp tỉnh	Số cấp tỉnh ưu tiên	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Chi chi								
																		Đầu tư công nghiệp và dịch vụ		Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Số cấp tỉnh	Số cấp tỉnh ưu tiên	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư
																		Năm thực hiện	Số cấp tỉnh						
1	HỒN VẠN SƠN																								
1	Xã Xuân Sơn																								
1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Sơn	2024	500	500	500	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	500	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Sơn giai đoạn 2024-2030	500	2024	2024	500	500	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	500	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Sơn giai đoạn 2024-2030	Ra xét, cấp phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Sơn giai đoạn 2024-2030								
2	Xã Xuân Hương																								
2	Xã Xuân Hương																								
2	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Hương	2024	300	300	300	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	300	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Hương giai đoạn 2024-2030	300	2024	2024	300	300	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	300	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Hương giai đoạn 2024-2030	Ra xét, cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Hương giai đoạn 2024-2030								
3	Xã Xuân Lương																								
3	Xã Xuân Lương																								
3	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Lương	2024	400	400	400	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	400	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Lương giai đoạn 2024-2030	400	2024	2024	400	400	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	400	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Lương giai đoạn 2024-2030	Ra xét, cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Lương giai đoạn 2024-2030								
4	Xã Xuân Phú																								
4	Xã Xuân Phú																								
4	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Phú	2024	300	300	300	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	300	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Phú giai đoạn 2024-2030	300	2024	2024	300	300	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	300	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Phú giai đoạn 2024-2030	Ra xét, cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Phú giai đoạn 2024-2030								
5	Xã Xuân Thịnh																								
5	Xã Xuân Thịnh																								
5	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Thịnh	2024	400	400	400	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	400	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Thịnh giai đoạn 2024-2030	400	2024	2024	400	400	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	400	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Thịnh giai đoạn 2024-2030	Ra xét, cấp phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Thịnh giai đoạn 2024-2030								
6	Xã Xuân Trường																								
6	Xã Xuân Trường																								
6	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Trường	2024	300	300	300	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	300	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Trường giai đoạn 2024-2030	300	2024	2024	300	300	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	300	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Trường giai đoạn 2024-2030	Ra xét, cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xuân Trường giai đoạn 2024-2030								
7	Xã Xuân Xuân																								
7	Xã Xuân Xuân																								
7	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Xuân	2024	400	400	400	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	400	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Xuân giai đoạn 2024-2030	400	2024	2024	400	400	Đầu tư công nghiệp và dịch vụ	400	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Xuân giai đoạn 2024-2030	Ra xét, cấp phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn ở Xuân Xuân giai đoạn 2024-2030								

STT	Tên công trình	Năm khởi công	T.V.D.T	% cấp tỉnh	Số đơn vị cấp huyện, xã và cấp xã	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Trình độ công trình	Năm khởi công	Biên chế ngân sách vốn		Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Trình độ công trình	Số cấp huyện	Số cấp tỉnh	T.V.D.T	Số cấp huyện	Số cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp tỉnh	NS cấp trung ương	NS cấp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	CHỈ CHU														
										T.V.D.T	NS cấp nhà nước																													
1	Dòng chảy, liên thôn	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
2	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
3	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
4	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
5	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
6	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
7	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
8	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
9	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi
10	Nhà cấp, ưu đãi	2024	1.000	75%	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	2024	1.000	75%	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi	Đường trục thôn, liên thôn	2024	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	1.000	75%	12	12	Nhà cấp, ưu đãi

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp (m)	NS cấp (m³)	NS cấp (m³)	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp (m³)	NS cấp (m³)	NS cấp (m³)	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư			CHI CHI	
																	TMĐT	NS cấp (m³)	NS cấp (m³)		
1	Nâng cấp các công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3	2024	1.440	0	0	0	Nâng cấp, sửa chữa công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3	Nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3	2024	1.399	1.399	0	0	0	0	0	0	0	0	Nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3	
2	Nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3	2024	1.440	0	0	0	Nâng cấp, sửa chữa công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3	Nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3	2024	1.399	1.399	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 1, 2 và nâng cấp công trình Tiểu học ở đường 3
1	Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn	2024	1.130	0	0	0	Nâng cấp, sửa chữa công trình Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn	Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn	2024	1.129	1.129	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nâng cấp, sửa chữa công trình Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn
2	Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn	2024	1.240	0	0	0	Nâng cấp, sửa chữa công trình Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn	Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn	2024	1.198	1.198	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nâng cấp, sửa chữa công trình Đường phố đồng bộ từ thị trấn Cầu Ông Thìn đến thị trấn Cầu Ông Thìn

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

*

Số 422-BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**sơ kết 2,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU,
ngày 11/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII)
về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025**

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Trong bối cảnh tình hình khu vực và quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột giữa các quốc gia, cũng như các biến động phức tạp trên chính trường thế giới đã tác động đến cục diện thế giới, tạo ra cơ hội lẫn thách thức đan xen cho Việt Nam. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh COVID-19 cơ bản được kiểm soát ở nhiều nước, song việc một số quốc gia tiếp tục duy trì chính sách hạn chế xuất nhập cảnh, giao thương hàng hóa, bảo hộ thương mại, kiểm soát chặt chẽ hơn việc đi lại giữa các quốc gia,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, trong đó có tỉnh Khánh Hòa.

Song, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc Hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị đã định hướng rõ ràng hơn về mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cùng với sự chung tay, giúp sức, ủng hộ của các bộ, ban, ngành của Trung ương, sự nỗ lực, quyết tâm, đoàn kết của toàn hệ thống chính trị tỉnh Khánh Hòa, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đang dần hồi phục và trên đà tăng trưởng mạnh trở lại, các nhiệm vụ chính trị đang thực hiện theo đúng lộ trình đề ra.

Trên cơ sở đó, tận dụng tối đa cơ hội, khắc phục những hạn chế, khó khăn, tỉnh Khánh Hòa sau hơn 2,5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy (*viết tắt là Nghị quyết số 08-NQ/TU*) đã đạt được những kết quả tích cực, được các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp ủng hộ, đồng tình, chung tay góp sức với chính quyền địa phương, từng bước đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới ở các vùng

quê thực sự đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thay đổi diện mạo các vùng nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về tổ chức quán triệt, tuyên truyền và tập huấn triển khai

Trên cơ sở các quan điểm, định hướng lãnh đạo của Trung ương, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Nghị quyết số 08-NQ/TU, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy đã tập trung phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 08-NQ/TU đến các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể ở các cấp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân¹. Qua đó, đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân trong công tác xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh giao cho các sở, ngành theo chức năng, lĩnh vực quản lý phối hợp với các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đến toàn thể đảng viên, công chức và Nhân dân cùng chung tay, xây dựng nông thôn mới. Công tác tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cũng được quan tâm, chú trọng hơn², từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; đã tổ chức được 08 lớp tập huấn với 950 lượt người tham gia, kịp thời thông tin cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nắm bắt được định hướng, chủ trương phát triển nông thôn mới của Trung ương, của tỉnh, để tập trung triển khai thực hiện.

Ngoài ra, Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thường xuyên cập nhật, thông tin đến cơ sở và người dân thông qua các chương trình, phóng sự, tin bài trên các trang thông tin điện tử. Tại các xã tham gia Chương trình nông thôn mới, các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở cũng đã thường xuyên vận động Nhân dân trên địa bàn xã thực hiện các chủ trương, chính sách Chương trình nông thôn mới như: đổ rác đúng nơi quy định, trồng hoa ven các trục đường chính, giữ gìn cảnh quan xanh, sạch, đẹp, chấp hành tốt việc thực thi pháp luật, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn,... Nhằm tiếp tục khích lệ, động viên các địa phương có thành tích cao trong

¹ Các chính sách, chủ trương, tiến độ thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh đã được Đài phát thanh - truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thường xuyên cập nhật, thông tin đến cơ sở và người dân thông qua các chương trình, phóng sự, tin bài trên các trang thông tin điện tử.

² Năm 2021, do tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nên các lớp tập huấn không được tổ chức. Năm 2022, Văn phòng Điều phối đã tổ chức 05 lớp tập huấn với 520 lượt người tham dự về các chủ trương, chính sách Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và phối hợp với các Sở, ngành tổ chức hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo quy định của giai đoạn mới cho các xã, huyện trên địa bàn. Năm 2023, Văn phòng Điều phối đã tổ chức 03 lớp tập huấn với 430 lượt người tham dự; tổ chức tập huấn đến tận địa phương để hỗ trợ cơ sở nắm bắt các định hướng của Chương trình nhằm thực hiện đạt chuẩn theo quy định.

phong trào cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới, năm 2020 tỉnh đã khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, khen thưởng công trình phúc lợi cho 05 xã nông thôn mới tiêu biểu gồm: xã Vạn Phước, Ninh Ích, Ninh Sơn, Bình Lộc, Ninh Phú với tổng kinh phí 7.500 triệu đồng; năm 2022, tỉnh tặng bằng khen cho 05 cá nhân, 05 hộ gia đình có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua. Công tác tuyên truyền, vận động đã góp phần nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy cụ thể hóa, ban hành các văn bản dưới nhiều hình thức khác nhau như kế hoạch, chỉ thị, nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU³ trên địa bàn, địa phương quản lý, qua đó chỉ đạo chính quyền cùng cụ thể hóa để triển khai thực hiện, ban hành các quy định cụ thể hóa để các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Tỉnh đã ban hành các văn bản khung⁴ liên quan đến danh mục dự án đầu tư được áp dụng cơ chế đặc thù, chính sách hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước và một số văn bản khác liên quan đến Chương trình; các bộ tiêu chí nông thôn mới⁵, công tác tổ chức bộ máy thực hiện chương trình⁶, các văn bản về tập huấn, tuyên truyền⁷ đã kịp thời ban hành, cơ bản kịp thời đáp ứng được tính

³ Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 06/4/2021 của Huyện ủy Vạn Ninh, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 16/7/2021 của Thị ủy Ninh Hòa, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 26/4/2021 của Thành ủy Nha Trang, Kế hoạch số 35-KH/HU ngày 09/4/2021 của Huyện ủy Cam Lâm, Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 29/3/2021 của Huyện ủy Diên Khánh, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 06/5/2021 của Thành ủy Cam Ranh, Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 19/5/2021 của Huyện ủy Khánh Sơn, Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 30/6/2021 của Huyện ủy Khánh Vĩnh.

⁴ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

⁵ Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành BTC thôn đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng tại các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 - 2025.

⁶ Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 662/QĐ-TCTXDNTM ngày 20/10/2022 của Tổ công tác về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025.

⁷ Quyết định 2763/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 6166/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh tổ chức thực hiện phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch số 1596/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ các cấp, người dân và cộng đồng tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch số 2359/KH-SNN ngày 08/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021 - 2025.

đồng bộ, phù hợp với các quy định của Trung ương trong triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025.

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện của cấp ủy, chính quyền địa phương

Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc họp Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG về Chương trình xây dựng nông thôn mới để nắm bắt tình hình, có chỉ đạo phù hợp và tham mưu Ban cán sự đảng báo cáo Tỉnh ủy xem xét, điều chỉnh lộ trình phù hợp trong từng năm. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên giám sát, đôn đốc tiến độ triển khai tại các địa phương⁸; qua đó, hướng dẫn các địa phương thực hiện các nội dung mới tại các bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025⁹, đồng thời yêu cầu ưu tiên thực hiện các tiêu chí về phát triển sản xuất nhằm nâng cao vậy chất, tinh thần người dân nông thôn, đối với các công trình đã được phân bổ vốn cần khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình để đạt chuẩn các tiêu chí về hạ tầng.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Đảng đoàn HĐND tỉnh cũng đã chỉ đạo tổ chức giám sát tình hình xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn tham gia Chương trình, tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết về hỗ trợ phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy đã tổ chức kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình đối với Ban Thường vụ Huyện ủy Diên Khánh, Ban Thường vụ Thị ủy Ninh Hòa, Ban Thường vụ Huyện ủy Vạn Ninh và Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch số 18-KH/TU, ngày 10/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, hỗ trợ các xã chưa hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới, các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khó khăn của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025*, hàng năm từng đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thường xuyên tổ chức các đoàn đi làm việc, kiểm tra, chỉ đạo và đôn đốc các xã phụ trách để triển khai thực hiện Chương trình theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao.

⁸ Năm 2021 do điều kiện dịch bệnh khó khăn, công tác giám sát thực hiện Chương trình chủ yếu thực hiện qua văn bản và các hình thức phù hợp khác; năm 2022, 2023 đã tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình tại các địa phương; công tác xây dựng kế hoạch và thực hiện các nội dung thành phần Chương trình nông thôn mới.

⁹ Kết luận số 981/TB-SNN ngày 16/3/2023 (Khánh Sơn), 1055,1067/TB-TCTXDNTM ngày 20/3/2023 (Cam Lâm, Ninh Hòa); số 1182,1183/TB-TCTXDNTM ngày 27/3/2023 (Cam Ranh, Diên Khánh), số 1270,1272,1273 ngày 03/4/2023 (Nha Trang, Vạn Ninh, Khánh Vĩnh) đề nghị UBND 08 huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành, UBMTTQVN triển khai các nội dung công việc cụ thể để đạt mục tiêu Chương trình phù hợp với tình hình thực tế tại từng địa phương.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Mức độ hoàn thành các mục tiêu Chương trình

a) Mục tiêu chung

Qua 2,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU, Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đạt nhiều kết quả tích cực, bảo đảm tính kế thừa thành quả của giai đoạn trước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường, quan tâm đầu tư, bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở hầu hết các vùng nông thôn được cải thiện, an sinh xã hội được đảm bảo và theo đúng lộ trình đề ra.

b) Mục tiêu cụ thể

Tính đến tháng 09/2023, toàn tỉnh đã có **63/92 xã** (68,5% số xã) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới - đạt 85% so với mục tiêu tại Nghị quyết 08-NQ/TU; 10/92 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (10,9% số xã) - đạt 27% kế hoạch; chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới bình quân chung trên địa bàn toàn tỉnh là 14,3 tiêu chí/xã (theo bộ tiêu chí giai đoạn 2022 - 2025). Trong đó:

- *Huyện Diên Khánh*: 15/16 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 93,8% mục tiêu tại Nghị quyết 08-NQ/TU), 04 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 50% mục tiêu), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (mục tiêu là 03 xã), hiện đang hoàn tất hồ sơ trình công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- *Huyện Cam Lâm*: 10/12 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 83,3% mục tiêu), 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (33,3% mục tiêu), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (mục tiêu là 02 xã).

- *Huyện Vạn Ninh*: 10/11 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 90,9% mục tiêu), 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 25% mục tiêu), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (mục tiêu là 01 xã).

- *Thành phố Nha Trang*: 07/07 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 100% mục tiêu), 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (50% mục tiêu), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Thành phố Cam Ranh*: 04/06 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (66,7% mục tiêu), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (mục tiêu là 04 xã), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (mục tiêu là 01 xã).

- *Thị xã Ninh Hòa*: 16/20 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 80% mục tiêu), 01 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 10% mục tiêu), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (mục tiêu là 02 xã).

- *Huyện Khánh Vĩnh*: 01/13 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 50% mục tiêu), chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (mục tiêu là 01 xã).

- *Huyện Khánh Sơn*: chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới (mục tiêu là 01 xã).

**Về Bộ tiêu chí Huyện đạt chuẩn nông thôn mới*: Đến tháng 9/2023, huyện Diên Khánh đã đạt 03/04 nội dung¹⁰, 04/09 tiêu chí trong bộ tiêu chí huyện nông thôn mới¹¹. Hiện nay, UBND huyện Diên Khánh đã có Tờ trình đính kèm Hồ sơ; Sở Nông nghiệp và PTNT đang tiến hành rà soát, cùng các sở ngành thẩm tra hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành báo cáo thẩm tra gửi Trung ương đề nghị thẩm định xem xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023. Các địa phương khác đang tiến hành triển khai đánh giá để xây dựng lộ trình đạt chuẩn trong năm 2025.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

a) Công tác phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng, miền.

Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 29/3/2023) và Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định 298/QĐ-TTg, ngày 27/3/2023) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đang tiếp tục chỉ đạo các cấp ngành đẩy nhanh công tác lập quy hoạch (điều chỉnh quy hoạch chung, lập quy hoạch chung đô thị mới, quy hoạch xây dựng vùng) làm cơ sở triển khai phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Các xã tham gia xây dựng nông thôn mới cũng đang tiến hành rà soát, lập mới, điều chỉnh quy hoạch để đạt các yêu cầu tiêu chí quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với quy hoạch của cấp trên theo quy định.

Công tác hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn được chú trọng nhằm góp phần nâng cao đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân trên địa bàn nông thôn. Giai đoạn 2021 - 9/2023, tỉnh Khánh Hòa

¹⁰ Gồm: 10% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 100% số thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn đô thị văn minh, > 90% số người dân trên địa bàn huyện hài lòng với kết quả xây dựng nông thôn mới; riêng nội dung có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới: huyện hiện có 15/16 xã đã có quyết định công nhận đạt chuẩn, xã Diên Xuân đang hoàn tất thủ tục trình công nhận đạt chuẩn năm 2023.

¹¹ Gồm: Quy hoạch, Điện, Kinh tế, Chất lượng môi trường sống; hiện đang đẩy nhanh tiến độ thi công để đạt các tiêu chí Giao thông, Thúc lợi và phòng chống thiên tai, Y tế - văn hóa - giáo dục và thực hiện các giải pháp để đạt chuẩn tiêu chí Môi trường, Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.

đã đầu tư 295.794 triệu đồng để phát triển hạ tầng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (trong đó, vốn NS cấp tỉnh là 188.249 triệu đồng, vốn NS cấp huyện, cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác là 107.545 triệu đồng). Trong đó, hỗ trợ thực hiện 93 công trình giao thông, 37 công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai, 05 công trình trường học, 13 công trình cơ sở vật chất văn hóa, 03 công trình cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 02 công trình thông tin và truyền thông, 07 công trình hỗ trợ hạ tầng hợp tác xã, 01 công trình hạ tầng khu sản xuất tập trung, 04 công trình kết nối xã huyện.

b) Công tác hỗ trợ phát triển sản xuất

- Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân được quan tâm hỗ trợ; giai đoạn 2021 - 9/2023, đã hỗ trợ chuyển đổi 461ha cây trồng kém hiệu quả¹², nhiều mô hình hay đã được chuyển giao cho người dân trên địa bàn¹³. Đến nay, đã có 23 mã số vùng trồng được cấp với diện tích 4.098 ha¹⁴, với 02 mã số đi EU, 03 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu đi Trung Quốc và EU.

Tỉnh cũng đã tạo nhiều điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường, đẩy mạnh hoạt động giới thiệu sản phẩm, tham gia hội chợ. Khuyến khích thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong đầu tư sản xuất và tiêu thụ nông sản, khuyến khích thực hiện hình thức hợp đồng tiêu thụ nông sản trực tiếp với người dân, vận động các đơn vị tham gia các phiên chợ nông sản do Trung ương và tỉnh tổ chức nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ gia đình nông dân, ... quảng bá, phát triển thương hiệu, liên kết tiêu thụ nông sản.

- Công tác đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã: Các hợp tác xã đã trên địa bàn tỉnh đã tổ chức kinh doanh theo hướng đa dạng hóa các khâu dịch vụ, đáp ứng cơ bản các yêu cầu của sản xuất nông nghiệp; nhiều hợp tác xã hoạt động gắn với sản phẩm chủ lực của vùng, áp dụng công nghệ cao, tiên tiến vào sản xuất, thực hiện liên kết theo chuỗi, liên kết với các siêu thị để tiêu thụ sản phẩm. Các HTX hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm cho thành viên và lao động thời vụ khác tại địa phương, đóng góp ngân sách, góp phần thay đổi đời sống, kinh tế người lao động tại địa phương. Chủ động tổ chức vận động, hướng dẫn các hộ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trên các lĩnh

¹² Giai đoạn 2021 - 9/2023, ngân sách tỉnh đã phân bổ 38.181 triệu đồng (vốn đối ứng 27.098 triệu đồng) hỗ trợ chuyển đổi 461 ha cây trồng, gồm: 225 ha sầu riêng; 26,8ha bưởi; 83ha xoài; 0,5ha chuối; 6,5ha điều; 24,9ha mít; 25,9ha dứa; 04ha măng cầu và 19,4ha các loại cây trồng khác.

¹³ Nhiều mô hình đã được Trung tâm khuyến nông và Sở Khoa học và công nghệ triển khai, theo dõi, chuyển giao cho người dân trên địa bàn như: thâm canh cây măng cầu thái, cây đinh lăng theo hướng GAP, nuôi dê sinh sản chất lượng cao, nuôi tôm sú kết hợp các địa, có dò, nuôi tôm thẻ chân trắng 02 giai đoạn trên ao lót bạt ứng dụng công nghệ Semi-Biofloc, ứng dụng công nghệ Sồng trong ao để nuôi cá biển,...

¹⁴ Phục vụ xuất khẩu Xoài: 3947,9 ha với 16 mã số xoài đi Hoa Kỳ, NewZealand, Úc, Trung Quốc, EU; Sầu riêng: 125,4 ha với 05 mã số đi Trung Quốc; Lúa: 24,7982 ha.

vực giống, vật tư, nguyên liệu, phát triển ngành nghề, tạo thu nhập cao trên một diện tích canh tác, góp phần tác động mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Nhiều HTX đã thực hiện tốt các vấn đề xã hội, hỗ trợ thành viên, chăm sóc các gia đình chính sách, đào tạo nghề cho các hộ nông dân,... góp phần ổn định chính trị, an ninh trật tự, củng cố hệ thống chính trị trên địa bàn. Đến tháng 05/2023, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 100 HTX đang hoạt động gồm: 55 HTX chuyển đổi, 45 HTX mới thành lập với 40.362 thành viên¹⁵.

- Về hỗ trợ ngành nghề nông thôn: Đã tập trung hỗ trợ nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm ngành nghề nông thôn và sản phẩm OCOP được công nhận, xếp hạng đạt từ 03 sao trở lên, đặc biệt là các sản phẩm mang tính lợi thế vùng miền¹⁶.

c) Công tác cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn

Đã thường xuyên chỉ đạo các địa phương kiểm tra, xử lý vệ sinh môi trường tại các điểm dân cư, nơi công cộng, tổ chức thu gom rác thải và tập kết tại các bãi rác theo quy định. Các nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện công tác nâng cao chất lượng môi trường trong xây dựng nông thôn mới gồm: hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch nông thôn, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp, bao gói thuốc bảo vệ thực vật, bảo vệ môi trường làng nghề, cảnh quan môi trường nông thôn, tăng cường công tác an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, đảm bảo công tác vệ sinh. Với sự nỗ lực của địa phương, đặc biệt là vai trò của các đoàn thể và sự tham gia tích cực của người dân, nhiều mô hình bảo vệ môi trường đã ra đời, mô hình “*thắp sáng đường quê*”, “*ngôi nhà xanh*”, “*tuyến đường hoa*”, “*phụ nữ hạn chế sử dụng túi nilon*”, “*hội nông dân tham gia thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật*”,... nhận thức được cải thiện, chất lượng môi trường được nâng cao.

d) Công tác phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ; đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; giữ gìn an ninh và trật tự xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, đời sống văn hóa tinh thần cho người dân

- Chất lượng đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn 92 xã về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tiếp tục được duy trì và nâng cao. Hoàn thiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học

¹⁵ Số lượng HTX đang hoạt động được phân loại theo ngành nghề cụ thể gồm: 77 HTX trồng trọt, 05 HTX chăn nuôi, 03 HTX khai thác thủy sản, 04 HTX nuôi trồng thủy sản, 04 HTX diêm nghiệp và 02 HTX tổng hợp.

¹⁶ Các sản phẩm Trầm cảnh mỹ nghệ và các sản phẩm từ trầm của Hợp tác xã Trầm hương Vạn Thắng; Nước yến cao cấp phù hợp cho bé, Nước yến cao cấp Hoàng Kim, Tô yến chưng sẵn đường phèn, Tô yến chưng sẵn dành cho người ăn kiêng, Tô yến trắng đã làm sạch của Công ty TNHH dịch vụ thương mại và sản xuất Hoàng Kim; Mật chuối, giấm chuối, chuối mốc sấy dẻo, chuối già sấy dẻo, tiêu se, bột thảo dược, xích tiêu đậu, tinh dầu sả của Cơ sở chế biến An Hòa và Măng khô, chuối sấy, trà vối túi lọc của Công ty Cổ phần đầu tư sinh thái Khánh Sơn.

ở các xã; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; chú trọng nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*) tại các địa phương tiếp tục được chú trọng. Môi trường, chất lượng, hiệu quả giáo dục các xã vùng nông thôn không ngừng được củng cố, duy trì và phát triển bền vững; hệ thống, quy mô mạng lưới trường lớp được phát triển rộng khắp theo hướng chuẩn hoá, chú trọng chất lượng và đảm bảo điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục đều đảm bảo đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; tỷ lệ lưu ban, bỏ học ngày càng giảm,... khoảng cách chênh lệch về mặt bằng chất lượng, hiệu quả giáo dục ở vùng nông thôn so với thành thị đã được rút ngắn, tạo được sự công bằng trong giáo dục giữa các vùng, miền, góp phần tích cực trong việc triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Đề án “*Xây dựng xã hội học tập*” đã được Chính phủ đề ra.

- Mạng lưới Y tế trên địa bàn tỉnh không ngừng được xây dựng, củng cố và phát triển, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đến nay, 100% trạm y tế xã có bác sỹ, hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi và hơn 500 cán bộ y tế thôn, trong đó trên 80% nhân viên y tế thôn được đào tạo chuyên môn từ 06 đến 09 tháng. Về cơ sở vật chất, 100% trạm y tế xã đã được xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp khang trang, có trang thiết bị y tế cơ bản đủ điều kiện phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại cộng đồng. Hiện nay, 29/137 trạm y tế xã, phường đại diện các cụm trạm phục vụ cho vùng lân cận có trang bị máy siêu âm, máy xét nghiệm sinh hóa, huyết học, tổng phân tích nước tiểu và điện tâm đồ.

- Các thiết chế văn hóa xã, thôn nhìn chung đều phát huy được các công năng sử dụng, tổ chức được nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động khác để nhân dân trên địa bàn tham gia¹⁷. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao thường xuyên được tổ chức. Ý thức tự giác của các gia đình trong phong trào xây dựng gia đình văn hóa được nâng cao, tinh thần đoàn kết của nhân dân ở từng địa bàn dân cư không ngừng được phát huy, tình làng nghĩa xóm ngày càng gắn bó. Việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; đoàn kết tương

¹⁷ Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao thường xuyên được tổ chức. Số người dân nông thôn tham gia thường xuyên các hoạt động luôn đạt trên 50% thông qua tập luyện các môn thể thao cầu lông, bóng đá, bóng chuyền...; các câu lạc bộ sở thích như Câu lạc bộ thơ nhạc, Câu lạc bộ Ông bà cháu...; các hội thi, hội diễn nghệ thuật quần chúng, hội thi tuyên truyền văn hóa, liên hoan các làng văn hóa... được tổ chức định kỳ phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức đã thu hút ngày càng nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ của Mặt trận tổ quốc, Hội Người cao tuổi, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, sinh hoạt hè cho thanh thiếu nhi; liên hoan văn nghệ, các cuộc thi và các hoạt động sinh hoạt văn hóa, các giải văn nghệ, thể thao nhân các ngày lễ, kỷ niệm nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống, nét đẹp văn hóa dân tộc.

trợ trong cộng đồng dân cư đã được các hộ gia đình tích cực tham gia hưởng ứng, mang lại nhiều kết quả thiết thực. Đến tháng 9/2023, 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí văn hóa.

- Tỉnh Khánh Hòa tiếp tục triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bằng nhiều hình thức như: hỗ trợ tín dụng hộ nghèo, hỗ trợ đất, kỹ thuật canh tác, phát thẻ bảo hiểm miễn phí, miễn giảm học phí, xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo, tạo việc làm tại chỗ, tổ chức đào tạo nghề cho lao động, đặc biệt chú trọng cho con em hộ nghèo và đồng bào dân tộc nhằm nâng cao trình độ tay nghề, tạo cơ hội có việc làm để tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Đến hết năm 2022, khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh còn 9.249 hộ nghèo/202.322 hộ dân (4,57%).

e) Các Chương trình chuyên đề

Các văn bản khung thực hiện các Chương trình chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới đã được ban hành, làm cơ sở để triển khai thực hiện đến năm 2025. Chương trình mỗi xã một sản phẩm đã đạt được nhiều kết quả tích cực (đến cuối năm 2022 đã có 103 sản phẩm được công nhận và xếp hạng đạt từ 03 sao trở lên), nhãn hiệu, bao bì đóng gói được quy chuẩn hóa, giúp thuận tiện trong việc giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, nâng cao thu nhập cho người dân. Các Sở, ngành, địa phương cũng đang khẩn trương thực hiện các nội dung công việc nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn, chuẩn hoá các điểm đến và sản phẩm du lịch; phấn đấu mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 điểm du lịch nông thôn được công nhận gắn với lợi thế về nông nghiệp, văn hóa, làng nghề hoặc môi trường sinh thái của địa phương. Công tác chuyển đổi số cũng được chú trọng nhằm mục tiêu số hóa các lĩnh vực trên đời sống kinh tế - xã hội nhằm tạo thuận tiện cho người dân. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ và bảo đảm an ninh trật tự cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng mọi mặt đời sống của người dân.

3. Kết quả phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình

Tỉnh Khánh Hòa không được Trung ương hỗ trợ vốn trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2025. Nguồn vốn thực hiện Chương trình chủ yếu là vốn ngân sách các cấp và vốn tín dụng. Từ tháng 01/2021 đến tháng 09/2023, tỉnh Khánh Hòa đã phân bổ 92.555 triệu đồng vốn sự nghiệp kinh tế¹⁸ và 295.794 triệu đồng vốn đầu tư phát triển¹⁹ thực

¹⁸Bao gồm các nội dung: Hỗ trợ hoạt động Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG (1.055 triệu đồng); tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới (1.745 triệu đồng); truyền thông về Chương trình nông thôn mới (383 triệu đồng); hỗ trợ điều tra thu nhập

hiện Chương trình nông thôn mới. Bên cạnh đó, các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn cũng đã hỗ trợ các tổ chức, cá nhân vay vốn để thực hiện các nội dung có liên quan đến xây dựng nông thôn mới; trong đó, dư nợ cho vay đến ngày 30/6/2023 là 17.108 tỷ đồng²⁰.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

1.1. Ưu điểm

Ban cán sự đảng UBND tỉnh tích cực chỉ đạo UBND tỉnh và các sở, ngành tham mưu thực hiện các nội dung Chương trình; Đảng ủy Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc nhằm chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình nông thôn mới hiệu quả. Vì vậy, các văn bản khung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã được khẩn trương ban hành, đảm bảo tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; năm 2021 tiếp tục sử dụng chính sách hỗ trợ vốn đầu tư phát triển, hỗ trợ phát triển sản xuất của giai đoạn 2016 - 2020, đảm bảo phù hợp với chỉ đạo của Trung ương, giúp chương trình triển khai liền mạch; công tác rà soát, phê duyệt chủ trương đầu tư từng phần, từng địa phương phù hợp với tình hình triển khai tiến độ các quy hoạch cấp tỉnh, huyện, liên huyện trên địa bàn tỉnh, vừa đảm bảo chương trình nông thôn mới được thực hiện, vừa phù hợp với các quy định hiện hành. Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh linh hoạt điều chỉnh lộ trình phù hợp. UBND tỉnh đã chủ động, thường xuyên có văn bản xin ý kiến của Trung ương về các nội dung còn vướng mắc về cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình chung trên cả nước để định hướng thực hiện Chương trình hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

1.2. Hạn chế

Đến tháng 9/2023, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh chỉ đạt 68,5%, thấp hơn bình quân chung cả nước là 73,65%; huyện Khánh Sơn vẫn chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới. Công tác huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư, doanh nghiệp còn thấp. Nhiều tiêu chí, chỉ tiêu đến nay có mức đạt thấp;

(880 triệu đồng); triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (26.188 triệu đồng); hỗ trợ ngành nghề nông thôn (3.664 triệu đồng); hỗ trợ phát triển sản xuất (58.710 triệu đồng).

¹⁹ Trong đó, đầu tư giao thông 112.612 triệu đồng; đầu tư công trình Thủy lợi và phòng chống thiên tai 38.542 triệu đồng; Trường học 8.699 triệu đồng; Cơ sở vật chất văn hóa 28.315 triệu đồng; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn 7.492 triệu đồng; Hạ tầng thông tin và truyền thông là 1.650 triệu đồng; Hỗ trợ theo QĐ 1804 là 6.265 triệu đồng; Hạ tầng khu sản xuất tập trung 1.168 triệu đồng; Hạ tầng kết nối xã huyện 91.051 triệu đồng.

²⁰ Trong đó, cho vay hộ sản xuất kinh doanh - 6.629 tỷ đồng, cho vay làm đường nông thôn - 140 tỷ đồng, cho vay xây dựng nhà ở - 888 tỷ đồng, cho vay hộ nghèo - 816 tỷ đồng, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn - 1.030 tỷ đồng...

trong đó, tiêu chí Tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn chỉ có 17/92 xã đạt, tiêu chí Y tế 31/92 xã đạt, tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm 47/92 xã đạt.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của cấp ủy, chính quyền một số địa phương còn chưa kiên quyết, chưa nỗ lực hết sức trong công tác chỉ đạo, giám sát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đạt mục tiêu Chương trình trên địa bàn. Một số địa phương tập trung đầu tư là chính, chưa có sự quan tâm đúng mức đến công tác hỗ trợ phát triển sản xuất và thực hiện các tiêu chí mềm trong xây dựng nông thôn mới. Cấp cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức triển khai Chương trình nhưng chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động về lợi ích, vai trò chủ thể của người dân; năng lực cán bộ cơ sở còn hạn chế nên chưa chủ động tham mưu các giải pháp phù hợp với địa bàn nên chưa tận dụng được các chính sách trong triển khai Chương trình.

2.2. Nguyên nhân khách quan

Giai đoạn 2021 - 2025 là giai đoạn bản lề để tỉnh Khánh Hòa phấn đấu đạt mục tiêu của Bộ Chính trị về xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh cũng đang thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã; trong điều kiện nhiều nội dung công việc không thể chủ động, các địa phương còn sợ sai nên một số nội dung Chương trình triển khai còn chậm.

Bên cạnh đó, Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 có nhiều chỉ tiêu, tiêu chí mới với mức chuẩn cao hơn so với giai đoạn trước trong khi hầu hết các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 phần lớn là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội thấp hơn các xã đạt chuẩn giai đoạn trước; việc đạt chuẩn nông thôn mới sẽ không còn được thụ hưởng nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước nên một số địa phương còn gặp khó khăn trong quá trình vận động thực hiện Chương trình.

3. Bài học kinh nghiệm

Để triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hiệu quả cần sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền; trong đó, cần mạnh dạn chỉ đạo, phân định rõ các nội dung ưu tiên thực hiện theo từng Chương trình kinh tế xã hội trọng điểm, đối với các nội dung Trung ương chưa

có hướng dẫn thì khẩn trương ban hành các văn bản tạm thời hoặc dần thời gian áp dụng để đảm bảo tiến độ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Dự báo tình hình

Tỉnh Khánh Hòa đang triển khai thực hiện các quy hoạch cấp huyện, liên huyện nên quá trình điều chỉnh quy hoạch cấp xã còn cần thời gian để rà soát, đáp ứng các quy định của pháp luật về quy hoạch. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đang triển khai kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nên số xã tham gia Chương trình sẽ thay đổi, dẫn đến phải tiếp tục rà soát, điều chỉnh lộ trình thực hiện Chương trình. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đang trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung các bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nên cần phải tiếp tục theo dõi, tham mưu điều chỉnh các chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn để đảm bảo đồng bộ, phù hợp.

2. Mục tiêu

Nghiêm túc triển khai các nội dung Chương trình nhằm mục tiêu cốt lõi là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn; xây dựng nông thôn mới để kéo giảm khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, góp phần từng bước phục vụ mục tiêu xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Tiếp tục phấn đấu đạt được các mục tiêu về số xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU; trong đó, phấn đấu đến cuối năm 2025, tỉnh Khánh Hòa có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Về đảm bảo mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021 - 2025

Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy nghiêm túc, quyết liệt chỉ đạo UBND cấp huyện, xã xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Chương trình hiệu quả; hạn chế việc tiếp tục xin điều chỉnh lộ trình; tăng cường công tác vận động người dân, doanh nghiệp chung tay xây dựng nông thôn mới; khẩn trương rà soát các nội dung còn vướng mắc để xây dựng giải pháp phù hợp. Các xã không có

trong lộ trình đạt chuẩn đến năm 2025 cũng phải có kế hoạch để giữ vững và nâng cao số tiêu chí đạt.

Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh, các sở, ngành thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; có biện pháp xử lý phù hợp đối với các tập thể, cá nhân có tư tưởng thụ động, ỷ lại trong quá trình thực hiện Chương trình.

3.2. Về triển khai nội dung thành phần chương trình nông thôn mới

- *Về quy hoạch*: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các quy hoạch trên địa bàn; các huyện, thị xã, thành phố phải xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nói riêng và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh nói chung. Trong quá trình triển khai thực hiện, cần đảm bảo sự đồng bộ giữa quy hoạch cấp dưới, cấp trên và đáp ứng các yêu cầu trong xây dựng nông thôn mới.

- *Về hạ tầng kinh tế - xã hội*: Khẩn trương rà soát, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình nông thôn mới trên toàn tỉnh; trong đó, các địa phương cần xác định nguồn lực đối ứng thực hiện Chương trình, chủ động thực hiện các thủ tục đầu tư, không để thủ tục hành chính làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân đầu tư công; khẩn trương thực hiện khi có quyết định của cấp có thẩm quyền. Đầu tư hạ tầng cần tập trung, tránh chồng chéo, lãng phí.

- *Về phát triển sản xuất*: Cần tiếp tục xem hỗ trợ phát triển sản xuất là nội dung cơ bản, chủ yếu khi phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã tham gia Chương trình nông thôn mới; tăng cường hỗ trợ nhằm thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân. Chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế. Ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, hàng hóa nông sản có chứng nhận. Triển khai thực hiện sâu rộng Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị.

- *Về văn hóa - xã hội, môi trường*: Tiếp tục khuyến khích các mô hình, cách làm hay trong công tác nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân, công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả công tác xử lý môi trường tại những nơi có ô nhiễm nghiêm trọng, phát triển các mô hình thôn, xóm xanh sạch đẹp tạo cơ sở phát triển du lịch nông thôn.

- *Về hệ thống chính trị, quốc phòng, an ninh:* Tiếp tục kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở, cải thiện và nâng cao chất lượng hành chính công, xây dựng xã tiếp cận pháp luật. Tăng cường công tác đấu tranh, ngăn chặn và kiềm chế các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng, củng cố phát triển lực lượng công an cơ sở làm công tác đảm bảo an ninh trật tự ở khu vực nông thôn. Phát huy vai trò của lực lượng công an, quốc phòng từ tỉnh đến xã trong việc tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo, tổ chức, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ quốc phòng, an ninh

- *Về các chương trình chuyên đề nông thôn mới:* Tiếp tục tăng cường phân công, phân cấp các cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; giao nội dung, mục tiêu, trách nhiệm cụ thể nhằm khai thác hiệu quả các Chương trình chuyên đề để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

Nơi nhận: (VBĐT)

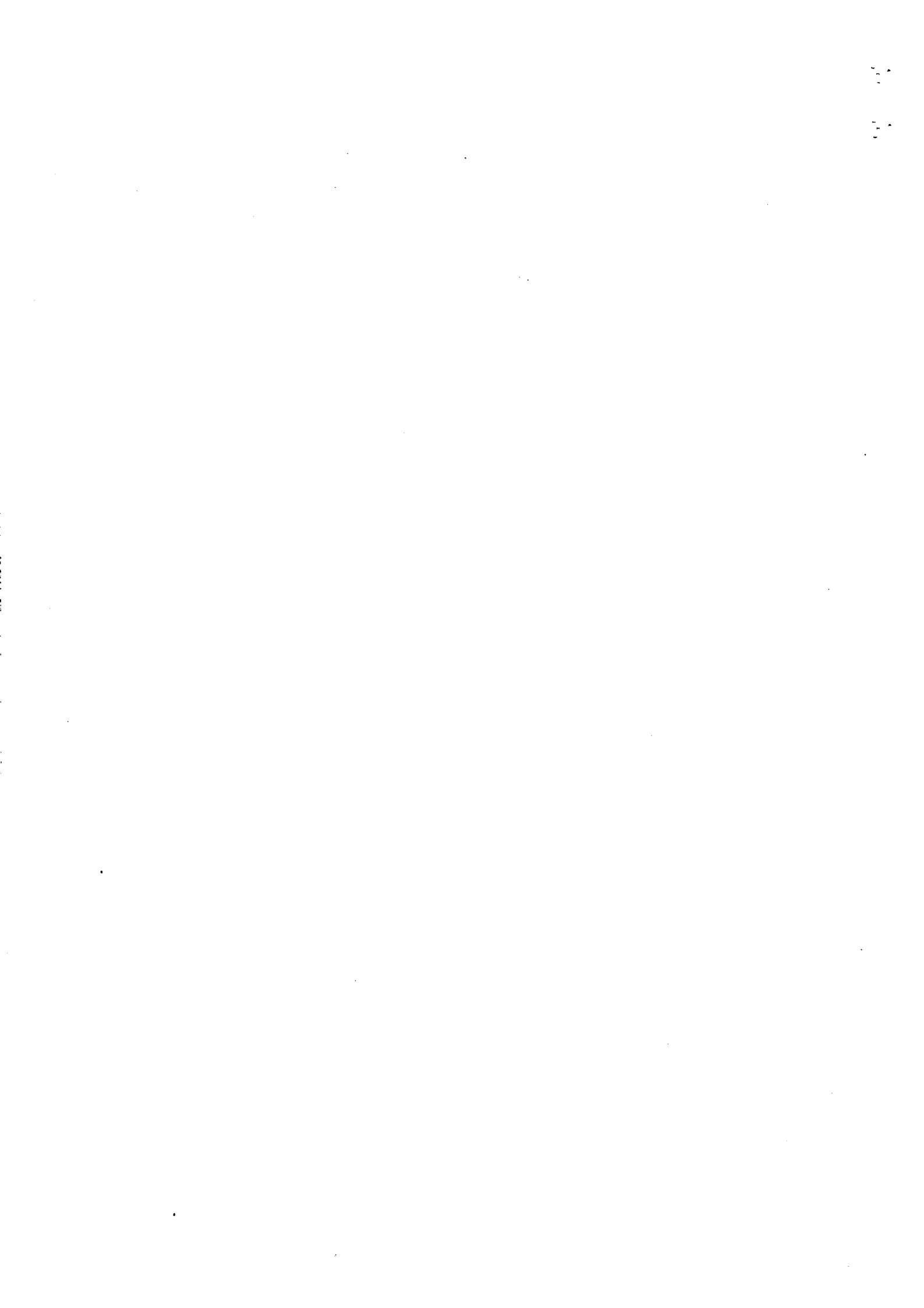
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Cán sự Đảng Bộ NN và PTNT,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố,
- Sở Nông nghiệp và PTNT,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Tỉnh ủy Khánh Hòa
29-12-2023 16:33:58 +07:00

Nguyễn Khắc Toàn



KẾT LUẬN

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025

Sau 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025* (viết tắt là Nghị quyết số 08-NQ/TU), nhiều mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới và Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy. Tổ chức bộ máy thực hiện chương trình cơ bản bảo đảm; năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ngày càng nâng cao. Các tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh đã nỗ lực, chung tay góp sức trong việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc được quan tâm đầu tư; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện, an sinh xã hội được đảm bảo. Đến hết tháng 12/2023, tỉnh Khánh Hòa có đã có 64/92 xã (69,6% số xã) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; có 10/92 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (10,9% số xã); số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới bình quân chung trên địa bàn toàn tỉnh là 14,9 tiêu chí/xã (theo bộ tiêu chí giai đoạn 2022 - 2025).

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Chương trình vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc: Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện chương trình; vai trò của cơ quan tham mưu, điều phối chương trình chưa được thể hiện rõ; việc cụ thể hóa Nghị quyết số 08-NQ/TU còn chậm; công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân tham gia thực hiện chương trình còn chưa sâu rộng; việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư, doanh nghiệp tham gia vào chương trình chưa cao; còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh thấp hơn bình quân chung cả nước đạt 68,5% (cả nước bình quân đạt 73,65%), một số tiêu chí về tổ chức

sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, y tế, môi trường và an toàn thực phẩm còn thấp.

Những hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Cơ quan có thẩm quyền chưa lãnh đạo, chỉ đạo để hướng dẫn giải quyết dứt điểm những lúng túng của một số địa phương trong việc lựa chọn phân bổ nguồn lực đầu tư xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn hay chương trình phát triển đô thị; chưa có kế hoạch cụ thể điều chỉnh, bổ sung việc tham gia chương trình nông thôn mới đối với một số xã bị ảnh hưởng trong quá trình lập và phê duyệt các đồ án quy hoạch; một số cơ chế, chính sách cụ thể thuộc thẩm quyền của tỉnh chưa được cụ thể hóa kịp thời.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, tiếp tục phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu theo Nghị quyết số 08-NQ/TU, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị các cấp ủy, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan liên quan tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy:

- Xác định rõ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp về việc quyết tâm hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết số 08-NQ/TU, góp phần thực hiện thắng lợi chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII của tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2020 - 2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025*, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc thực hiện Chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xác định công tác xây dựng nông thôn mới vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, vừa là nhiệm vụ cấp bách của cả hệ thống chính trị.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Phát huy đầy đủ vai trò tham mưu, điều phối của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện Chương trình; nêu cao tính chủ động trong việc theo dõi, đôn đốc và giám sát việc triển khai thực hiện, định kỳ hoặc khi có yêu cầu đột xuất báo cáo đánh giá kết quả, tiến độ việc thực hiện Chương trình;

kịp thời đề xuất UBND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền.

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh các xã không tham gia và bổ sung các xã tham gia Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm không hạ thấp chỉ tiêu số lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đã nêu trong Nghị quyết số 08-NQ/TU. Trên cơ sở đó, triển khai đồng bộ các giải pháp hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2021 - 2025 theo lộ trình đề ra.

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh, tránh tình trạng công việc chậm triển khai do thiếu văn bản hướng dẫn. Ưu tiên, bố trí nguồn lực nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời, vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương, xây dựng giải pháp huy động mọi nguồn lực cùng chung tay xây dựng chương trình (*nguồn lực Trung ương, địa phương, nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội hóa khác*), tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu còn thấp, nhất là các chỉ tiêu về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, y tế, môi trường và an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của cấp uỷ, chính quyền trong thực hiện Chương trình. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân, người đứng đầu chậm trễ, kéo dài, có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm trong công tác tham mưu và phối hợp tham mưu thực hiện chương trình. Bên cạnh đó, kịp thời khen thưởng, động viên các cá nhân, tổ chức có đóng góp tích cực, có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân xây dựng nông thôn mới; phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, thành công.

3. Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với tình hình thực tiễn để tập hợp đoàn viên, hội viên, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp cùng tham gia thực hiện chương trình; phát huy dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện trong triển khai thực hiện chương trình, kịp thời phản ánh tâm tư nguyện vọng của người dân, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

4. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh tăng cường giám sát công tác đầu tư, phân bổ, hỗ trợ nguồn lực triển khai thực hiện chương trình, kịp thời báo cáo kết quả và những khó khăn, bất cập cho Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo; bên cạnh đó, rà soát, xây dựng và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, nguồn lực để triển khai thực hiện chương trình, bảo đảm tính khả thi và đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh,
- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh,
- Đảng đoàn MTTQ Việt Nam tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố,
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh,
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ
Tỉnh ủy Khánh Hòa
06-02-2024 11:14:41 +07:00



Nguyễn Hải Ninh

TỜ TRÌNH

Đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (viết tắt là Nghị quyết 62, 27) với các nội dung chính sau:

I. CÁC NỘI DUNG KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62, 27

Các nội dung đề nghị giữ nguyên gồm:

1. Phần Thông tin Chương trình: Tên Chương trình, Cơ quan chủ quản Chương trình, Đối tượng thụ hưởng, Thời gian thực hiện, Cơ quan đơn vị thực hiện Chương trình.

2. Phần Nội dung chủ yếu của Chương trình: Sự cần thiết đầu tư, Các chi phí có liên quan, Đánh giá tác động của Chương trình, Tổ chức thực hiện.

II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62,27

HĐND tỉnh đã có Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; trong đó, HĐND tỉnh đã phê duyệt mức vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).

Đến nay, qua rà soát, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cho các địa phương còn lại và bổ sung, điều chỉnh danh mục đầu tư các xã tại NQ 62, 27.

1. Các nội dung thay đổi cơ bản như sau:

Stt	Những nội dung chính BCĐXCTĐT	Đã được phê duyệt tại NQ 62, NQ 27	Điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1	Phạm vi thực hiện Chương trình	Vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).	Vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, vốn đầu tư phát triển thực hiện tại các địa phương tham gia Chương trình	Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021; đến nay, qua rà soát, các địa phương tham gia Chương trình nông thôn mới đã có đăng ký bổ sung danh mục vốn đầu tư phát triển cho các địa phương còn lại (riêng xã Ninh Phước không đăng ký vì dự kiến thực hiện sát nhập xã với xã Ninh Vân, huyện Cam Lâm chưa có nhu cầu vốn đầu tư để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh chưa có nhu cầu vốn đầu tư để đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao). Trong quá trình thực hiện, một số xã, huyện thực hiện sát nhập, phát triển thành đô thị sẽ được báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc không tiếp tục thực hiện Chương trình nông thôn mới.
2	Mục tiêu			
	Số xã nông thôn mới	72	75	
	Số xã nông thôn mới nâng cao	32	37	
	Số xã nông thôn mới kiểu mẫu	7	10	
	Số huyện nông thôn mới	1	3	
	Số thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		2	
	Số huyện nông thôn mới nâng cao		1	

3	Nhu cầu đầu tư		
	2021	86.129	86.129
	2022	93.710	89.410
	2023	450.212	410.418
	2024	237.289	547.071
	2025	85.477	225.290

2. Nhu cầu vốn thực hiện Chương trình

Điều chỉnh tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình (khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 62,27) như sau:

- + *Vốn sự nghiệp kinh tế: 131.550 triệu đồng;*
- + *Vốn đầu tư phát triển: 1.358.317 triệu đồng.*

Nguồn vốn trên đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

So với nhu cầu tại Nghị quyết số 62,27, tổng mức đầu tư tăng 405.500 triệu đồng (*từ 1.084.366 triệu đồng lên thành 1.489.867 triệu đồng, chủ yếu do tăng đầu tư các công trình trường học để đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tăng đầu tư cho hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, đầu tư bổ sung để cấp huyện đạt chuẩn*); vốn NS cấp tỉnh tăng 165.276 triệu đồng (*từ 541.345 triệu đồng tăng thành 706.621 triệu đồng; trong đó, mức tăng cho trường học đã chiếm 58%*); vốn NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác tăng 245.682 triệu đồng (*từ 551.091 triệu đồng lên thành 788.704 triệu đồng*).

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2025

4. Cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình: Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội, trong đó người dân là chủ thể trên địa bàn nông thôn.

III. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Ngày 22/8/2022, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 62/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; ngày 21/7/2023, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 27/NQ-HĐND điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; trong đó, nhiều danh mục công trình tại NQ 62, NQ 27 xếp vào vốn đầu tư phát triển được quy định lấy từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế.

Ngày 20/12/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 6195/SNN-VPĐP đề nghị các địa phương rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; trong đó, đề nghị các địa phương rà soát các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025,

cập nhật thông báo kết luận của các cấp lãnh đạo trên địa bàn, các công trình phải phù hợp quy hoạch và khả năng đối ứng của địa phương. Tỉnh ủy đã có Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024, UBND tỉnh cũng đã có Thông báo Kết luận số 526/TB-UBND ngày 17/11/2023, Thông báo số 598/TB-UBND ngày 22/12/2023 yêu cầu thực hiện đảm bảo các mục tiêu Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngày 05/02/2024, UBND tỉnh có Công văn số 1404/UBND-TH đồng ý đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 tại kỳ họp thứ 13 (03/2024).

Trên cơ sở đôn đốc, tổng hợp các báo cáo từ địa phương và quá trình kiểm tra thực tế, rà soát một số quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

IV. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

- Báo cáo số 422-BC/TU ngày 29/12/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa sơ kết 2,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Báo cáo số /BC-SNN ngày 15/02/2024 đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh;

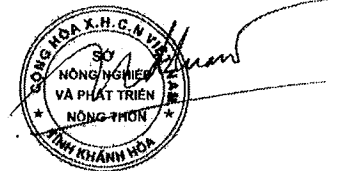
- Các báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số danh mục đầu tư Chương trình;

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Hội đồng thẩm định xem xét./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (phối hợp);
- UBND các huyện, tx, tp (phối hợp);
- Lưu: VT, VPĐP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Quang

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 732 /BC-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025

Kính gửi: Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (viết tắt là Nghị quyết 62, 27) với các nội dung chính sau:

I. CÁC NỘI DUNG KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62, 27

Các nội dung đề nghị giữ nguyên gồm:

1. Phần Thông tin Chương trình: Tên Chương trình, Cơ quan chủ quản Chương trình, Đối tượng thụ hưởng, Thời gian thực hiện, Cơ quan đơn vị thực hiện Chương trình.

2. Phần Nội dung chủ yếu của Chương trình: Sự cần thiết đầu tư, Các chi phí có liên quan, Đánh giá tác động của Chương trình, Tổ chức thực hiện.

II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62,27

1. Phạm vi thực hiện Chương trình

- Điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình từ: *“Vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).”* thành *“Vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, vốn đầu tư phát triển thực hiện tại các địa phương tham gia Chương trình”*.

Lý do điều chỉnh: Đến nay, hầu hết các địa phương đã tiến hành rà soát, đề nghị bổ sung danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình thực hiện, một số xã, huyện thực hiện sát nhập, phát triển thành đô thị sẽ được báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc không tiếp tục thực hiện Chương trình nông thôn mới.

2. Mục tiêu Chương trình

- Điều chỉnh mục tiêu cụ thể thực hiện Chương trình từ *“Hỗ trợ vốn sự nghiệp kinh tế để thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh; hỗ trợ vốn đầu tư phát triển để có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; từng bước đạt mục tiêu Chương trình ban hành tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.”* thành *“Hỗ trợ vốn sự nghiệp kinh tế cho các xã trên địa bàn toàn tỉnh, hỗ trợ vốn đầu tư phát triển để đến cuối năm 2025 có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới”*

Lý do điều chỉnh: Nghị quyết số 62, 27 đã phê duyệt nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh và danh mục vốn đầu tư phát triển trên địa bàn để có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng

cao. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021; đến nay, qua rà soát, các địa phương tham gia Chương trình nông thôn mới đã có đăng ký bổ sung danh mục vốn đầu tư phát triển cho các địa phương còn lại (*riêng xã Ninh Phước không đăng ký vì dự kiến thực hiện sát nhập xã với xã Ninh Vân, huyện Cam Lâm chưa có nhu cầu vốn đầu tư để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh chưa có nhu cầu vốn đầu tư để đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao*).

3. Nhu cầu vốn thực hiện Chương trình

Điều chỉnh tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình (khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 62,27) như sau:

+ *Vốn sự nghiệp kinh tế: 131.550 triệu đồng;*

+ *Vốn đầu tư phát triển: 1.358.317 triệu đồng.*

Nguồn vốn trên đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

So với nhu cầu tại Nghị quyết số 62,27, tổng mức đầu tư tăng 405.500 triệu đồng (*từ 1.084.366 triệu đồng lên thành 1.489.867 triệu đồng, chủ yếu do tăng đầu tư các công trình trường học để đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tăng đầu tư cho hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, đầu tư bổ sung để cấp huyện đạt chuẩn*); vốn NS cấp tỉnh tăng 165.276 triệu đồng (*từ 541.345 triệu đồng tăng thành 706.621 triệu đồng; trong đó, mức tăng cho trường học đã chiếm 58%*); vốn NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác tăng 245.682 triệu đồng (*từ 551.091 triệu đồng lên thành 788.704 triệu đồng*).

Các thay đổi so với Nghị quyết 62,27 gồm:

- Bổ sung vốn cho các xã chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ 62,27 và đầu tư các công trình để đạt chuẩn tại các xã còn lại: 468.135 triệu đồng (*trong đó, vốn NS cấp tỉnh là 198.010 triệu đồng*); (*chi tiết tại phụ lục 02',02a đính kèm*)

- Điều chỉnh giảm công trình của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư do qua rà soát vẫn còn tận dụng được các công trình hiện hữu, đã bố trí nguồn vốn khác thực hiện, do không còn nhu cầu và giảm kinh phí đối ứng của địa phương: TMĐT giảm là 66.575 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 33.916. triệu đồng).

- Điều chỉnh danh mục các công trình (điều chỉnh tên để phù hợp với quy định chuyên ngành, đảm bảo không tách công trình; điều chỉnh vốn do sai sót trong quá trình tính toán, chênh lệch giữa thực tế triển khai và quy mô ước tính đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; điều chỉnh quy mô, hình thức đầu tư do phát sinh các hạng

mục mới cần đánh giá khi triển khai thực hiện; điều chỉnh năm thực hiện chủ yếu do các công trình quy hoạch chưa thực hiện xong và một số công trình không hoàn chỉnh kịp thủ tục đầu tư): TMDT điều chỉnh là 3.940 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 1.182 triệu đồng).

Tổng hợp các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Số lượng công trình	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG				
A	CHIA THEO TIÊU CHÍ	179	405.500	165.276	245.682
1	Quy hoạch	8	9.060	0	9.060
2	Giao thông	45	60.397	31.142	29.255
3	Thủy lợi	4	6.444	4.512	5.724
4	Điện	1	1.800	1.260	540
5	Trường học	60	249.637	95.701	153.936
6	Cơ sở vật chất văn hóa	43	51.424	12.706	38.718
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	3	3.189	957	3.898
8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	19	9.204	6.123	3.082
9	Môi trường	-4	-3.650	0	-3.650
10	Hạ tầng hợp tác xã	-1	-2.005	-1.124	-881
*	Công trình cấp huyện	1	20.000	14.000	6.000
B	CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG	179	405.500	165.276	242.504
1	Vạn Ninh	18	45.914	22.524	23.390
2	Ninh Hòa	124	267.527	88.757	178.770
3	Diên Khánh	0	-111	-78	-33
4	Cam Lâm	47	67.337	28.727	38.610
5	Cam Ranh	-1	-4.037	-2.826	1.069
6	Khánh Vĩnh	-8	26.370	23.172	3.198
7	Khánh Sơn	-1	2.500	5.000	-2.500
C	CHIA THEO NĂM	179	405.500	165.277	240.224
1	Năm 2022		-4.300	-900	-3.400
2	Năm 2023	-6	-39.794	-5.570	-34.224
3	Năm 2024	106	309.782	122.202	187.580
4	Năm 2025	79	139.813	49.544	90.268

Nhu cầu vốn đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tiêu chí	Số công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		1.489.867	706.621	788.704	
A	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ		131.550	131.550	0	
	Tập huấn, bồi dưỡng nông thôn mới; truyền thông, tuyên truyền; hoạt động Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc các cấp; hỗ trợ điều tra thu nhập; hỗ trợ phát triển sản xuất, thành lập HTX, làng nghề, chương trình OCOP; đào tạo nghề và các nội dung thành phần khác của Chương trình NTM		131.550	131.550		
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	885	1.358.317	575.071	788.704	
I	Chia theo tiêu chí	885	1.358.317	575.071	788.704	
	Cấp xã	878	1.220.364	470.433	755.389	
1	Quy hoạch	76	45.820	0	45.820	
2	Giao thông	370	390.846	209.650	181.197	
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	100	129.583	58.949	74.426	
4	Điện	2	3.000	1.260	1.740	
5	Trường học	88	387.173	140.849	246.324	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	160	182.819	32.191	150.628	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	13	22.535	6.401	17.800	
8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	26	14.484	9.819	4.666	
9	Y tế	2	2.050	595	1.455	
10	Hạ tầng khu sản xuất	3	2.668	1.868	800	
11	Môi trường	12	10.704	0	10.704	
12	Nghĩa trang xã	11	12.871	0	12.871	
13	Hỗ trợ theo QĐ 1804	15	15.810	8.852	6.958	
	Cấp huyện	7	137.953	104.638	33.315	
II	Chia theo năm thực hiện	885	1.358.317	575.072	783.245	
1	Năm 2021	91	86.129	21.218	64.911	
2	Năm 2022	83	89.410	37.265	52.145	
3	Năm 2023	232	410.418	186.066	224.352	
4	Năm 2024	321	547.071	242.630	304.441	
5	Năm 2025	158	225.290	87.892	137.397	

Căn cứ nhu cầu vốn thực tế từng năm, trên cơ sở danh mục các công trình đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ cho các địa phương thực hiện Chương trình.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; trong đó, tại Điều 82, Điều 100, các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, có ý kiến về việc tiếp tục hoặc loại bỏ danh mục vốn đầu tư để thực hiện các nội dung nói trên (đính kèm danh mục các công trình đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết 62,27 chưa được cấp vốn đề nghị xem xét). Bên cạnh đó, số lượng nội dung và mức chi thực hiện Chương trình tại Thông tư 55 nói trên là rất lớn; tỉnh Khánh Hòa hiện chỉ được bố trí 25 tỷ đồng/năm nên không đảm bảo nhu cầu thực hiện Chương trình. Kính đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, nâng hạn mức vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2024, 2025 lên 50 tỷ đồng/năm.

- UBND huyện Cam Lâm báo cáo các địa phương thuộc huyện không thực hiện cam kết việc tránh lãng phí trong đầu tư các công trình trong vùng quy hoạch; UBND huyện cũng đề xuất hỗ trợ bổ sung kinh phí đặc thù cho huyện (100% vốn tỉnh). Để đảm bảo yêu cầu đạt các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025 theo như chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, kính đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, chỉ đạo về ý kiến của UBND huyện Cam Lâm.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét./.

(Đính kèm các văn bản có liên quan)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (phối hợp);
- UBND các huyện, tx, tp (phối hợp);
- Lưu: VT, VPĐP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Quang

BÁO CÁO

Đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025

KHẨN

Kính gửi: Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 818- TB/TU ngày 10/12/2023 kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Đảng ủy xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh;

Trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng thẩm định tại Công văn số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2023 về việc hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định, kính trình Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (viết tắt là Nghị quyết 62, 27) với các nội dung chính sau:

I. CÁC NỘI DUNG KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62, 27

Các nội dung đề nghị giữ nguyên gồm:

1. Phần Thông tin Chương trình: Tên Chương trình, Cơ quan chủ quản Chương trình, Đối tượng thụ hưởng, Thời gian thực hiện, Cơ quan đơn vị thực hiện Chương trình.

2. Phần Nội dung chủ yếu của Chương trình: Sự cần thiết đầu tư, Các chi phí có liên quan, Đánh giá tác động của Chương trình, Tổ chức thực hiện.

II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62,27

1. Phạm vi thực hiện Chương trình

- Điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình từ: “*Vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).*” thành “*Thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025*”

Lý do điều chỉnh: Đến nay, hầu hết các địa phương đã tiến hành rà soát, đề nghị bổ sung danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; ngoài ra, để đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn cấp huyện cần đầu tư để các phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn ban hành tại các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện. Trong quá trình thực hiện, một số xã, huyện thực hiện sát nhập, phát triển thành đô thị sẽ được báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc không tiếp tục thực hiện Chương trình nông thôn mới.

2. Mục tiêu Chương trình

- Điều chỉnh mục tiêu cụ thể thực hiện Chương trình từ “*Hỗ trợ vốn sự nghiệp kinh tế để thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh; hỗ trợ vốn đầu tư phát triển để có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông*

thôn mới, nông thôn mới nâng cao; từng bước đạt mục tiêu Chương trình ban hành tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.” thành “Hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện các nội dung Chương trình nông thôn mới để đến cuối năm 2025 có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới”.

Lý do điều chỉnh: Nghị quyết số 62, 27 đã phê duyệt nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh và danh mục vốn đầu tư phát triển trên địa bàn để có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021; đến nay, qua rà soát, các địa phương tham gia Chương trình nông thôn mới đã có đăng ký bổ sung danh mục vốn đầu tư phát triển cho các địa phương còn lại (riêng xã Ninh Phước không đăng ký vì dự kiến thực hiện sát nhập xã với xã Ninh Vân, huyện Cam Lâm chưa có nhu cầu vốn đầu tư để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh chưa có nhu cầu vốn đầu tư để đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao).

3. Nhu cầu vốn thực hiện Chương trình

Điều chỉnh tổng nguồn vốn thực hiện Chương như sau:

+ *Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng;*

+ *Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng.*

Nguồn vốn trên đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

So với nhu cầu tại Nghị quyết số 62,27, tổng mức đầu tư tăng 428.981 triệu đồng (từ 1.084.366 triệu đồng lên thành 1.513.288 triệu đồng, chủ yếu do tăng đầu tư các công trình trường học để đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tăng đầu tư cho giao thông, đầu tư bổ sung để cấp huyện đạt chuẩn); vốn NS cấp tỉnh tăng 202.482 triệu đồng (từ 541.345 triệu đồng tăng thành 743.827 triệu đồng; trong đó, mức tăng cho trường học đã chiếm 46%); vốn NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác tăng 226.439 triệu đồng (từ 543.021 triệu đồng lên thành 769.461 triệu đồng).

Các thay đổi so với Nghị quyết 62,27 gồm:

- Bổ sung, điều chỉnh vốn sự nghiệp kinh tế thêm nội dung “hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới” (bao gồm cả điều tra thu nhập), “hỗ trợ dầu chạy máy phát điện cho xã Vạn Thạnh”; tổng kinh phí tăng từ 131.550 triệu đồng lên thành 178.930 triệu đồng. Tăng nhu cầu vốn sự nghiệp kinh tế chủ yếu để thực hiện các nội dung Chương trình nông thôn mới ban hành tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và thực hiện chỉ đạo về việc hỗ trợ xã Vạn Thạnh đạt chuẩn tiêu chí điện trong xây dựng nông thôn mới.

- Bổ sung vốn cho các xã chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ 62,27 và đầu tư bổ sung các công trình qua rà soát tại các xã còn lại: 456.780 triệu đồng (*trong đó, vốn NS cấp tỉnh là 194.008 triệu đồng*); (*chi tiết tại phụ lục 02, 02a đính kèm*)

- Điều chỉnh giảm công trình của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư do qua rà soát vẫn còn tận dụng được các công trình hiện hữu, đã bố trí nguồn vốn khác thực hiện, điều chỉnh giảm danh mục các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (*không đi kèm đầu tư cơ sở hạ tầng khác*) để sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế theo quy định tại TT05, điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu và giảm kinh phí đối ứng của địa phương: TMĐT giảm là 79.175 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 40.086 triệu đồng).

- Điều chỉnh danh mục các công trình (*điều chỉnh tên để phù hợp với quy định chuyên ngành, đảm bảo không tách công trình; điều chỉnh vốn do sai sót trong quá trình tính toán, chênh lệch giữa thực tế triển khai và quy mô ước tính đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; điều chỉnh quy mô, hình thức đầu tư do phát sinh các hạng mục mới cần đánh giá khi triển khai thực hiện; điều chỉnh năm thực hiện chủ yếu do các công trình quy hoạch chưa thực hiện xong và một số công trình không hoàn chỉnh kịp thủ tục đầu tư, công trình cần thực hiện trong nhiều năm*): TMĐT điều chỉnh là 3.936 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 1.179 triệu đồng).

Tổng hợp các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tiêu chí	Số công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		428.921	202.482	226.439	
A	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ		47.380	47.380		

	Tập huấn, bồi dưỡng nông thôn mới; truyền thông, tuyên truyền; hoạt động Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc các cấp; hỗ trợ điều tra số liệu NTM; hỗ trợ phát triển sản xuất, thành lập HTX, làng nghề, chương trình OCOP; đào tạo nghề; hỗ trợ đầu chạy máy phát điện xã Vạn Thạnh và các nội dung thành phần khác của Chương trình NTM		47.380	47.380	
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	138	381.541	155.102	226.439
1	Quy hoạch	8	9.060	0	9.060
2	Giao thông	46	61.597	31.982	29.615
3	Thủy lợi	4	2.640	1.849	791
4	Điện	1	1.800	1.260	540
5	Trường học	59	247.037	94.921	152.116
6	Cơ sở vật chất văn hóa	25	44.654	12.748	31.906
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	2	2.049	615	1.434
8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	-3	-1.641	-1.149	-492
9	Môi trường	-4	-3.650	0	-3.650
10	Hạ tầng hợp tác xã	-1	-2.005	-1.124	-881
*	Công trình cấp huyện	1	20.000	14.000	6.000

Nhu cầu vốn đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tiêu chí	Số công trình	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		1.513.288	743.827	769.461	
A	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ		178.930	178.930	0	

	Tập huấn, bồi dưỡng nông thôn mới; truyền thông, tuyên truyền; hoạt động Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc các cấp; hỗ trợ điều tra số liệu NTM; hỗ trợ phát triển sản xuất, thành lập HTX, làng nghề, chương trình OCOP; đào tạo nghề; hỗ trợ đầu chạy máy phát điện xã Vạn Thạnh và các nội dung thành phần khác của Chương trình NTM		178.930	178.930		
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	844	1.334.358	564.897	769.461	
I	Chia theo tiêu chí	844	1.334.358	564.897	769.461	
	Cấp xã	837	1.196.405	460.259	736.146	
1	Quy hoạch	76	45.820	0	45.820	
2	Giao thông	371	392.046	210.490	181.557	
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	100	125.779	56.286	69.493	
4	Điện	2	3.000	1.260	1.740	
5	Trường học	87	384.573	140.069	244.504	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	142	176.049	32.233	143.816	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	12	21.395	6.059	15.336	
8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	4	3.639	2.547	1.092	
9	Y tế	2	2.050	595	1.455	
10	Hạ tầng khu sản xuất	3	2.668	1.868	800	
11	Môi trường	12	10.704	0	10.704	
12	Nghĩa trang xã	11	12.871	0	12.871	
13	Hỗ trợ theo QĐ 1804	15	15.810	8.852	6.958	
	Cấp huyện	7	137.953	104.638	33.315	
II	Chia theo năm thực hiện	844	1.334.358	564.897	769.461	
1	Năm 2021	91	86.129	21.218	64.911	
2	Năm 2022	83	89.410	37.265	52.145	
3	Năm 2023	232	410.414	186.063	224.351	
4	Năm 2024	287	520.002	227.149	292.853	
5	Năm 2025	151	228.404	93.202	135.202	

Căn cứ nhu cầu vốn thực tế từng năm, trên cơ sở danh mục các công trình đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ cho các địa phương thực hiện Chương trình.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, sớm có văn bản thẩm định đề Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh dự thảo Báo cáo và Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025. Đối với nhu cầu đầu tư để huyện Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao, sau khi UBND huyện Cam Lâm, UBND huyện Diên Khánh đăng ký bổ sung nhu cầu, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ rà soát, tổng hợp báo cáo bổ sung trình vào kỳ họp sau.

Để kịp thời triển khai Chương trình bảo đảm tiến độ đề ra, kính đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định../.

(Đính kèm các văn bản có liên quan)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VPĐP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Quang

TỜ TRÌNH

Đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (lần 02 – Đợt điều chỉnh thứ 03)

Kính gửi: Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư)

KHẨN

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 818- TB/TU ngày 10/12/2023 kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Đảng ủy xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh;

Trên cơ sở tiếp thu, hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Hội đồng thẩm định tại Công văn số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2023 về việc hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (viết tắt là Nghị quyết 62, 27) với các nội dung chính sau:

I. CÁC NỘI DUNG KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62, 27

Các nội dung đề nghị giữ nguyên gồm:

1. Phần Thông tin Chương trình: Tên Chương trình, Cơ quan chủ quản Chương trình, Đối tượng thụ hưởng, Thời gian thực hiện, Cơ quan đơn vị thực hiện Chương trình.

2. Phần Nội dung chủ yếu của Chương trình: Sự cần thiết đầu tư, Các chi phí có liên quan, Đánh giá tác động của Chương trình, Tổ chức thực hiện.

II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62,27

HĐND tỉnh đã có Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; trong đó, HĐND tỉnh đã phê duyệt mức vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).

Đến nay, qua rà soát, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cho các địa phương còn lại và bổ sung, điều chỉnh danh mục đầu tư các xã tại NQ 62, 27.

1. Các nội dung thay đổi cơ bản như sau:

Stt	Những nội dung chính BCĐXCTĐT	Nghị quyết 62,27	Điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1	Phạm vi thực hiện Chương trình	Vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã).	Thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa	Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021; đến nay, qua rà soát, các địa phương tham gia Chương trình nông thôn mới đã có đăng ký bổ sung danh mục vốn đầu tư phát triển cho các địa phương còn lại (riêng xã Ninh Phước không đăng ký vì dự kiến thực hiện sát nhập xã với xã Ninh Vân, huyện Cam Lâm chưa có nhu cầu vốn đầu tư để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh chưa có nhu cầu vốn đầu tư để đạt chuẩn huyện

			phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025	<i>nông thôn mới nâng cao</i>); ngoài ra, để đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn cấp huyện cần đầu tư để các phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn ban hành tại các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện. Trong quá trình thực hiện, một số xã, huyện thực hiện sát nhập, phát triển thành đô thị sẽ được báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc không tiếp tục thực hiện Chương trình nông thôn mới.
2	Mục tiêu			
-	Số xã nông thôn mới	72	≥ 75	Tăng đầu tư cho các xã để đạt mục tiêu Chương trình theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh; trong đó, có đầu tư để có thêm xã dự phòng đạt chuẩn các mức độ đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu
-	Số xã nông thôn mới nâng cao	32	≥ 37	
-	Số xã nông thôn mới kiểu mẫu	7	≥ 10	
-	Số huyện nông thôn mới	1	3	
-	Số thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		02	
-	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		1	
3	Nhu cầu vốn sự nghiệp kinh tế	131.550	178.930	Bổ sung thêm nội dung “hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới” (bao gồm cả điều tra thu nhập), “hỗ trợ đầu chạy máy phát điện cho xã Vạn Thạnh”; thực hiện các nội dung ban hành tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.
4	Nhu cầu vốn đầu tư phát triển	952.816	1.334.358	
	<i>Trong đó, vốn NS cấp tỉnh</i>	409.795	564.897	Bổ sung vốn cho các xã chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ 62,27 và đầu tư bổ sung các công trình qua rà soát tại các xã còn lại; điều chỉnh giảm công trình của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư do qua rà soát vẫn còn tận dụng được các công trình hiện hữu, đã bố trí nguồn vốn khác thực hiện, điều chỉnh giảm
-	Năm 2021	86.129	86.129	
	<i>Trong đó, vốn NS cấp tỉnh</i>	21.218	21.218	
-	Năm 2022	93.710	89.410	
	<i>Trong đó, vốn NS cấp tỉnh</i>	38.165	37.265	

-	Năm 2023	450.212	410.414	danh mục các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và trang thiết bị hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (không đi kèm đầu tư cơ sở hạ tầng khác) để sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế theo quy định tại TT05, điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu và giảm kinh phí đối ứng của địa phương; điều chỉnh danh mục các công trình (điều chỉnh tên để phù hợp với quy định chuyên ngành, đảm bảo không tách công trình; điều chỉnh vốn do sai sót trong quá trình tính toán, chênh lệch giữa thực tế triển khai và quy mô ước tính đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; điều chỉnh quy mô, hình thức đầu tư do phát sinh các hạng mục mới cần đánh giá khi triển khai thực hiện; điều chỉnh năm thực hiện chủ yếu do các công trình quy hoạch chưa thực hiện xong và một số công trình không hoàn chỉnh kịp thủ tục đầu tư, công trình cần thực hiện trong nhiều năm)
	<i>Trong đó, vốn NS cấp tỉnh</i>	191.636	186.063	
-	Năm 2024	237.289	520.002	
	<i>Trong đó, vốn NS cấp tỉnh</i>	120.428	227.149	
-	Năm 2025	85.477	228.404	
	<i>Trong đó, vốn NS cấp tỉnh</i>	38.348	93.202	

2. Nhu cầu vốn thực hiện Chương trình

Điều chỉnh tổng nguồn vốn thực hiện Chương như sau:

+ *Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng;*

+ *Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng.*

Nguồn vốn trên đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

So với nhu cầu tại Nghị quyết số 62,27, tổng mức đầu tư tăng 428.981 triệu đồng (*từ 1.084.366 triệu đồng lên thành 1.513.288 triệu đồng, chủ yếu do tăng đầu tư các công trình trường học để đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tăng đầu tư cho giao thông, đầu tư bổ sung để cấp huyện đạt chuẩn*); vốn NS cấp tỉnh tăng 202.482 triệu đồng (*từ 541.345 triệu đồng tăng thành 743.827 triệu đồng; trong đó, mức tăng cho trường học đã chiếm 46%*); vốn NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác tăng 226.439 triệu đồng (*từ 543.021 triệu đồng lên thành 769.461 triệu đồng*).

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2025

4. Cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình: Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội, trong đó người dân là chủ thể trên địa bàn nông thôn.

III. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Ngày 22/8/2022, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 62/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; ngày 21/7/2023, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 27/NQ-HĐND điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; trong đó, nhiều danh mục công trình tại NQ 62, NQ 27 xếp vào vốn đầu tư phát triển được quy định lấy từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế.

Ngày 20/12/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 6195/SNN-VPĐP đề nghị các địa phương rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; trong đó, đề nghị các địa phương rà soát các mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025, cập nhật thông báo kết luận của các cấp lãnh đạo trên địa bàn, các công trình phải phù hợp quy hoạch và khả năng đối ứng của địa phương. Tỉnh ủy đã có Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024, UBND tỉnh cũng đã có Thông báo Kết luận số 526/TB-UBND ngày 17/11/2023, Thông báo số 598/TB-UBND ngày 22/12/2023 yêu cầu thực hiện đảm bảo các mục tiêu Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngày 05/02/2024, UBND tỉnh có Công văn số 1404/UBND-TH đồng ý đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 tại kỳ họp thứ 13 (03/2024).

Trên cơ sở đôn đốc, tổng hợp các báo cáo từ địa phương và quá trình kiểm tra thực tế, rà soát một số quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Báo cáo số 732/BC-SNN và Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024 đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Ngày 21/02/2024, Hội đồng thẩm định có Công văn số 652/HĐTĐ đề nghị các thành viên Hội đồng thẩm định tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025. Ngày 28/02/2024, Hội đồng thẩm định có Công văn số 764/HĐTĐ đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 theo góp ý của 10/20 thành viên Hội đồng thẩm định. Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 937/SNN-VPĐP ngày 29/02/2024 đề nghị UBND huyện Cam Lâm phối hợp tiếp thu, giải trình; UBND huyện Cam Lâm đã có Công văn số 848/UBND-NN ngày 01/3/2024 cam kết “đầu tư hợp lý, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí đối với đề xuất danh mục các công trình thiết yếu cần đầu tư cho việc hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới đến năm 2025. Tuy nhiên, UBND huyện Cam Lâm sẽ tiếp tục rà soát, đối chiếu khi quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm và các quy

hoạch phân khu huyện Cam Lâm được duyệt; báo cáo cụ thể UBND tỉnh và các sở, ngành trước khi trình cấp vốn nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.”

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định, ý kiến của UBND huyện Cam Lâm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh lại Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (lần 02 – Đợt điều chỉnh thứ 03).

IV. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

- Báo cáo số 422-BC/TU ngày 29/12/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa sơ kết 2,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

- Báo cáo số /BC-SNN ngày 15/02/2024 đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định);

- Công văn số 848/UBND-NN ngày 01/3/2024 của UBND huyện Cam Lâm. Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Hội đồng thẩm định xem xét./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VPĐP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Quang

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý bổ sung của các Sở, ngành, địa phương về Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (lần 02 – đợt điều chỉnh thứ 03)

KHẨN

Kính gửi: Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Thực hiện Công văn số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2024 của Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư) về việc hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu ý kiến góp ý của 10 Sở, ngành, địa phương theo đề nghị của Hội đồng thẩm định (Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Ban Dân tộc, UBND các huyện, Tp Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn), đồng thời hoàn chỉnh, có Báo cáo số 995/BC-SNN và Tờ trình số 1003/TTr-SNN ngày 04/3/2024 đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Đến ngày 05/3/2024, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận thêm 05 ý kiến góp ý của thành viên Hội đồng thẩm định (gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang, UBND huyện Vạn Ninh, UBND thị xã Ninh Hòa). Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo như sau:

1. Tiếp thu, giải trình các góp ý bổ sung của 05 thành viên Hội đồng thẩm định

a) Các Sở, ngành, địa phương thống nhất

04/05 Sở, địa phương thống nhất gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang, UBND thị xã Ninh Hòa.

b) Tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các địa phương

- UBND huyện Vạn Ninh đề xuất bổ sung danh mục “Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao cho 06 thôn” trên địa bàn xã Vạn Thắng: Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế để thực hiện công trình nêu trên (theo quy định tại Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 - như trong Báo cáo giải trình đã gửi HĐTĐ).

- Thống nhất với đề nghị của UBND huyện Vạn Ninh về việc đề xuất sử dụng các nguồn vốn lồng ghép hỗ trợ đầu tư hỗ trợ nước sạch để xã Vạn Thạnh, Xuân Sơn đạt chuẩn, phục vụ mục tiêu đến năm 2025 huyện Vạn Ninh đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- UBND thị xã Ninh Hòa đề nghị điều chỉnh Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh về tỷ lệ hỗ trợ vốn đầu tư các công trình trường học và hỗ

trợ 100% vốn NS cấp tỉnh cho các xã có mục tiêu giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn thị xã: Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị thực hiện theo ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Công văn số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2024 “trước mắt vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh để kịp trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình vào kỳ họp tháng 3/2024”.

2. Đề xuất, kiến nghị

Việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý bổ sung của các thành viên Hội đồng thẩm định không làm thay đổi nội dung, số liệu tại Báo cáo số 995/BC-SNN và Tờ trình số 1003/TTr-SNN ngày 04/3/2024 đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025. Kính đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, có báo thẩm định dựa trên Báo cáo số 995/BC-SNN và Tờ trình số 1003/TTr-SNN nói trên.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo./.

(đính kèm các văn bản có liên quan)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ông Lê Bá Ninh – PGĐ Sở, Tổ phó TCTXDNTM;
- Lưu: VT, VPĐP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Quang

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương về Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (lần 01 – đợt điều chỉnh thứ 03)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày tháng năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Thực hiện Công văn số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2024 của Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư) về việc hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 937/SNN-VPĐP ngày 29/02/2024 đề nghị UBND huyện Cam Lâm phối hợp báo cáo giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định về việc tiếp thu ý kiến góp ý của 10 Sở, ngành, địa phương (Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Ban Dân tộc, UBND các huyện, Tp Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn), Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

1. Các Sở, ngành, địa phương thống nhất

05/10 Sở, ngành, địa phương thống nhất gồm: Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, UBND huyện Khánh Sơn, UBND huyện Khánh Vĩnh.

2. Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của các Sở, ngành, địa phương

- Điều chỉnh theo đề nghị của UBND huyện Cam Lâm:

+ Bổ sung 01 công trình thủy lợi nội đồng tại xã Suối Cát là “Mương tưới thôn Suối Lau”, thực hiện năm 2024; Tổng mức đầu tư dự kiến 1.200 triệu đồng (vốn của tỉnh: 840 triệu đồng, vốn của xã 360 triệu đồng); quy mô đầu tư: Xây mới tuyến mương khẩu độ (60x60)cm, dài khoảng 500m;

+ Điều chỉnh thời gian các công trình: “Nâng cấp, sửa chữa và hệ thống thoát nước đường liên xã Cam Tân - Sơn Tân”, “Sửa chữa, nâng cấp hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã” (xã Cam Thành Bắc) và “Nâng cấp, sửa chữa hội trường thôn Tân Sinh Tây” (xã Cam Thành Bắc) và tất cả các công trình giáo dục thành “năm 2024-2025”;

+ Điều chỉnh thời gian tất cả các công trình giao thông của xã Cam Hiệp Nam sang năm 2025;

+ Điều chỉnh đưa danh mục các công trình của xã Suối Cát ra khỏi NQ 27

gồm: “Đường giao thông trục nội đồng Suối Lau” mức đầu tư 1.200 triệu đồng; “Hạ tầng thiết yếu phòng chống thiên tai: Kè chống sạt lở Đồng Cam và đồng Cây Me” mức đầu tư 5.000 triệu đồng (theo Biên bản số 51/BB-VPĐP ngày 29/01/2024 của Văn phòng Điều phối); “Xây mới 4 phòng điểm Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhân viên” mức đầu tư 2.600 triệu đồng (do công trình này trùng với danh mục công trình: Trường MN Vành Khuyên, xã Suối Cát, thuộc Chương trình Phát triển nguồn nhân lực tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của tỉnh.

- Điều chỉnh theo đề nghị của UBND thành phố Cam Ranh:

+ Bổ sung danh mục 2 công trình cho xã Cam Thịnh Tây nhằm hoàn thành tiêu chí giao thông, gồm: “*Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thương), xã Cam Thịnh Tây*”: 1.200 triệu đồng; “*Xây dựng taluy hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây*”: 1.200 triệu đồng.

+ Điều chỉnh tên công trình “Cầu ông Lân, thôn Tân Hiệp” thành “*Cầu ông Lân đường nội đồng, thôn Tân Hiệp*”.

- Thống nhất đề xuất của Ban Dân tộc về việc khảo sát, đầu tư, lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư các công trình nước sạch trên địa bàn xã Sơn Bình, Sơn Hiệp.

- Đối với danh mục đầu tư các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (*không đi kèm đầu tư cơ sở hạ tầng khác*): Thống nhất với Sở Tài chính hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế (*quy định tại Điều 82, Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025*); thống nhất với Sở Thông tin và Truyền thông yêu cầu các địa phương giải trình lý do chênh lệch tổng mức đầu tư giữa các danh mục và yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành để đạt chuẩn. Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ điều chỉnh loại bỏ các danh mục chưa được cấp vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết 62,27 ra khỏi danh mục sử dụng nguồn đầu tư phát triển để sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế.

- Thực hiện, điều chỉnh theo chỉ đạo của Hội đồng thẩm định, cụ thể:

+ Đối với nội dung UBND huyện Cam Lâm cần có cam kết tránh lãng phí trong đầu tư nông thôn mới: Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 937/SNN-VPĐP ngày 29/02/2024 đề nghị UBND huyện Cam Lâm phối hợp giải trình, triển khai thực hiện đề nghị ý kiến của Hội đồng thẩm định. UBND huyện Cam Lâm đã có Công văn số 848/UBND-NN ngày 01/3/2024 thực hiện “*cam kết đầu tư hợp lý, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí đối với đề xuất danh mục các công trình thiết yếu cần đầu tư cho việc hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới đến năm 2025. Tuy nhiên, UBND huyện Cam Lâm sẽ tiếp tục rà soát, đối chiếu khi quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm và các quy hoạch phân khu huyện Cam Lâm được duyệt; báo cáo cụ thể UBND*

ting và các sở, ngành trước khi trình cấp vốn nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí". Vì vậy, Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất tiếp tục đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho các công trình theo đề nghị của UBND huyện Cam Lâm đã được tổng hợp tại Báo cáo số 732/BC-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ Bổ sung biểu nêu nội dung thay đổi so với Nghị quyết 27/NQ-HĐND; trong đó, mục tiêu điều chỉnh Nghị quyết không thấp hơn so với Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình bao gồm địa bàn để đạt huyện nông thôn mới, địa bàn thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 và Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

+ Bổ sung Phụ lục lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của từng xã, huyện từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương

- UBND huyện Cam Lâm đề xuất cấp kinh phí cho các mô hình thôn thông minh cho xã Cam Hải Tây, Cam Thành Bắc: UBND huyện không nêu cụ thể nội dung cần đầu tư, các tiêu chí của mô hình thôn thông minh chủ yếu là vận động, tuyên truyền, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp nên Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ sau khi địa phương có báo cáo cụ thể.

- Giải trình ý kiến của Sở Tài chính về việc đề nghị bổ sung vốn sự nghiệp kinh tế từ 25 tỷ đồng/năm lên thành 50 tỷ đồng/năm như sau:

Năm 2022, 2023 Chương trình nông thôn mới được dự toán kinh phí sự nghiệp khoảng 25 tỷ đồng/năm thực hiện các nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất, Chương trình mỗi xã một sản phẩm, Tập huấn, Tuyên truyền, Hỗ trợ điều tra thu nhập. Mức giải ngân không đạt 100% chủ yếu do các chính sách đang được xây dựng, chưa tiến hành triển khai trên diện rộng, hiện còn đang áp dụng mức hỗ trợ của giai đoạn 2016-2021.

Ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; trong đó, rất nhiều nội dung thành phần Chương trình nông thôn mới sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế. Giai đoạn 2024-2025, dự kiến mức kinh phí thực hiện Chương trình như sau:

+ Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm: 30 tỷ đồng.

+ Đào tạo nghề: 14 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất: 07 tỷ đồng.

+ Trang thiết bị văn hóa, thể dục thể thao, hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (Điều 82, 100 TT55): 7,5 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ điều tra số liệu Chương trình nông thôn mới (kể cả điều tra thu nhập): 02 tỷ đồng.

- + Hỗ trợ dầu để chạy máy phát điện xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh: 1,5 tỷ đồng.
- + Hỗ trợ thực hiện các mô hình thôn thông minh: 01 tỷ đồng.
- + Xây dựng đề án môi trường: 03 tỷ đồng.
- + Chi phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn (Điều 88 TT55); Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 94 TT55); Chi hỗ trợ các dự án, mô hình, phương án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp và các nội dung chi khác: 34 tỷ đồng.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo./.

**UBND TỈNH KHÁNH HÒA
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

Số: 652 /HĐTĐ

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2024

KHẨN

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Công Thương;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Y tế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc;
- BQL Khu kinh tế Vân Phong;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh) nhận được Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt tại các Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh.

Căn cứ quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công và Điều 11 Nghị định 40/2020/NĐ-CP, để có cơ sở thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các thành viên Hội đồng thẩm định tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình theo chức năng nhiệm vụ được giao; ngoài ra đề nghị các đơn vị liên quan có thêm ý kiến về các nội dung sau:

- Sở Tài chính: Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh có hỗ trợ vốn đầu tư ngân sách tỉnh đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống

thông tin và truyền thông cơ sở. Theo Điều 82 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 thì Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở được bố trí bằng vốn sự nghiệp.

Đề nghị Sở Tài chính có ý kiến về việc bố trí vốn đầu tư hay vốn sự nghiệp cho khoản chi này.

- Ban Dân tộc: UBND huyện Khánh Sơn có Công văn số 536/UBND ngày 06/02/2024 đề nghị hỗ trợ vốn ngân sách tỉnh đầu tư các công trình nước sạch và trường học để xã Sơn Bình và xã Sơn Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới vào các năm 2024, 2025.

Căn cứ quy định tại các Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 và 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, đề nghị Ban Dân tộc có ý kiến về việc bố trí vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS&MN theo đề nghị của UBND huyện Khánh Sơn.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: cam kết trách nhiệm về sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của các dự án đề xuất đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2021-2025.

Đề kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 3/2024, đề nghị Quý cơ quan gửi văn bản tham gia ý kiến thẩm định cho Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 24/02/2024**.

Trân trọng./.

(gửi kèm Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình và các văn bản liên quan (văn bản điện tử))

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- UBND tỉnh (VBĐT)
- Sở NN&PTNT (VBĐT);
- Lưu: VT, TH (HT).

**TUQ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà**

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 764 /HĐTD

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2024

V/v hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương
trình MTQG xây dựng nông thôn mới
tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

KHẨN

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT.

Trên cơ sở Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Hội đồng thẩm định) có văn bản số 652/HĐTD ngày 21/02/2024 gửi lấy ý kiến thẩm định các đơn vị, địa phương liên quan về hồ sơ báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT Chương trình.

Đến nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được 10 văn bản ý kiến thẩm định, trong đó 04 đơn vị thống nhất gồm: Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao và UBND huyện Khánh Sơn; 06 đơn vị đề nghị điều chỉnh bổ sung gồm: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Ban Dân tộc, UBND các huyện, Tp Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Vĩnh.

10 đơn vị chưa có ý kiến gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, BQL Khu Kinh tế Vân Phong, UBND huyện, thị xã, thành phố Nha Trang, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Diên Khánh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở và các địa phương liên quan hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình theo văn bản ý kiến thẩm định của 06 đơn vị gồm: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Ban Dân tộc, UBND các huyện, Tp Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Vĩnh và ý kiến sau đây của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1. Bổ sung biểu nêu nội dung thay đổi so với Nghị quyết 27/NQ-HĐND:

STT	Những nội dung chính của BCĐXCTĐT	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND	Điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1	Phạm vi thực hiện Chương trình			
2	Mục tiêu			
3	Nhu cầu vốn đầu tư			
	Trong đó. vốn NS cấp tỉnh			
-	Năm 2021			
	Trong đó. vốn NS cấp tỉnh			
...				

-	Năm 2025			
	Trong đó. vốn NS cấp tỉnh			

Lưu ý Phạm vi đầu tư bao gồm địa bàn để đạt huyện nông thôn mới, địa bàn thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 và Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021; Mục tiêu thực hiện theo Thông báo số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021.

2. Bổ sung Phụ lục lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của từng xã, huyện từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Đối với ý kiến của UBND huyện Cam Lâm báo cáo các địa phương thuộc huyện không thực hiện cam kết việc tránh lãng phí trong đầu tư các công trình trong vùng quy hoạch: đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất với UBND huyện Cam Lâm đề xuất đầu tư tại các xã trong vùng quy hoạch tương tự như các thôn trong vùng quy hoạch của xã Vạn Thạnh theo Thông báo số 818-TB/TU ngày 10/12/2023 kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Đảng ủy xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh năm 2023: *đối với hạ tầng thiết yếu tại các thôn còn lại cần tính toán đầu tư hợp lý, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, gắn với các tiêu chí của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.*

Nếu UBND huyện Cam Lâm không cam kết trách nhiệm nếu để xảy ra lãng phí trong thực hiện đầu tư công thì Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh nội dung này và không đưa danh mục đầu tư của huyện Cam Lâm vào Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

- Đối với đề nghị hỗ trợ bổ sung kinh phí đặc thù cho huyện Cam Lâm (100% vốn tỉnh): đề nghị trước mắt vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh để kịp trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình vào kỳ họp tháng 3/2024.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT khẩn trương phối hợp, thống nhất với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở liên quan để hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 02/3/2024 để thẩm định theo quy định./.

(gửi kèm văn bản liên quan)

**TUQ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG**

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, GTVT, CT, GDĐT, TNMT;
- BQL Khu Kinh tế Vân Phong;
- UBND các huyện, thị xã, Tp.;
- Lưu: VT, TH (HT).



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Số: 824/HĐTĐ

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (lần 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 3 năm 2024

KHẨN

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Công Thương;
- BQL Khu kinh tế Vân Phong;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND huyện Diên Khánh;
- UBND huyện Vạn Ninh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh) có văn bản số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 đề nghị thành viên Hội đồng thẩm định tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024 và có văn bản số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2024 thông báo cho các đơn vị đến ngày 28/02/2024 chưa có văn bản góp ý.

Tuy nhiên, đến ngày 04/03/2024 vẫn còn 07 đơn vị vẫn chưa có văn bản ý kiến thẩm định gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, BQL Khu kinh tế Vân Phong, UBND các huyện Diên Khánh, Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa. Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư không thể lập báo cáo thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư để Sở Nông nghiệp và PTNT có cơ sở báo cáo UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 02/2024 vào ngày 06/3/2024.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các đơn vị khẩn trương gửi văn bản ý kiến thẩm định cho Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước 16 giờ ngày 04/3/2024**; các đơn vị không gửi văn bản góp ý sẽ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu không kịp chuẩn bị tài liệu trình điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây

dựng nông thôn mới tại kỳ họp HĐND tỉnh tháng 3/2024; Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động phối hợp đôn đốc các đơn vị kịp thời gửi văn bản góp ý.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện./.

**TUQ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG**

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- UBND tỉnh (VBĐT)
- Lưu: VT, TH (HT).



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà**

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh (lần 2) chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT.

Căn cứ Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các Chương trình đầu tư công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng thẩm định đã tổ chức thẩm định điều chỉnh (lần 2) chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (Chương trình) và báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

2. Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

3. Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

4. Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

5. Công văn số 1747/UBND-KT ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

6. Quyết định số 4325/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 và Quyết định số

2186/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 phê duyệt Đề án đổi mới, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025.

7. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Các Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024, 1003/TTr-SNN ngày 04/3/2024 đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

- Các Báo cáo số 732/BC-SNN ngày 15/02/2024 và 995/BC-SNN ngày 04/3/2024 đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

- Báo cáo số 1003/BC-SNN ngày 04/3/2024 và 1046/BC-SNN ngày 05/3/2024 tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm định.

8. Hội đồng thẩm định

- Văn bản số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 và 824/HĐTĐ ngày 04/3/2024 lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định.

- Văn bản số 764/HĐTĐ ngày 28/02/2024 đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư.

9. Ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định:

Sở Tài chính (806/STC-TCĐT ngày 26/02/2024), Sở Xây dựng (746/SXD-KTQH ngày 04/3/2024), Sở Tài nguyên và Môi trường (867/STNMT-CCBVM ngày 27/02/2024), Sở Giáo dục và Đào tạo (472/SGDDT-KHTC ngày 27/02/2024), Sở Văn hóa và Thể thao (463/SVHTT-QLVHGĐ ngày 23/02/2024), Sở Thông tin và Truyền thông (548/STTTT-CNTTBCVT ngày 23/02/2024), Sở Y tế (561/SYT-NVYD ngày 22/02/2024), Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (555/SLĐTBXH-BTXHTEBĐG ngày 26/02/2024), Sở Công Thương (464/SCT-QLNL ngày 05/3/2024) và Ban Dân tộc (150/BDT-NV ngày 26/02/2024).

UBND các huyện, thị xã, thành phố: Nha Trang (1534/UBND-QLĐT ngày 29/02/2024), Cam Ranh (798/UBND-KT ngày 26/02/2024), Ninh Hòa (802/UBND ngày 04/3/2024), Vạn Ninh (712/UBND-KT ngày 04/3/2024), Cam Lâm (848/UBND-NN ngày 01/3/2024 và 757/UBND ngày 26/02/2024), Khánh Vĩnh (573/UBND-KT ngày 27/02/2024) và Khánh Sơn (703/UBND ngày 26/02/2024).

Các đơn vị chưa có văn bản ý kiến thẩm định gồm: Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong và UBND huyện Diên Khánh.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

2. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025

5. Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

6. Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

7. Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Hội đồng thẩm định.

2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, UBND các huyện, thị xã, thành phố: Nha Trang, Cam Ranh, Vạn Ninh, Ninh Hòa, Cam Lâm, Khánh Vĩnh và Khánh Sơn.

3. Hình thức thẩm định: Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH

I: MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CHỦ CHƯƠNG TRÌNH

1. Các nội dung không thay đổi so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh:

Tên Chương trình, cơ quan chủ quản chương trình, sự cần thiết đầu tư, thời gian thực hiện, cơ quan đơn vị thực hiện.

2. Các nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 gồm: phạm vi thực hiện, mục tiêu, nhu cầu vốn đầu tư, danh mục đầu tư.

Cụ thể theo Tờ trình 1003/TTr-SNN ngày 04/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình như sau:

S T T	Nội dung thay đổi của BCDXCTĐT	Nghị quyết số 62, 27/NQ-HĐND	Điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1	Phạm vi thực hiện Chương trình	- Vốn SNKT thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; - Vốn ĐTPT thực hiện tại 79 xã thuộc 08 huyện, Tx, Tp: Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh 16 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã, Cam Lâm 03 xã	Thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; tại các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện NTM, huyện NTM nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; liên quan đến hỗ trợ theo QĐ số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021–2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả	Nhằm đạt được toàn bộ mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh

S T T	Nội dung thay đổi của BCDXCTĐT	Nghị quyết số 62, 27/NQ-HĐND	Điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
2	Mục tiêu			
	Số xã nông thôn mới	72	≥ 75	Nhằm đạt được toàn bộ mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh
	Số xã NTM nâng cao	32	≥ 37	
	Số xã NTM kiểu mẫu	7	≥ 10	
	Số huyện nông thôn mới	1	3	
	Số thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		2	
	Số huyện nông thôn mới nâng cao		1	
3	Nhu cầu vốn ĐTPT (triệu đồng)	952.817	1.334.359	381.541
	Tr.đó NS tỉnh	409.795	564.897	155.102
-	Năm 2021	86.129	86.129	
	Tr.đó NS tỉnh	21.218	21.218	
-	Năm 2022	93.710	89.410	-4.300
	Tr.đó NS tỉnh	38.165	37.265	-900
-	Năm 2023	450.212	410.414	-39.798
	Tr.đó NS tỉnh	191.636	186.063	-5.573
-	Năm 2024	237.289	520.002	282.713
	Tr.đó NS tỉnh	120.428	227.149	106.721
-	Năm 2025	85.477	228.404	142.927
	Tr.đó NS tỉnh	38.348	93.202	54.854

4. Tổng vốn thực hiện Chương trình: 1.513 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển 1.334 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 179 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh 744 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 565 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 179 tỷ đồng); vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác 769 tỷ đồng.

- So với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, tổng vốn tăng 429 tỷ đồng (từ 1.084 tỷ thành 1.513 tỷ đồng); trong đó vốn đầu tư phát triển tăng 381 tỷ đồng (953 tỷ thành 1.334 tỷ đồng), vốn sự nghiệp tăng 48 tỷ đồng (từ 131 tỷ thành 179 tỷ đồng); vốn ngân sách cấp tỉnh tăng 203 tỷ đồng (từ 541 tỷ thành 744 tỷ đồng), vốn ngân sách cấp huyện xã và vốn hợp pháp khác tăng 226 tỷ đồng (từ 543 tỷ thành 769 tỷ đồng).

- Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn tỉnh tăng 381 tỷ đồng (953 tỷ thành 1.334 tỷ đồng), trong đó vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh tăng 155 tỷ đồng (từ 409 tỷ thành 564 tỷ đồng), cụ thể tăng giảm như sau:

+ Bổ sung vốn cho các xã chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết 62, 27/NQ-HĐND và đầu tư bổ sung các công trình qua rà soát tại các xã còn lại là 456 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách cấp tỉnh 194 tỷ đồng.

+ Điều chỉnh giảm công trình của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư do qua rà soát vẫn còn tận dụng được các công trình hiện hữu, đã bố trí nguồn vốn khác thực hiện, điều chỉnh giảm danh mục các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (không đi kèm đầu tư cơ sở hạ tầng khác) để sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế theo quy định tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu và để giảm kinh phí đối ứng của địa phương là 79 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách cấp tỉnh 40 tỷ đồng.

+ Điều chỉnh danh mục các công trình (điều chỉnh tên để phù hợp với quy định chuyên ngành, đảm bảo không tách công trình; điều chỉnh vốn do sai sót trong quá trình tính toán, chênh lệch giữa thực tế triển khai và quy mô ước tính đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; điều chỉnh quy mô, hình thức đầu tư do phát sinh các hạng mục mới cần đánh giá khi triển khai thực hiện; điều chỉnh năm thực hiện chủ yếu do các quy hoạch chưa thực hiện xong và một số công trình không hoàn chỉnh kịp thủ tục đầu tư, công trình cần thực hiện trong nhiều năm) là 3,9 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách cấp tỉnh là 1,1 tỷ đồng.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Có 10 sở, ngành, địa phương thống nhất Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình gồm các Sở: Xây dựng, Công Thương, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thể thao, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thành phố Nha Trang, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn.

Đối với 07 ý kiến của: Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố Cam Ranh, Cam Lâm, Ninh Hòa, Vạn Ninh, và ý kiến của Hội đồng thẩm định (764/HĐTĐ ngày 28/02/2024), Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu giải trình tại các Báo cáo số 1003/BC-SNN ngày 04/3/2024, 1046/BC-SNN ngày 05/3/2024 và đã hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Về phạm vi thực hiện:

Thông nhất theo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư: thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; tại các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; liên quan đến hỗ trợ theo Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021–2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả.

2. Về mục tiêu

- Cơ bản thống nhất theo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình; đề nghị bổ sung mục tiêu không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí.

3. Tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình

a) Về danh mục dự án đầu tư:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra và chịu trách nhiệm toàn diện về sự phù hợp của các dự án đề xuất đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 với các quy hoạch liên quan.

Đối với hạ tầng thiết yếu tại các xã, thôn trong vùng quy hoạch, địa phương cần tính toán đầu tư hợp lý, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, gắn với các tiêu chí của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. UBND cấp huyện, xã chịu trách nhiệm nếu để xảy ra lãng phí trong thực hiện đầu tư công tại địa phương.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm đảm bảo danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 không trùng lặp với các dự án đã được đầu tư theo các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN giai đoạn 2021 – 2025, các đề án và các dự án khác; cam kết bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách cấp huyện, xã để thực hiện.

- Danh mục đầu tư năm 2024 phải đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu về nông thôn mới theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 64/TB-UBND ngày 26/02/2024.

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, rà soát các nội dung trên.

(Danh mục dự án đầu tư được bổ sung, đưa ra khỏi Chương trình, điều chỉnh so với Nghị quyết 62/NQ-HĐND và Nghị quyết 27/NQ-HĐND thể hiện tại các phụ lục 02a, 03a, 04a Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình)

b) Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:

- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình sau khi điều chỉnh là 1.334 tỷ đồng, tăng 381 tỷ đồng so Nghị quyết 27/NQ-HĐND:

+ Vốn ngân sách tỉnh ngân sách tỉnh 564 tỷ đồng, tăng 155 tỷ đồng.

+ Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác 769 tỷ đồng, tăng 226 tỷ đồng.

Vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh tăng thêm sẽ được cân đối, bố trí từ nguồn vốn đầu tư công của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch vốn sự nghiệp: thực hiện theo ý kiến Sở Tài chính.

Các nội dung còn lại của mục "III. Ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định" tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2395/BC-HĐTĐ ngày 23/6/2023 không thay đổi.

Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về danh mục dự án đầu tư và các nội dung khác trong Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định trước khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025./.

(sao gửi kèm Tờ trình số 1003/TTr-SNN ngày 04/3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT và hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình)

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- HĐND tỉnh (VBĐT);
- UBND tỉnh (VBĐT);
- Thành viên HĐTĐ (VBĐT);
- Lưu: VT, TH (HT).

**TUQ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 651 /SYT-NVYD

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 02 năm 2024

V/v ý kiến đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

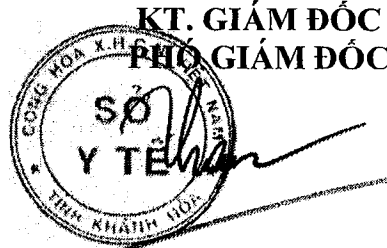
Sở Y tế nhận được Công văn số 652/SKHĐT-HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Sở Y tế có ý kiến như sau:

Thông nhất với Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 được kèm theo Công văn số 652/SKHĐT-HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Y tế góp ý phúc đáp Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lãnh đạo Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, NVYD.



Nguyễn Đình Thoan

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 555 /SLĐTBXH-BTXHTEBĐG

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2024

V/v ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất
chủ trương đầu tư Chương trình MTQG
xây dựng NTM tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng thẩm định.
(Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định về việc tham gia ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất với báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (gửi kèm theo Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định).

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- Lưu VT, BTXHTEBĐG.

(VBĐT)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thái Đài

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 463 /SVHTT-QLVHGĐ

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2023

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025

KHẨN

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
(Thường trực Hội đồng thẩm định).

Sở Văn hóa và Thể thao nhận được văn bản số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng Thẩm định tỉnh Khánh Hòa về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025.

Sau khi nghiên cứu các nội dung tại Báo cáo số: 732/BC-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 và các tài liệu liên quan đính kèm. Sở Văn hóa và Thể thao tham gia ý kiến thẩm định trong lĩnh vực quản lý ngành như sau: Cơ bản thống nhất với các nội dung của Báo cáo Đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, đề nghị Thường trực Hội đồng thẩm định tỉnh nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời tham mưu UBND tỉnh theo quy định.

Sở Văn hóa và Thể thao kính chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận: VBĐT
- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, QLVHGĐ (Hậu).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Quốc Văn



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 703 /UBND

Khánh Sơn, ngày 26 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021- 2025.

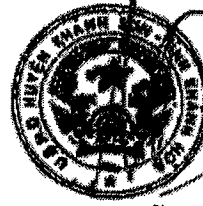
Sau khi nghiên cứu nội dung Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025. UBND huyện Khánh Sơn thống nhất với báo cáo và không có đề xuất gì thêm.

Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn kính báo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa tổng hợp./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Đông

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 757 /UBND

Cam Lâm, ngày 26 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án của tỉnh Khánh Hòa v/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Sau khi rà soát, UBND huyện Cam Lâm tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Thống nhất với lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025 và Danh mục bổ sung vốn đầu tư NTM cho huyện Cam Lâm năm 2024 và 2025, theo hồ sơ gửi kèm.

2. Đề xuất bổ sung 01 công trình thủy lợi nội đồng tại xã Suối Cát là “*Mương tưới thôn Suối Lau*”, thực hiện năm 2024; Tổng mức đầu tư dự kiến 1.200 triệu đồng (vốn của tỉnh: 840 triệu đồng, vốn của xã 360 triệu đồng); quy mô đầu tư: Xây mới tuyến mương khẩu độ (60x60)cm, dài khoảng 500m.

3. Đối với danh mục công trình bổ sung tại Phụ lục 02a của huyện Cam Lâm, đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện một số công trình như sau:

- Công trình giao thông: “*Nâng cấp, sửa chữa và hệ thống thoát nước đường liên xã Cam Tân - Sơn Tân*” và *tất cả các công trình giáo dục*: Thời gian thực hiện là năm 2024-2025, vì để đảm bảo thời gian thực hiện dự án qua hình thức đấu thầu và cân đối được nguồn vốn đối ứng của huyện.

- 02 công trình cơ sở vật chất văn hoá xã Cam Thành Bắc “*Sửa chữa, nâng cấp hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã*” và “*Nâng cấp, sửa chữa hội trường thôn Tân Sinh Tây*”) Điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2025 sang năm 2024-2025 do xã có nhu cầu đầu tư năm 2024 để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ chính trị của xã.

- Tất cả công trình giao thông tại xã Cam Hiệp Nam: Điều chỉnh thời gian thực hiện từ năm 2024 sang năm 2025 do huyện không cân đối được nguồn đối ứng trong năm 2024.

- Thời gian thực hiện các dự án còn lại: Thống nhất theo dự thảo.

4. Về danh mục công trình không tiếp tục triển khai thực hiện, đề nghị đưa ra khỏi Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh:

- UBND huyện thống nhất đưa ra khỏi Nghị quyết 27 công trình “*Xây mới trường mẫu giáo Hoa Mi*” tại xã Sơn Tân với tổng vốn 8.400 triệu đồng.

- Đề nghị bổ sung đưa 03 công trình đầu tư năm 2024 của xã Suối Cát ra khỏi nghị quyết 27: “*Đường giao thông trục nội đồng Suối Lau*” mức đầu tư 1.200 triệu đồng; “*Hạ tầng thiết yếu phòng chống thiên tai: Kè chống sạt lở Đồng Cam và đồng Cây Me*” mức đầu tư 5.000 triệu đồng (theo Biên bản số 51/BB-VPĐP ngày 29/01/2024 của Văn phòng Điều phối); “*Xây mới 4 phòng điểm Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhân viên*” mức đầu tư 2.600 triệu đồng (do công trình này trùng với danh mục công trình: Trường MN Vành Khuyên, xã Suối Cát, thuộc Chương trình Phát triển nguồn nhân lực tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của HĐND tỉnh v/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của tỉnh).

5. Theo bản Dự thảo Phụ lục 02a thì các hạng mục đề xuất đầu tư Mô hình thôn thông minh của 02 xã Cam Hải Tây và Cam Thành Bắc không được đưa vào danh mục (xã Cam Hải Tây: 2.800 triệu đồng, xã Cam Thành Bắc: 2.100 triệu đồng). Đây là 02 xã phấn đấu hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu của huyện; do vậy cần xem xét hỗ trợ kinh phí để 02 xã hoàn thành tiêu chí mô hình thôn thông minh và mô hình tự chọn bằng nguồn vốn khác của tỉnh.

6. Về kinh phí đầu tư để huyện Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2025 theo Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới theo tổng hợp tại dự thảo lần này còn nhiều nội dung, danh mục cần bổ sung đầu tư thực hiện. UBND huyện tiếp tục rà soát, đề xuất ngành chức năng của tỉnh xem xét, phê duyệt bổ sung danh mục đầu tư theo quy trình quy định.

Nhận thấy nguồn vốn trong cân đối ngân sách huyện không đảm bảo đối ứng, đầu tư bổ sung như nêu trên. Vì vậy, UBND huyện kiến nghị HĐND, UBND tỉnh xem xét, tăng mức vốn hỗ trợ đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 2024 và 2025 trên địa bàn huyện Cam Lâm so với Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh, hoặc xem xét, cho phép huyện bổ sung vào kế hoạch đầu tư công 2021-2025 của tỉnh các dự án giáo dục, giao thông năm 2024, 2025 đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực, không theo định mức vốn Chương trình nông thôn mới theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh.

Trên đây là ý kiến góp ý của UBND huyện Cam Lâm đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

UBND huyện kính trình Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp././

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Sở NN&PTNT;
- P.TCKH, NN&PTNT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Bảo



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH**

Số: 798 /UBND-KT

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cam Ranh, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư)

UBND thành phố Cam Ranh nhận được Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Vấn đề này, UBND thành phố Cam Ranh có ý kiến như sau:

Về cơ bản thống nhất với các nội dung theo hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đính kèm, tuy nhiên đề nghị bổ sung danh mục 2 công trình cho xã Cam Thịnh Tây nhằm hoàn thành tiêu chí giao thông, cụ thể như sau:

- Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thương), xã Cam Thịnh Tây: 1.200 triệu đồng.

- Xây dựng taluy hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây: 1.200 triệu đồng.

Tổng cộng: 2.400 triệu đồng.

(chi tiết theo bảng Phụ lục đính kèm)

Các công trình nêu trên đều đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã.

UBND thành phố Cam Ranh báo cáo Hội đồng thẩm định./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- Sở NN&PTNT;
- Các PCT UBNDtp (biết);
- Phòng Kinh tế;
- Phòng TCKH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Thạch

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG SƠ VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
(Đính kèm Công văn số /UBND-KT ngày .../02/2024 của UBND thành phố Cam Ranh)

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư
	Xã Cam Thịnh Tây							
	Tổng:		2.400	1.680	720			
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thương)	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, mở rộng	Phù hợp quy hoạch chung xây dựng xã	Mở rộng gia cố lề đường, mặt đường nâng cấp bê tông nhựa
2	Xây dựng taluy hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa	Phù hợp quy hoạch chung xây dựng xã	Xây dựng chân khay và mái taluy hai đầu cầu, gia cố thường hạ lưu bằng bê tông xi măng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 573 /UBND-KT

Khánh Vĩnh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

V/v đảm bảo sự phù hợp với
Quy hoạch chung xây dựng xã;
quy hoạch, kế hoạch sử dụng
đất và các quy hoạch khác của
các dự án đề xuất đầu tư trên
địa bàn giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng thẩm định tỉnh Khánh Hoà.

Căn cứ Báo cáo số 732/BC-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hoà về việc đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hoà về việc Đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định tỉnh Khánh Hoà về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở văn bản cam kết của các địa phương về các dự án đề xuất đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác; UBND huyện Khánh Vĩnh kính báo cáo Hội đồng thẩm định tỉnh được biết và tổng hợp.

Với nội dung trên, UBND huyện Khánh Vĩnh gửi Hội đồng thẩm định tỉnh Khánh Hoà xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- Văn phòng NTM tỉnh;
- Các phòng: TCKH, NN và PTNT; KTHT;
- UBND 07 xã: Sông Cầu, Khánh Đông, Khánh Bình, Khánh Thượng, Khánh Hiệp, Khánh Thành, Khánh Phú;
- Lưu: VT, NN, Trục.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thuận

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 548 /STTTT-CNTTBCVT

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt dự thảo Báo cáo).

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Báo cáo, Sở Thông tin và Truyền thông có một số ý kiến đối với lĩnh vực thông tin và truyền thông tại *Phụ lục 02a – DANH MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỔ SUNG SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH*, như sau:

1. Về việc đầu tư hệ thống wifi của các xã

- Nội dung đề xuất đầu tư lắp đặt hệ thống wifi miễn phí ở các điểm công cộng là phù hợp với Tiêu chí 8.5 - Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Đề nghị làm rõ nội dung và quy mô đầu tư của công trình “Đầu tư hệ thống wifi Parabol công cộng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã” tại xã Vạn Thắng và xã Vạn Phú, huyện Vạn Ninh. Đồng thời, bổ sung cơ sở xác định tổng mức đầu tư (TMĐT) hiện tại đối với hạng mục này (*TMĐT mỗi công trình tại mỗi xã là 400 triệu, lớn hơn nhiều so với kinh phí triển khai “Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng” tại các xã thuộc thị xã Ninh Hòa và huyện Cam Lâm – dưới 100 triệu*).

- Đối với nội dung đầu tư cụm wifi công cộng tại các xã thuộc huyện Cam Lâm:

+ Đề nghị rà soát, bổ sung, làm rõ địa điểm dự kiến đầu tư, đảm bảo phù hợp với tiêu chí 8.5 - Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...).

+ Xem lại kinh phí triển khai so sánh giữa các xã: Cam Tân (05 cụm – 20 triệu); Cam Hải Đông (03 cụm – 20 triệu); Cam Hải Tây (08 cụm – 100 triệu).

2. Về việc đầu tư đài truyền thanh xã

- Nội dung đề xuất đầu tư đài truyền thanh xã là phù hợp với Tiêu chí 8.3 - Xã

có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Đối với nội dung đầu tư đài truyền thanh xã tại các xã: Ninh Đông, Ninh Ích, Ninh Sim thuộc thị xã Ninh Hòa:

+ Đề nghị rà soát sự cần thiết của việc đầu tư “Máy chủ” tại các xã theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông.

+ Xem lại kinh phí triển khai so sánh giữa các xã: Ninh Sim (Máy chủ và 24 cụm loa – 759 triệu); Ninh Ích (Máy chủ và 24 cụm loa – 900 triệu); Ninh Đông (Máy chủ và 22 cụm loa – 600 triệu).

Sở Thông tin và Truyền thông gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, CNTTBCVT (Q).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tấn Trung

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150 /BDT-NV

Khánh Hoà, ngày 26 tháng 02 năm 2024

V/v ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương
trình MTQG xây dựng Nông thôn
mới giai đoạn 2021 - 2025.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ban Dân tộc nhận được Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021 - 2025; Ban Dân tộc có ý kiến về đầu tư các công trình theo đề nghị của UBND huyện Khánh Sơn tại Công văn số 536/UBND ngày 06/02/2024 như sau:

1. Công trình Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Bình:

Năm 2022 huyện Khánh Sơn được phân bổ 2.231 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà thực hiện công trình *Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư, xã Sơn Bình* (Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh).

Vì vậy đối với công trình nêu trên, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn nghiên cứu phân bổ vốn đầu tư từ nguồn vốn của Chương trình Nông thôn mới hoặc từ nguồn vốn của tỉnh.

2. Công trình Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Hiệp:

Theo báo cáo đề xuất của UBND huyện Khánh Sơn đầu tư hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Hiệp để xã đạt chuẩn Nông thôn mới. Vì vậy, Ban Dân tộc đề nghị Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tổ chức Đoàn kiểm tra, khảo sát thực tế để thống nhất đề xuất đầu tư cho phù hợp với quy định.

3. Công trình Nâng cấp Trường Mầm non Hoà Mi xã Sơn Hiệp:

Công trình này đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung danh mục đầu tư tại Phụ lục 02a kèm theo Báo cáo.

Ban Dân tộc kính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Sở NN&PTNT (VBĐT);
- Lãnh đạo Ban (VBĐT);
- Lưu: VT, NV.



Số: 806 /STC- TCĐT

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2024

V/v góp ý báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (*Thường trực Hội đồng thẩm định*) tại công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 về việc đề nghị các thành viên Hội đồng thẩm định có ý kiến đối với báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT; sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Đối với Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình:

Theo Báo cáo số 732/BC-SNN ngày 18/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, đơn vị soạn thảo chỉ đề nghị điều chỉnh nhu cầu vốn đầu tư phát triển; giữ nguyên vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách cấp tỉnh là 131.550 triệu đồng theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 nên Sở Tài chính thống nhất với báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương.

2. Đối với nội dung chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thanh cơ sở và trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao sử dụng vốn đầu tư hay vốn sự nghiệp:

Theo quy định tại Điều 82, Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn NSNN thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, nội dung chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thanh cơ sở và trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao thuộc nguồn vốn sự nghiệp.

3. Đối với đề nghị nâng hạn mức vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024, 2025 từ 25 tỷ đồng/năm lên 50 tỷ đồng/năm.

Hàng năm; kinh phí sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được bố trí trong dự toán bình quân khoảng 27,5 tỷ đồng/năm; sau khi thực hiện tiết kiệm 10% bổ sung nguồn cải cách tiền lương; nguồn kinh phí còn lại được sử dụng

khoảng 24,8 tỷ đồng.

Qua rà soát các năm từ 2022 - 2023, kinh phí đã bổ sung cho các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ chi khác thuộc Chương trình nông thôn mới cụ thể như sau:

- Năm 2022:

+ Số dự toán đầu năm đã bố trí	:	27,50 tỷ đồng
+ Tiết kiệm 10% nguồn CCTL	:	2,75 tỷ đồng
+ Kinh phí đã bổ sung trong năm	:	12,61 tỷ đồng
+ Số dự toán còn lại	:	12,14 tỷ đồng

- Năm 2023:

+ Số dự toán đầu năm đã bố trí	:	27,50 tỷ đồng
+ Tiết kiệm 10% nguồn CCTL	:	2,75 tỷ đồng
+ Kinh phí đã bổ sung trong năm	:	19,46 tỷ đồng
+ Số dự toán còn lại	:	5,29 tỷ đồng

Theo đó các năm từ 2022 - 2023, các đơn vị và địa phương không sử dụng hết dự toán đã bố trí và phải hủy dự toán. Do đó, đối với đề nghị tăng vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ 25 tỷ đồng/năm lên 50 tỷ đồng/năm, để Sở Tài chính có cơ sở tổng hợp cân đối nguồn tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh về nguồn lực thực hiện, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thuyết minh, giải trình cụ thể nội dung chi tăng (mức chi, đối tượng) so với giai đoạn 2022-2023, tránh trường hợp sử dụng không hết dự toán gây lãng phí trong công tác phân bổ dự toán.

Sở Tài chính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, TCĐT, NTDùng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quốc Thành

**UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 472 /SGDĐT-KHTC

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2024

V/v ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Hội đồng thẩm định)

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được văn bản số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Sau khi kiểm tra, rà soát, Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất với nội dung Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 do Sở Nông nghiệp và PTNT lập tại báo cáo số 732/BC-SNN ngày 15/02/2024.

Sở Giáo dục và Đào tạo gửi ý kiến đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Hội đồng thẩm định) để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Hữu Quỳnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1534/UBND-QLĐT

Nha Trang, ngày 29 tháng 02 năm 2024

V/v ý kiến thẩm định Báo cáo đề
xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình MTQG xây dựng
nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

UBND thành phố Nha Trang nhận được Văn bản số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định - UBND tỉnh Khánh Hòa “V/v tham gia ý kiến ý thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025”; Trong đó, yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố: *cam kết trách nhiệm về sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của dự án đề xuất đầu tư trên địa bàn giai đoạn 2021-2025*”.

Qua rà soát danh mục dự án theo các phụ lục kèm Báo cáo số 732/BC-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông “Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025”; trên địa bàn thành phố Nha Trang không có dự án thuộc danh mục đề xuất điều chỉnh, bổ sung. Do đó, UBND thành phố Nha Trang không có ý kiến.

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBNDTP;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT, CV, QLĐT (02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Khánh

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 867 /STNMT-CCBVM

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề
xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương
trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh
Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; kèm theo Tờ trình số 724/TTr-SNN ngày 15/02/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đề nghị điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh và các hồ sơ liên quan.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với nội dung kèm theo Tờ trình số 724/TTr-SNN nêu trên.

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên,
- Lưu: VT, CCBVMT, Nghi.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Lan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 802 /UBND

Ninh Hòa, ngày 04 tháng 03 năm 2024

V/v tham gia ý kiến thẩm định
Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ
trương đầu tư Chương trình
MTQG xây dựng nông thôn
mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn
2021-2025

Kính gửi:

- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định tỉnh Khánh Hòa về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025,

- Qua nghiên cứu, rà soát, UBND thị xã Ninh Hòa thống nhất với nội dung Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

- Đối với nội dung cam kết trách nhiệm về sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của các dự án đề xuất đầu tư trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021-2025, ngày 26/12/2023, UBND thị xã đã ban hành Công văn số 5259/UBND về việc rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 3), trong đó yêu cầu về sự phù hợp các quy hoạch: *UBND các xã chịu trách nhiệm về sự phù hợp quy hoạch của danh mục các công trình đề xuất*. Qua báo cáo, UBND các xã đã xác định danh mục đầu tư đề xuất phù hợp với quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất. Một số dự án trên địa bàn tại các xã Ninh Phú, Ninh Bình, Ninh Phụng, Ninh Tây năm 2023 chưa triển khai thực hiện được do chưa phù hợp quy hoạch sẽ cập nhật trong kỳ điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Năm 2023, nguồn vốn đối ứng của thị xã cho các dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tại các xã cơ bản được đáp ứng. Tuy nhiên, đối với nguồn vốn đầu tư các dự án trường học để đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao rất lớn. Năm 2023, tổng số vốn đầu tư các trường học là 89.100 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách tỉnh 30% là 28.541 triệu đồng và vốn ngân sách thị xã đối ứng 60.559 triệu đồng. Trong năm 2023, thị xã chỉ đủ vốn đối ứng cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, còn vốn đối ứng cho các trường học chưa có vốn đối ứng (dự kiến bố trí vốn trong năm 2024 và năm 2024).

Năm 2023, ngân sách thị xã hực thu trên 38.000 triệu đồng nên không có nguồn để bổ sung vốn đầu tư công thực hiện đối ứng các dự án xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao các năm 2024 và 2025. Để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo lộ trình của tỉnh, đảm bảo không xảy ra nợ đọng trong xây dựng cơ bản, UBND thị xã Ninh Hòa kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm hỗ trợ vốn đầu tư các dự án trường học năm 2023 và các năm tiếp theo với tỷ lệ hỗ trợ vốn ngân sách tỉnh 70% và vốn ngân sách thị xã đối ứng 30%. Riêng đối với danh mục các dự án thực hiện đầu tư cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 và năm 2025, UBND thị xã kính đề nghị tỉnh hỗ trợ vốn 100% để thực hiện.

UBND thị xã Ninh Hòa kính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp:/.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Chủ tịch UBND thị xã;
- Các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Tâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH**

Số: 712 /UBND-KT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Vạn Ninh, ngày 04 tháng 3 năm 2024

V/v tham gia ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện Công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các Chương trình đầu tư công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Sau khi nghiên cứu nội dung Báo cáo đề xuất điều chỉnh Chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung 01 dự án tại Phụ lục 02a, kèm theo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025:

Ngày 15/01/2024, UBND huyện Vạn Ninh đã có văn bản số 177/UBND-KT gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; trong đó có dự án trên địa bàn xã Vạn Thắng: “*Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao cho 06 thôn*” với kinh phí 1.200 triệu đồng từ nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác nhưng chưa được tổng hợp. Do vậy, kính đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét bổ sung dự án này vào Phụ lục 02a.

2. Đề xuất, kiến nghị:

- Theo lộ trình đến năm 2025, 100% các xã trên địa bàn huyện có tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới phải đạt chuẩn theo bộ tiêu chí giai đoạn 2022-2025 để huyện Vạn Ninh đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Trong đó:

+ Xã Vạn Thạnh là xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, chưa được đầu tư hệ thống cấp nước tập trung đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; người dân trên địa bàn xã sử dụng nước hợp vệ sinh từ nguồn giếng khoan, giếng đào của hộ gia đình. Trong những năm qua, địa phương đã đầu tư một số công

trình giếng khoan cấp nước tập trung, đáp ứng nhu cầu dùng nước hợp vệ sinh cho người dân trên địa bàn xã.

+ Xã Xuân Sơn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, hệ thống cấp nước của xã có công nghệ xử lý lọc hậu, chất lượng nước thành phẩm tại thời điểm xét đạt chuẩn nông thôn mới đáp ứng được Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT nhưng đến nay không đáp ứng được theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

Để các xã Vạn Thạnh, Xuân Sơn đạt chuẩn nông thôn mới thì cần phải đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước hiện có để đảm bảo chất lượng nước thành phẩm đáp ứng được Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT. Tuy nhiên, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 không có nội dung hỗ trợ để đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung quy mô cấp xã. Do đó, kính đề nghị Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bố trí nguồn vốn lồng ghép để đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt của xã Vạn Thạnh và xã Xuân Sơn để các địa phương đạt chuẩn chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định, đạt mục tiêu huyện Vạn Ninh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025.

(Đính kèm danh mục công trình đề nghị bổ sung)

Kính đề nghị Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Sở NN và PTNT;
- VPDP NTM tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Sơn

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, LỒNG GHÉP VỐN ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Công văn số 712 /UBND-KT ngày 04/3/2024 của UBND huyện Vạn Ninh)

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
I	Danh mục đề nghị bổ sung vào Phụ lục 02, Báo cáo đề xuất điều chỉnh CTĐT		1.200	-	1.200
1	Xã Vạn Thắng		1.200	-	1.200
<i>a</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		<i>1.200</i>	-	<i>1.200</i>
	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao cho 06 thôn	2024	1.200	-	1.200
II	Danh mục đề nghị lồng ghép nguồn vốn đầu tư		8.540	8.540	-
1	Xã Vạn Thạnh		3.540	3.540	-
	Nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tại 04 thôn Vĩnh Yên, Khải Lương, Ninh Tân, Ninh Đào	2024	3.540	3.540	-
2	Xã Xuân Sơn		5.000	5.000	-
	Nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Xuân Sơn	2024	5.000	5.000	-



UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 746 /SXD-KTQH
V/v tham gia ý kiến Báo cáo đề xuất
điều chỉnh chủ trương đầu tư
Chương trình MTQG xây dựng nông
thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn
2021-2025

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 824/HĐTĐ ngày 04/03/2024 của Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (đính kèm hồ sơ Dự thảo Báo cáo). Sau khi nghiên cứu, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

Sở Xây dựng cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư đính kèm nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay UBND các huyện, thị xã, thành phố đang trong quá trình triển khai lập, điều chỉnh các đồ án quy hoạch có liên quan tại địa phương nhằm phủ kín quy hoạch và quản lý tốt các công tác quy hoạch. Do vậy, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ ý kiến của UBND các huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở xem xét đối với các nội dung liên quan đến chức năng, thẩm quyền quản lý tại địa phương; Sở Xây dựng sẽ phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành trong quá trình triển khai thực hiện.

Sở Xây dựng kính báo./.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, QLN, KTQH.Trung



Trần Văn Châu

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 464 /SCT- QLNL

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2024

V/v tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Công thương nhận được công văn số 652/HĐTĐ ngày 21/02/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh hòa giai đoạn 2021-2025.

Sau khi nghiên cứu, Sở Công thương thống nhất hồ sơ Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Sở Công thương đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận: (VBĐT)
- Như trên;
- Lưu: VT; QLNL. (M)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Hoàng

Số: /BC-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023 đối với huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

I. Tóm tắt quá trình UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia

Sau khi có kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức lấy ý kiến tham gia vào kết quả xây dựng nông thôn mới và kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023. Cụ thể:

Ngày 22/01/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 876/UBND-KT đề lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các Sở, ban, ngành tỉnh đối với Dự thảo báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023.

Đồng thời, ngày 22/01/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 875/UBND-KT giao Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa thực hiện công bố huyện Diên Khánh đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của nhân dân.

Theo đó, từ ngày 22/01/2024 đến ngày 05/02/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố huyện Diên Khánh đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa.

Đến hết ngày 19/02/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã nhận được tất cả các ý kiến tham gia, nhận xét của các tổ chức chính trị - xã hội, các Sở, ban, ngành tỉnh và nhân dân đối với Dự thảo báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023.

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023 đối với huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh
 - Hình thức tham gia ý kiến: Bằng văn bản (Có văn bản góp ý của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh)
 - Ý kiến tham gia: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh thống nhất với Dự thảo báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023.



- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

2. Ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành liên quan trên địa bàn tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến: Bằng văn bản (*Có văn bản góp ý của Sở, ban, ngành liên quan*)

- Ý kiến tham gia: 14/18 đơn vị thống nhất với dự thảo báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023 và 04/18 đơn vị đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong dự thảo báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023.

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn tỉnh/thành phố

Đến hết thời điểm lấy ý kiến theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh không nhận được ý kiến góp ý của nhân dân đối với việc huyện Diên Khánh được đề nghị xét, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu các ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023, đồng thời chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND huyện Diên Khánh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Diên Khánh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- UBMTTQ tỉnh;
- Các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Diên Khánh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, Tle, LV.

TM. UBND TỈNH KHÁNH HÒA
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nam



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH**

Số: *177* /UBND-KT

V/v báo cáo kết quả rà soát,
điều chỉnh, bổ sung danh mục
đầu tư Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Vạn Ninh, ngày *15* tháng 01 năm 2024



Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 6195/SNN-VPĐP ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Qua rà soát, UBND huyện Vạn Ninh báo cáo đề xuất điều chỉnh lộ trình và danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Vạn Ninh như sau:

1. Lộ trình đạt chuẩn:

- Năm 2024: Xã Vạn Thạnh đạt chuẩn nông thôn mới, Xã Vạn Thắng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Năm 2025 : Xã Vạn Bình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã Vạn Phú đạt nông thôn mới kiểu mẫu, huyện Vạn Ninh đạt chuẩn nông thôn mới.

(Đính kèm Phụ lục 01)

2. Nhu cầu điều chỉnh, bổ sung vốn Sự nghiệp kinh tế:

Tổng nhu cầu kinh phí điều chỉnh, bổ sung: **4.632 triệu đồng** (Ngân sách cấp tỉnh: 2.582 triệu đồng; Ngân sách cấp huyện, cấp xã: 50 triệu đồng; Nguồn vốn huy động xã hội hóa: 2.000 triệu đồng). Cụ thể:

- Điều chỉnh mức kinh phí hỗ trợ điều tra thu nhập thành 30 triệu đồng/xã; bổ sung kinh phí hỗ trợ điều tra thu nhập năm 2024 cho 11/11 xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Vạn Ninh để đủ điều kiện xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025 với kinh phí là 330 triệu đồng từ Ngân sách cấp tỉnh.

- Bổ sung 02 nội dung với kinh phí 550 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách cấp tỉnh là 500 triệu đồng; Ngân sách cấp huyện, cấp xã là 50 triệu đồng*). Gồm:

+ Xây dựng Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Vạn Ninh với kinh phí 500 triệu đồng từ Ngân sách cấp tỉnh.

+ Xây dựng mô hình VietGAP cho nông sản chủ lực cấp xã với kinh phí 50 triệu đồng từ Ngân sách cấp huyện, xã.

- Huy động, hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở để xóa bỏ nhà tạm, dột nát trên địa bàn xã Vạn Thạnh với kinh phí 2.000 triệu đồng từ nguồn vốn xã hội hóa.

- Bổ sung kinh phí vận hành các máy phát điện ở các thôn đảo, xã Vạn Thạnh năm 2024, 2025 là 1.752 triệu đồng (*876 triệu đồng/năm*) từ Ngân sách cấp tỉnh.

(Đính kèm Phụ lục 02)

3. Danh mục vốn đầu tư phát triển đề nghị bổ sung so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND:

Tổng nhu cầu kinh phí đề nghị bổ sung: 48.014 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách tỉnh là 23.364 triệu đồng; Ngân sách huyện, xã là 24.650 triệu đồng*). Cụ thể:

- Đầu tư để các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu: 28.014 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách cấp tỉnh là 9.364 triệu đồng; Ngân sách huyện, xã là 18.650 triệu đồng*)

- Đầu tư để huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 20.000 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách cấp tỉnh là 14.000 triệu đồng; Ngân sách cấp huyện là 6.000 triệu đồng*).

(Đính kèm Phụ lục 03)

4. Danh mục vốn đầu tư phát triển đề nghị điều chỉnh so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND:

- Điều chỉnh thời gian thực hiện của 18 dự án lập quy hoạch tại các xã Xuân Sơn, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Thắng, Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước và Vạn Thọ từ năm 2023 sang năm 2024.

- Điều chỉnh kinh phí thực hiện của 02 dự án lập quy hoạch tại xã Vạn Bình với tổng kinh phí sau điều chỉnh là 1.200 triệu đồng từ nguồn Ngân sách cấp huyện, xã.

(Đính kèm Phụ lục 04)

5. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề xã Vạn Thạnh phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024, đảm bảo đến năm 2025 huyện Vạn Ninh được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo mục

tiêu của Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành cấp tỉnh xem xét các yếu tố đặc thù trong đánh giá mức đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới của xã Vạn Thạnh theo chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 818-TB/TU ngày 19/12/2023.

- Đối với nhu cầu đầu tư của các trường Trung học phổ thông (04 trường) trên địa bàn huyện Vạn Ninh để đạt Chỉ tiêu 5.3 về “*Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên*” của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch, lộ trình đầu tư phù hợp.

- Theo kế hoạch, huyện Vạn Ninh phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025, theo đó các xã phải hoàn thành đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới hoàn thiện hồ sơ minh chứng vào cuối năm 2024. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, phối hợp với Sở Tài chính xem xét hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp để các xã thực hiện công tác điều tra thu nhập (30 triệu đồng/xã).

UBND huyện Vạn Ninh kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp./.

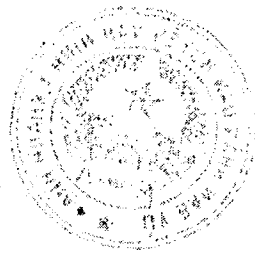
Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các phòng, ban chuyên môn;
- UBND các xã (trừ Đại Lãnh);
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Sơn



Phụ lục 01:

LỘ TRÌNH ĐẠT CHUẨN TRONG GIAI ĐOẠN 2024-2025

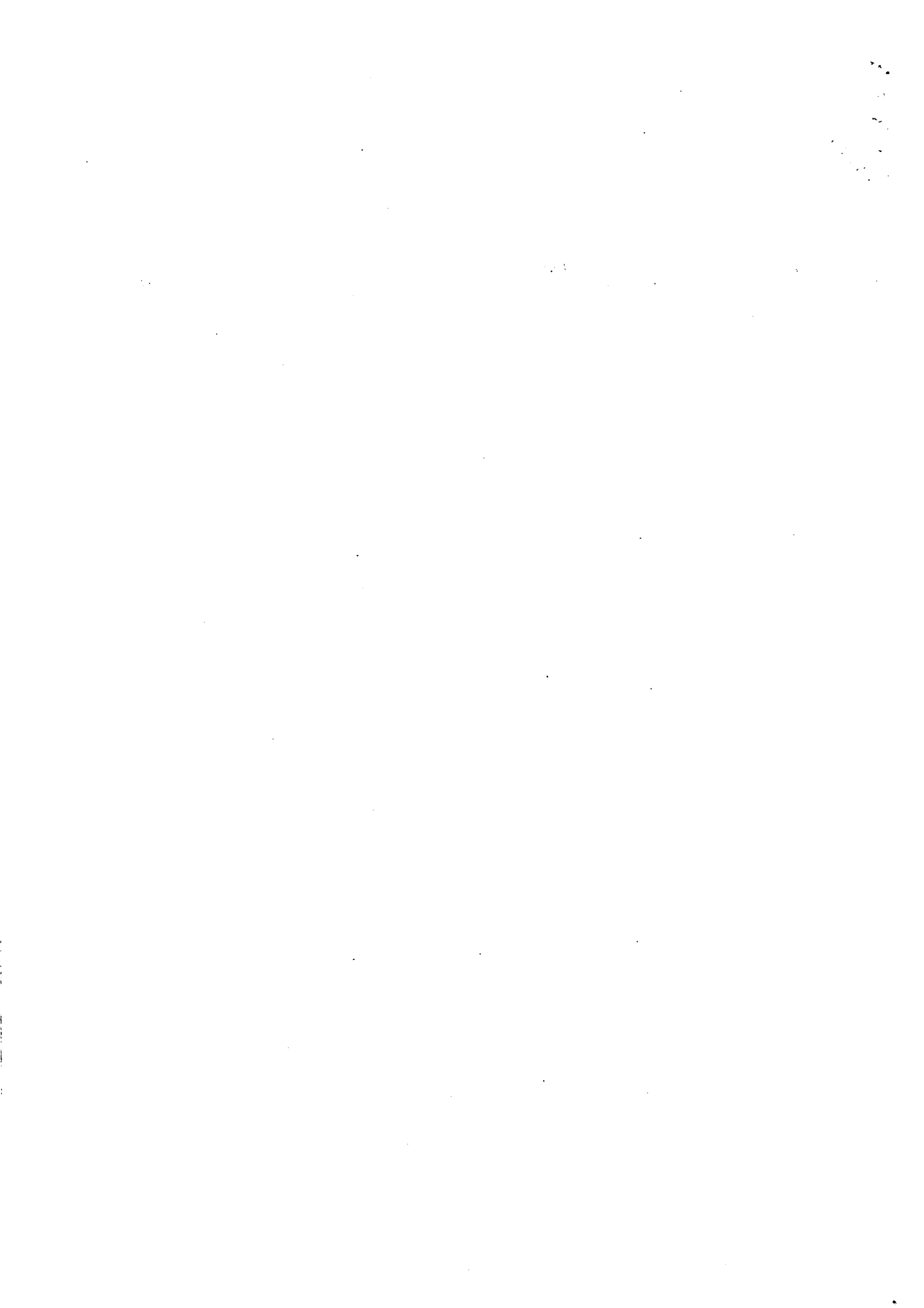
(Kèm theo Công văn số 113/UBND-KT ngày 15/01/2024 của UBND huyện Vạn Ninh)

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
A	THÔN THUỘC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN ĐẠT CHUẨN			
B	CÁC XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN			
1	Xã Vạn Thạnh	2024		
2	Xã Vạn Thắng		2024	
3	Xã Vạn Bình		2025	
4	Xã Vạn Phú			2025
C	HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI			
	Huyện Vạn Ninh			2025

Phụ lục 02

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀO CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI HUYỆN VẠN NINH GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Công văn số: *117* /UBND-KT 15/01/2024 của UBND huyện Vạn Ninh

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn
HUYỆN VẠN NINH			4.632	2.582	2.050
1	Điều tra thu nhập của 11 xã nông thôn mới	2024	330	330	-
2	Xây dựng Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Vạn Ninh	2024	500	500	-
3	Xây dựng mô hình VietGAP cho nông sản chủ lực xã Vạn Lương	2024	50	-	50
4	Hỗ trợ xây dựng nhà ở, xóa nhà tạm dột nát trên địa bàn xã Vạn Thạnh	2024	2.000	-	2.000
5	Kinh phí vận hành các máy phát điện ở các thôn đảo, xã Vạn Thạnh	2024	876	876	-
6	Kinh phí vận hành các máy phát điện ở các thôn đảo, xã Vạn Thạnh	2025	876	876	-



**DANH MỤC VON ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG SƠ VOI
NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOA**

(Kèm theo Công văn số *111* /UBND-KT 15/01/2024 của UBND huyện Vạn Ninh)

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hơn phân khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		48.014	23.364	24.650				
I	CẤP XÃ		28.014	9.304	18.650				
1	Xã Vạn Thạnh		7.300	3.330	3.970				
a	<i>Hệ thống lưới điện nông thôn</i>		1.800	1.260	540				
	Đầu tư hệ thống điện cho các thôn Ninh Đảo, Ninh Tân, Diệp Sơn	2024	1.800	1.260	540	Đầu tư mới		Bổ sung máy phát điện chạy dầu, lắp đặt hệ thống đường dây điện và xây dựng trạm đặt máy phát cho các thôn Ninh Đảo, Ninh Tân, Diệp Sơn	
b	<i>Trường học</i>		3.600	1.080	2.520				
	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học; Khối 5 phòng học; Công trường rào	
	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Vạn Thạnh 2	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối phòng học và thư viện; Công trường rào của điểm Khai Lương	
	Cải tạo, sửa chữa trường TH và THCS Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; 11 phòng học	
c	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		700	150	550				
	Nhà văn hóa xã (Hội trường đa năng 200 chỗ ngồi)	2024				Đầu tư mới	Quy hoạch 1/500 Khu tái định cư Vĩnh Yên (giai đoạn 1)	Xây dựng Nhà văn hóa đa năng với sức chứa 200 chỗ ngồi	Đã bỏ trị vốn lồng ghép trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hơn chi khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hàng mục: các thiết chế văn hóa)	2024	500	150	350	Đầu tư mới	Quy hoạch 1/500 Khu tái định cư Vĩnh Yên (giai đoạn 1)	Đầu tư trang thiết bị, bàn ghế, âm thanh... đảm bảo hoạt động văn hóa tại địa phương	
	Khu thể thao các thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Diệp Sơn, Khai Lương (Hàng mục: các thiết chế văn hóa)	2024	200	-	200	Đầu tư mới		Đầu tư trang thiết bị thể dục thể thao tại các khu thể thao 04 thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Diệp Sơn, Khai Lương	
d	Nước sạch nông thôn		1.200	840	360				
	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Diệp Sơn, Khai Lương	2024	1.200	840	360	Nâng cấp		Bổ sung hệ thống xử lý, đường ống dẫn nước của các cụm cấp nước sinh hoạt của các thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Diệp Sơn, Khai Lương	Đặc thù cho xã DBKK trong điều kiện thực hiện Quy hoạch KKT Văn Phong
2	Xã Văn Thắng		6.800	2.160	4.640				
a	Giao thông		1.200	840	360				
	Đường giao thông đến trung tâm xã		1.200	840	360				
	Đèn chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn các trục đường xã	2024	1.200	840	360	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn trên các trục đường xã	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		5.200	1.200	4.000				
	Xây dựng trung tâm thể dục - thể thao xã	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Khu thể thao xã với diện tích khoảng 20.000 m ²	
	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao cho 06 thôn	2024	1.200	-	1.200	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao cho 06 thôn	
c	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ở nông thôn		400	120	280				
	Đầu tư hệ thống wifi Parabol công cộng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	2024	400	120	280	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư mới hệ thống Wifi Parabol công cộng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hơn nháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Vạn Bình		6.100	1.530	4.570				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		5.000	1.200	3.800				
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục Hội trường nhà văn hóa)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư xây dựng Hội trường đa năng cơ sở chứa 250 chỗ ngồi; các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ; hệ thống wifi Parabol công cộng trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa thể thao xã	
	Xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi ở 5 thôn	2024	1.000	-	1.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư các trang thiết bị thể dục, thể thao, giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại 05 thôn	
b	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		1.100	330	770				
	Sửa chữa, nâng cấp chợ Trung Đông	2024	1.100	330	770	Sửa chữa, nâng cấp	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ đảm bảo các tiêu chí của chợ kinh doanh thực phẩm (gồm: sửa chữa, mở rộng Nhà lồng chợ, nâng nền bê tông khuôn viên chợ, hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng,...)	
4	Xã Vạn Phú		5.964	1.789	4.175				
a	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số nông thôn		400	120	280				
	Đầu tư hệ thống wifi Parabol công cộng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	2024	400	120	280	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư mới hệ thống Wifi Parabol công cộng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
<i>b</i>	<i>Trường học</i>		5.564	1.669	3.895				
	Trường THCS Mê Linh	2024-2025	5.564	1.669	3.895	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	- Đầu tư cải tạo, sửa chữa khối hành chính quản trị, khối nhà lớp học, khối hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, mái che khu tập thể đực của học sinh, công trường rào; - Xây mới phòng học môn Mỹ thuật, phòng học môn Khoa học xã hội, môn Khoa học tự nhiên; - Sửa chữa, mua sắm mới trang thiết bị bàn ghế phục vụ giảng dạy, học tập	
5	Xã Vạn Lương		1.700	510	1.190				
<i>a</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.700	510	1.190				
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Hàng mục: Khu thể thao xã	2024	1.200	360	840	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Xây dựng công, tường rào, nâng nền khu thể thao xã với diện tích khoảng 3.800 m ² .	
	Trang thiết bị điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	2024	500	150	350	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư các trang thiết bị thể dục, thể thao, giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	
6	Xã Vạn Thọ		150	45	105				
<i>a</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>		150	45	105				
	Sửa chữa, nâng cấp chợ Cỏ Mã	2024	150	45	105	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa bố trí các điểm kinh doanh, xây dựng nhà vệ sinh, khu để xe trong khuôn viên chợ	
H. CẤP HUYỆN									
			20.000	14.000	6.000				
1	Cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động công đồng		20.000	14.000	6.000				
	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	2024-2025	20.000	14.000	6.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Chợ Trung tâm huyện đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô diện tích khoảng 14.000 m ²	Kết hợp để xã Vạn Thắng đạt chuẩn NITMNC năm 2024

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *254*/UBND

Ninh Hòa, ngày *19* tháng *01* năm *2024*

V/v rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Công văn số 6195/SNN-VPĐP ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa về việc rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

UBND thị xã Ninh Hòa báo cáo rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thị xã như sau:

1. Báo cáo bổ sung danh mục dự án đầu tư của 11 xã theo mục tiêu và lộ trình đạt chuẩn gồm: *Ninh Tây, Ninh Thượng* đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024; *Ninh Phú, Ninh Sơn, Ninh Thân, Ninh Tân* đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024; *Ninh Quang* đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024; *Ninh An* đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025; *Ninh Lộc, Ninh Thọ* đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2025; *Ninh Đông* đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025. Đồng thời, báo cáo bổ sung danh mục đối với 05 xã gồm: *Ninh Vân, Ninh Trung, Ninh Ích, Ninh Xuân, Ninh Sim* (đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2021) để đảm bảo đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2022-2025 (Chi tiết theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm).

2. Báo cáo không tiếp tục đầu tư đối với các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (Chi tiết theo mẫu Phụ lục 03 đính kèm).

3. Báo cáo điều chỉnh (về năm thực hiện, nguồn vốn, hình thức đầu tư, quy mô đầu tư) đối với các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (Chi tiết theo mẫu Phụ lục 04 đính kèm).

UBND thị xã Ninh Hòa kính gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT) *AV*

- Như trên;
- VPĐP Nông thôn mới tỉnh;
- Q. Chủ tịch UBND thị xã;
- Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Các Phòng: Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thông tin;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

mele

Lê Minh Tâm

Phụ lục 02:

DANH MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỔ SUNG SƠ VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
 (Đính kèm Công văn số 254/UBND ngày 19/10/2024 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
	III. XÃ NINH TÂY			1.718	4.009	21.977				
a	Trường học		5.727	1.718	4.009					
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tây (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống PCCC)	2024	3.387	1.016	2.371		Xây dựng mới		- Công trình phụ trợ: tường rào, hồ thu gom rác thải tại 04 điểm trường - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC tại điểm trường chính.	
2	Xây dựng Trường THPTCS Ninh Tây (Hạng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	2024	2.340	702	1.638		Xây dựng mới		- Nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	IV. XÃ NINH THƯỜNG			3.067	6.215	12.295				
a	Trường học		7.521	2.256	5.265					
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thường (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	6.428	1.928	4.500		Xây dựng mới		- Khởi phòng học: 03 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường THPTCS Ngô Thi Nhậm (Hạng mục: lương rào)	2024	1.093	328	765		Xây dựng mới		- Xây dựng tường rào.	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		1.900		950					
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Hiệp	2024	1.200	600	600		Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích khoảng 140 m2	
4	Khu thể thao thôn 1	2024	700	350	350		Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Sàn lắp mặt bằng, xây dựng tường rào	
d	Hạ tầng thông tin và truyền thông		1.150	805	345					
5	Đài truyền thanh xã Ninh Thường	2024	1.150	805	345		Đầu tư mới		Khoảng 40 cụm loa	
	VIII. XÃ NINH PHÚ			2.227	5.483	300				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	300	300					
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Nam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	50	50		Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 2 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	50	50		Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Diên (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		50	50	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 1 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		50	50	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
5	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 2 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		50	50	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Lệ Cam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		50	50	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
b	Trường học		7.405	2.221	5.183					
7	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Phú (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	3.845	1.153	2.691		Đầu tư mới		- Khối phòng học: 01 phòng học. - Công trình phụ trợ: tường rào - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
8	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Phú (Hạng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	2.060	618	1.442		Đầu tư mới		- Nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
9	Xây dựng Trường THCS Trương Định (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC)	2024	1.500	450	1.050		Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
IV, Xã Ninh Sơn			19.467	7.739	11.080	649				
a	Quy hoạch		700		700					
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	700		700					
b	Giao thông		6.916	4.183	2.084	649				
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>									
2	Đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến trường mầm non Ninh Sơn	2024	1.190	833	357		Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 380 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M2,50 rộng 5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 1m	
3	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn đoạn nhà ông Lân đến nhà ông Thành	2024	1.200	840	360		Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 420 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M2,50 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
4	Đường BTXM thôn 5, xã Ninh Sơn đoạn nhà bà Hương đến nhà ông Thọ	2024	1.190	833	357		Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 410 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M2,50 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
5	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến cầu măng Kênh Tây.	2024	900	630	270		Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 309 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m.	
6	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến nhà ông Phùng Tiếp.	2024	306	214	92		Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 105 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
	<i>Đường xóm, ngõ xóm</i>									
7	Đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Phạm Thái Phúc đến nhà ông Phạm Mỹ	2024	460		230	230	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 190 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
8	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Giang đến nhà ông Tuấn	2024	480		240	240	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 184 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
	<i>Đường trục chính nội đồng</i>									
9	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ TL7 đến đất ông Khoa.	2024	680	476	102	102	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 390 m. - Mặt đường rộng 3m đá đầm nước đầy 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
10	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Lương đến đất ông Phi.	2024	510	357	77	77	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 340 m. - Mặt đường rộng 3m đá đầm nước đầy 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
c	<i>Trường học</i>		11.851	3.555	8.296					
12	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	2024	2.829	849	1.980		Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
13	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	2024	4.967	1.490	3.477		Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
14	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	2024	4.055	1.217	2.839		Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ.	
V	Xã Ninh Sơn		28.125	8.854	18.315	957				
a	<i>Quy hoạch</i>		600		600					
1	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2024	600		600					

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
b	<i>Ciao thông</i> <i>Đường trục thôn, liên thôn</i>		2.400	840	960	600				
2	Đường trục thôn Nhĩ Sĩ, đoạn từ cầu bà Tôm đến nhà ông Tý và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360		Xây dựng mới	Bố sung khi điều chỉnh QH xây dựng xã	BTXM, dài khoảng 670m, mặt đường 3m, nền 4m	Góp 02 tuyến "Đường trục thôn Nhĩ Sĩ (NB2 đến nhà ông Yên)" và "Đường trục thôn Nhĩ Sĩ (NB2 đến nhà ông Tôm)" đã được phê duyệt tại NQ62 thành một công trình mới
	<i>Đường xóm, ngõ xóm</i>									
3	Đường trục xóm Nhĩ Sĩ (Nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sĩ)	2024	1.200		600	600	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	BTXM, dài khoảng 550m, mặt đường 3m, nền 4m	Góp 02 tuyến "Đường trục xóm Nhĩ Sĩ (Đình Nhĩ Sĩ đến giếng làng)" và "Đường trục xóm Nhĩ Sĩ (nhà ông Trúc đến giếng làng)" đã được phê duyệt tại NQ62 thành một công trình mới
c	<i>Trường học</i>		23.935	7.181	16.755					
4	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thân	2024	8.342	2.503	5.839		Xây dựng mới			
5	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thân	2024	7.203	2.161	5.042		Xây dựng mới			
6	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	2024	8.391	2.517	5.873		Xây dựng mới			
d	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		1.190	833		357				
7	Đầu tư chuyển đổi hệ thống đài truyền thanh	2024	1.090	763		327	Xây dựng mới			Thiết bị truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm, micro thu âm chuyên nghiệp có ứng dụng công nghệ thông tin, loa nén phân xạ chuyên dùng cho truyền thanh không dây...

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
8	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng	2024	100	70	30	Xây dựng mới		Lắp các thiết bị phát wifi tại 06 nhà văn hóa thôn		
VI Xã Ninh Tân			36.812	12.064	1.710					
a Quy hoạch			1.000	1.000						
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tỷ lệ 1/500)	2024	1.000							
b Giao thông			3.900	2.450	875					
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>									
2	Đường từ ngã ba Trại Yên đến dải Ông Công	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM dài khoảng 529m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m		
	<i>Đường xóm, ngõ xóm</i>									
3	Đường nối tuyến M và L	2024	400		200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	L khoảng 200m, mặt BTXM 3,5m nền 5m, lề mỗi bên 0,75m		
	<i>Đường trục chính nội đồng</i>									
4	Đường từ đất Ông Sậy đến Tuyến 1400	2024	2.500	1.750	375	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, dài khoảng 1.365m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Cấp 03 tuyến "Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tung đến Ông Phạm Ngọc Tung đến tuyến 1400"; "Đường từ Bu Cản đến đất Ông Phạm Ngọc Tung" và "Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Nuôi" đã được phê duyệt tại NQ02, NQ27 thành một công trình mới	
c Trường học			27.912	8.374	19.539					
5	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	7.893	2.368	5.525	Xây dựng mới		- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.		
6	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	2024	20.020	6.006	14.014	Xây dựng mới		- Xây dựng 14 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.		
d Cơ sở vật chất văn hóa			1.300	150	645					

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
7	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa)	2024	500	150	245	105	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Sửa chữa: hệ thống dụng cụ ngoài trời, sân cầu lông; sơn sửa: sân khấu và nâng nền trung tâm văn hóa.	
8	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Nam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	400		200	200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, sửa chữa Nhà văn hóa thôn Nam.	
9	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Bắc (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	200		100	100	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
10	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Suối Sầu (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	200		100	100	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
c	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		2.000	600	980	420				
11	Chợ xã Ninh Tân	2024	2.000	600	980	420	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Củng cố nền chợ, xây dựng các công trình phụ trợ và 5 ki-ốt	
B	Hạ tầng thông tin và truyền thông		700	490		210				
12	Đài truyền thanh xã Ninh Tân	2024	700	490		210	Đầu tư mới		Lắp đặt mới khoảng 15 cụm loa và nhà bao che đài truyền thanh	
VII	Xã Ninh Quang		24.195	8.991	13.046	2.158				
a	Giáo dục		4.000	2.800	600	600				
	Dưỡng trực chính nội đồng									
1	Đoạn BTXM từ đồng Mĩ Vôi cầu Từ đến giáp đường bê tông	2024	4.000	2.800	600	600	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 1.503,37m; nền đường rộng 6m; mặt đường 3,0m, lề đường 1,5m mỗi bên	
b	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.150	805	173	173				
2	Tuyến nương BTXM từ nhà ông Nhé đến sông Đâu Núi, thôn Thanh Mỹ	2024	1.150	805	173	173	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 425,61m, rộng 0,9m	
c	Trường học		13.955	4.186	9.768					
3	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Quang	2024	1.986	596	1.390		Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
4	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	2024	8.587	2.576	6.011		Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
5	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	2024	3.382	1.015	2.368		Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
d	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		5.090	1.200	2.503	1.385				
6	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân bóng đá mini)	2024	1.000	300	490	210	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích: S = 1.925m ² ; Hệ thống điện chiếu sáng sân bóng và các công trình phụ trợ	
7	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân cầu lông, có mái che; Sân bóng chuyền; Nhà điều hành, nhà vệ sinh)	2024	3.000	900	1.470	630	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Sân cầu lông có mái che; Diện tích 320m ² ; - Sân bóng chuyền; Diện tích 286m ² ; - Nhà điều hành và nhà vệ sinh; Tổng diện tích 141,01m ² ; Đô trí 2 khu vệ sinh cho nam và nữ - Các công trình phụ trợ	
8	Nhà Văn hóa - Khu thể thao các thôn (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2024	1.090		545	545	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao tại Nhà Văn hóa - Khu thể thao 07 thôn	
VIII Xã Ninh Đông			15.918	5.636	9.688	593				
<i>Quy hoạch</i>			1.050		1.050					
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.050		1.050					
b	<i>Giao thông</i>		1.180	826	354					
<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>										
2	Đường nhà bà Hàng Thị Hồng đến công mương rừ Phú Nghĩa	2024	1.180	826	354		Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Mặt BTXM 3,5 m, dài khoảng 700m	
c	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>		1.160	812	174	174				
3	Kiến cơ hóa kênh Gán Thượng	2024	1.160	812	174	174	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Mương BTXM, KT 1m x 1m, thành 15cm, dài khoảng 470m	
d	<i>Trường học</i>		10.788	3.236	7.551					
4	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hạng mục: phòng học, phòng bộ môn)	2025	3.226	968	2.258		Xây dựng mới		- Xây dựng 02 phòng học - Xây dựng 02 phòng bộ môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học - Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh.	
5	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hạng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	2025	2.660	798	1.862		Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khon học Tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
6	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.902	1.471	3.431		Xây dựng mới			
<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>			1.140	342	559	239				
7	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu ngoài trời)	2024	1.140	342	559	239	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích 100 m ² , có sân khấu chính và nhà vệ sinh	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
6	Hạ tầng thông tin và truyền thông		600	420	180					
8	Đại truyến thành xã Ninh Đông	2024	600	420	180			Máy chủ và khoảng 22 cụm loa		
IX	Xã Ninh Lộc		14.150	4.740	2.364					
a	Quy hoạch		1.000	1.000						
I	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.000	1.000						
	Giáo đường		3.888	1.412	1.154					
	Đường trục thôn, liên thôn									
2	Tuyến đường thôn, liên thôn Đoàn từ nhà ông Trịnh Duy Phong đến nhà bà Huỳnh Thị Phụng	2024	860	602	258			Đổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 429m	
	Đường xóm, ngõ xóm									
3	Đoàn từ đất ông Hồ Công Anh đến ruộng ông Trịnh Văn Cúc	2025	735	368	368			Đổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 339m	
4	Đoàn từ nhà bà Nguyễn Thị Thu Thảo đến nhà bà Lê Thị Hiền + đoàn nhà Trần Quốc Dũng đến nhà ông Phan Long	2025	475	238	238			Đổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 237m	
5	Đoàn từ nhà ông Nguyễn Thành Phương đến nhà ông Nguyễn Văn Khoa	2025	790	395	395			Đổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 252m	
	Đường trục chính nội đồng									
6	Đường nội đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường TTHC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chái (Đường quy hoạch giao thông mới)	2025	1.028	720	154			Đổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 514m	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.900	1.330	285					
7	Kiến cổ hóa kênh mương Cầu Quê Thôn Tân-Vạn Khê	2025	1.200	840	180			QH Nông thôn mới	Kiến cổ hóa mương BTXM dài khoảng 900m	
8	Kênh mương Ông Thành thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba (từ Mương Bà Cộ	2025	700	490	105			QH Nông thôn mới	Kiến cổ hóa mương BTXM dài khoảng 350m	
d	Trị trường học		5.212	1.564	3.648					
9	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803					
10	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hạng mục: phòng thiết bị)	2025	470	141	329					

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
11	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hàng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.166	650	1.516	700	Xây dựng mới	- Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghỉ giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.		
e	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		1.400		700					
12	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Ninh Đức (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi)	2025	200		100	100	Xây dựng mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi		
13	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Thủy (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi)	2025	200		100	100	Xây dựng mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi		
14	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Vạn Khê (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi)	2025	200		100	100	Xây dựng mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi		
15	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Khê (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi)	2025	200		100	100	Xây dựng mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi		
16	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tam Ích (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi)	2025	200		100	100	Xây dựng mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi		
17	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Mỹ Lợi (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi)	2025	200		100	100	Xây dựng mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi		
18	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Phong Thạnh (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi)	2025	200		100	100	Xây dựng mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao + Wifi		
g	<i>Hệ tăng cường tin và truyền thông</i>		750	525		225				
19	Đài truyền thanh xã Ninh Lộc	2024	750	525		225	Đầu tư mới	Lắp đặt mới khoảng 2.5 cụm loa và nhà bao che đài truyền thanh		
X	Xã Ninh Thọ		34.496	14.461	15.132	4.903				
a	<i>Quy hoạch</i>		680							
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2023	259		259		Điều chỉnh	Nông thôn mới	2.865 ha	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn	2023	421		421		Xây dựng mới	Nông thôn mới	50ha	
	<i>Giao thông</i>		6.722	3.945	1.926	851				
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>									
3	Đường Bình Sơn 4 (Bổ), đoạn từ linh lộ 7 đến Bình Sơn 2	2025	484	339	145		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 255m; nền 3m; mặt 2,5m	
4	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông rơi đến xóm Bà Dưng	2025	1.500	1.050	450		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 672m; nền 3,5m; mặt 3 m	

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
5	Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến công địa ông Chung	2025	1.600	1.120	480		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 852m; nền 3,5m; mặt 3,5m	
	Đường xóm, liên xóm									
6	Đường xóm ông An, đoạn đường BTXM nhà ông Vũ đến giáp đường đất	2025	260		130		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 161m; nền 3m; mặt 2,5m	
7	Đường xóm Đồn, đoạn từ nhà ông Thời đến đồng ruộng	2025	290		145		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 100m; nền 3m; mặt 2,5m	
8	Đường xóm nhà ông Thúc, đoạn từ BTXM nhà ông Khánh đến đồng ruộng	2025	536		268		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 233m; nền 3,5m; mặt 2,5m	
	Đường trục chính nội đồng									
9	Đường Lạc An đi Ninh Điền, đoạn từ Công đến khi mùi dúi	2025	1.000	700	150		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 246m; nền 4,5m; mặt 3,5m	
10	Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong	2025	1.052	736	158		Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 440m; nền 3,5m; mặt 2,5m	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		7.236	5.065	1.085					
11	Mương đồng Vui	2025	1.152	806	173		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 540m; 0,5m x 0,6m	
12	Nhánh N3-5 Mũi Dúi	2025	1.240	868	186		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
13	Nhánh N3-Ô Khánh	2025	1.240	868	186		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
14	Mương N3-7A	2025	1.252	876	188		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 550m; 0,6m x 0,6m	
15	Mương Đồng Trùng	2025	1.252	876	188		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
16	Mương Bảy Bình	2025	1.100	770	165		Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,7m	
d	Trường học		10.482	3.145	7.338					
16	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.375	773	1.803		Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
17	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442		Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
18	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Hạng mục: khôi phục chỉnh quan tri, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.847	1.754	4.093		Xây dựng mới		- Xây dựng khôi phục chỉnh quan tri. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
e	Cơ sở vật chất văn hóa		8.310	1.560	4.103	2.647				

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
19	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ	2025	5.200	1.560	2.548	1.092	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Công tường rào dài khoảng 490m, tường xây gạch lắp khung sắt và kéo lưới D40; Sân khấu lỏ thiển khoảng 150m ² nền sân lát gạch và xây dựng 2 phòng thay đồ nam nữ; Nhà vệ sinh khoảng 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch; Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích khoảng 1175m ² , nền lát cỏ, khung lưới bao che toàn bộ; Nhà đa năng khoảng 350m ² kết cấu tường xây gạch, kết cấu chính BTCT, mái lợp tôn, nền lát gạch, sân bóng chuyển khoảng 81,74m ² nền đá bê tông; Lắp đặt hệ thống điện, dụng cụ thể dục thể thao; Sửa chữa sơn sửa hạng mục Nhà văn hóa thiếu nhi hiện có.	
20	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc An (Hàng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	1.150		575	575	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao; Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
21	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Chánh Thành (Hàng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	500		250	250	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao; Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
22	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Ninh Điền (Hàng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2025	300		150	150	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao; Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
23	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc Ninh (Hàng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	300		150	150	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao; Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
24	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Bình Sơn (Hàng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	400		200	200	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao; Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
25	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Xuân Phong (Hàng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	460		230	230	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao; Nhà vệ sinh 10,85m ² kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
Hạ tầng thông tin và truyền thông			1.066	746	-	320				

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
26	Đầu tư Hệ thống đài truyền thanh thông minh	2025	1.066	746		320	Xây dựng mới	Khoảng 24 cụm loa		
XI Xã Ninh An			26.802	9.854	12.086	4.862				
a Quy hoạch			1.150		1.150					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2024	1.150		1.150					
b Giao thông			15.534	6.359	5.436	3.740				
Đường trục thôn, liên thôn										
2	Đường từ nhà ông Giáp đến nhà ông Minh	2024	1.200	840	360		Xây dựng mới	Dài khoảng 650m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m		
3	Đường từ nhà ông Bình đến kénh N4	2024	1.214	850	364		Xây dựng mới	Dài khoảng 635m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m		
4	Đường từ nhà ông Tường đến bến đò	2024	1.250	875	375		Xây dựng mới	Dài khoảng 680m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m		
5	Đường từ nhà ông Hạnh đến giáp thôn 3, xã Ninh Sơn	2024	840	588	252		Xây dựng mới	Dài khoảng 350m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m		
6	Đường từ nhà ông Thành đến trường tiểu học thôn Lạc Hoà	2024	1.150	805	345		Xây dựng mới	Dài khoảng 650m; mặt đường 4m; mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên		
Đường xóm, ngõ xóm										
7	Đường từ nhà ông Thanh đến Gò Muôn	2024	1.100		550		Xây dựng mới	Dài khoảng 630m; Nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m		
8	Đường từ nhà ông Trưng đi Hòn Chồn	2024	1.200		600		Xây dựng mới	Dài khoảng 550m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m		
9	Đường từ nhà ông Lực đến trường tiểu học thôn Sơn Lộc	2024	1.050		525		Xây dựng mới	Dài khoảng 580m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên		
10	Đường từ nhà bà Lê đến nhà ông Đức	2024	1.100		550		Xây dựng mới	Dài khoảng 594m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên		
11	Đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Chính	2024	1.000		500		Xây dựng mới	Dài khoảng 560m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên		
12	Đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Phương	2024	1.000		500		Xây dựng mới	Dài khoảng 550m; mặt đường 4m; mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên		
Đường trục chính nội đồng										
13	Đường từ Hộc Điện đến cây Cù	2024	730	511	110		Xây dựng mới	Dài khoảng 380m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m		
14	Đường từ nhà 7 xị đến giáp Hoà Thiện 1	2024	900	630	135		Xây dựng mới	Dài khoảng 350m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m		
15	Đường từ kénh N4 đến đồng Bui Tiến Đức	2024	700	490	105		Xây dựng mới	Dài khoảng 370m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m		
16	Đường BTXM từ mương N4 đến nhà ông Bi	2024	1.100	770	165		Xây dựng mới	Dài khoảng 550m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5m; lề 0,5m mỗi bên		

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	Trung đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
d	<i>Trường học</i>		5.268	1.580	3.688					
17	Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.268	680	1.588		Xây dựng mới	- Xây dựng công trình phụ trợ 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.		
18	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050		Xây dựng mới	- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.		
19	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050		Xây dựng mới	- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.		
c	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		3.700	1.110	1.813	777				
20	Trung tâm văn hoá thể thao xã	2024	3.700	1.110	1.813	777	Xây dựng mới	Nhà đa năng sân thể thao, sân thể thao mi ni, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh, hệ thống điện, hệ thống nước, sân Bê tông, bồn hoa, sân khấu		
d	<i>Hệ tầng thông tin và truyền thông</i>		1.150	805	-	345				
21	Đài truyền hình xã Ninh An	2024	1.150	805	-	345	Đầu tư mới	Khoảng 40 cụm loa		
XII	Xã Ninh Văn		16.676	5.923	9.514	1.239				
a	<i>Giao thông</i>		2.300	1.610	690	-				
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>									
1	Đường BTXM đoạn từ đường số 11 đến đường số 1	2024	1.200	840	360		Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 350m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Lê Phú Văn đến đường số 1	2024	1.100	770	330		Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 290m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
b	<i>Trường học</i>		8.476	2.543	5.933					
3	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Văn	2024	1.379	414	965		Xây dựng mới	- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Xây dựng phòng học tại điểm chính và điểm phụ. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.		
4	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Văn	2024	7.097	2.129	4.968		Xây dựng mới			
c	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		5.900	1.770	2.891	1.239				
5	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Ninh Văn (Hạng mục: Khán đài điện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), công phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	900	270	441	189	Nâng cấp	Nâng thôn mới	Khán đài điện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), sân chơi công phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chức vụ
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
6	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Hội trường nhà văn hóa đa năng)	2024	5.000	1.500	2.450	1.050	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Xây mới Hội trường văn hoá đa năng, diện tích 1.500m ² và 200 chỗ ngồi trở lên. Có bàn ghế, giá, tủ, ánh sáng, âm thanh khánh tiết, khu vệ sinh, nhà để xe	
XIII	Xã Ninh Trung		10.575	3.173	7.403					
a	Trường học		10.575	3.173	7.403					
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.815	1.445	3.371		Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lợp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.280	984	2.296		Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà xe giáo viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)	2025	2.480	744	1.736		Đầu tư mới		- Xây dựng 01 nhà kho. - Sửa chữa nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
XIV	Xã Ninh Ích		17.716	5.675	11.771	270				
a	Trường học		16.816	5.045	11.771					
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.814	1.744	4.070		Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, công trường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đảng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	7.341	2.202	5.139		Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Đảng - Đoàn thể. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: công trường rào, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà xe giáo viên, 01 nhà xe học sinh, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	2025	3.661	1.098	2.563		Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 phòng bảo vệ. - Sửa chữa khối 14 phòng học đã xuống cấp.	
b	Ước tăng thông tin và truyền thông		900	630	270					

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
4	Đài truyền hình xã Ninh Ích	2024	900	630	270	Đầu tư mới		Máy chủ và khoảng 24 cụm loa		
XV	Xã Ninh Xuân		18.484	8.715	9.319					
a	<i>Giao thông</i>		8.600	6.020	2.580					
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>									
1	Đường GTNT xã Ninh Xuân từ nhà Bà Tuấn thôn Ngũ Mỹ đến đoạn đường bê tông thủy lợi thôn Tân Mỹ	2024	4.600	3.220	1.380	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 2.300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm		
2	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Cao Thiên Lộc đến nhà ông Nguyễn Ngọc Minh thôn Tân Mỹ	2024	1.700	1.190	510	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 850m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm		
3	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn QL 26 đến nhà bà Lâm Thị Phúc thôn Tân Mỹ	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 350m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm		
4	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn Tỉnh lộ 6 đến nhà ông Nguyễn Phó thôn Tân Mỹ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm		
5	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Phạm Hữu Thước đến nhà bà Nguyễn Kim Phúc, Tồn Thị Cảnh thôn Tân Mỹ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm		
b	<i>Trường học</i>		8.984	2.095	6.289					
6	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Đầu tư mới			- Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
7	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thông, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.336	1.001	2.335	Đầu tư mới			- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền thông. - Xây dựng các công trình phụ trợ: tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
8	Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Đầu tư mới			- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
9	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hạng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.088	626	1.462	Đầu tư mới			- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
c	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>		900	450	450					
10	Nhà văn hóa thôn Ngũ Mỹ	2025	900	450	450	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Nhà văn hoá và các công trình phụ trợ		
XVI	Xã Ninh Sim		9.052	3.019	5.805					
a	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>		759	531	228					

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác				
1	Đài truyền thanh xã Ninh Sim	2024	759	531		228	Đầu tư mới	Máy chủ và 24 cụm loa		
6	Trường học		8.293	2.488	5.805					
2	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sim (Hàng mục: phòng học)	2025	4.301	1.290	3.011		Đầu tư mới	- Xây dựng 04 phòng học.		
3	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sim (Hàng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)	2025	1.372	412	960		Đầu tư mới	- Xây dựng 01 phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị.		
4	Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hàng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.620	786	1.834		Đầu tư mới	- Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.		

Phụ lục 03:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHIÒI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/INQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/INQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
 (Đính kèm Công văn số 254/UBND ngày 19/10/2024 của UBND thị xã Ninh Hòa)

STT	Tên công trình	Nghị quyết số 62 (đánh "x" nếu được ban hành tại NQ 62)	Nghị quyết số 27 (đánh "x" nếu được ban hành tại NQ 27)	Năm thực hiện	TMĐT	Trong đó		Quy mô đầu tư	Ghi chú
						NS cấp tỉnh	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác		
TỔNG CỘNG:									
1	Xã Ninh Sơn				32.935	11.813	10.660	10.462	
2	Xã Ninh Sơn				1.190	6.217	2.802	2.921	
a	Giao thông								
	<i>Đường trục thôn, liên thôn</i>								
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hải đến nhà ông Kíp	x		2024	1.200	840	360	0	- Chiều dài: 440 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m
2	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà ông Hoa đến Kênh Đông	x		2024	1.190	833	357	0	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m
	<i>Đường trục chính nội làng</i>								
3	Đường nội làng thôn 2, đoạn từ đất ông Giang đến đất bà Mười	x		2024	1.190	833	179	179	- Chiều dài: 680 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.
	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>								
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 5, đoạn từ đất ông Diệp đến ruộng ông Hòa	x		2024	1.240	868	186	186	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm
5	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ Kênh Đông đến đất ông Toàn	x		2024	1.180	826	177	177	- Chiều dài: 510 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm
6	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất ông Thái đến Lò 6	x		2024	1.210	847	182	182	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm
7	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Đỗ đến đất ông Tuấn	x		2024	1.190	833	179	179	- Chiều dài: 360 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm
	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>								
8	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 5	x		2024	1.200	0	600	600	Nhà 01 tầng diện tích xây dựng 9,7x19,3=187,21 m ² , chiều cao công trình 5,9m, mái lợp ngói 22x22m ² . Kế cấu móng trụ BTCT kết hợp xây đá chế VXM M50. Giằng móng, giằng, dầm bằng BTCT đá 1x2cm M200. Tường bao che xây gạch Block bê tông dày 200 mm, trát VXM bê mátt, sơn nước. Mái lợp ngói, khung thép hộp mạ kẽm, trần tole sóng nhỏ. Nền lát gạch men 300x300 mm, có ốp gạch chân tường 120x500 mm. Cửa đi, cửa sổ nhôm kính, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ. Bậc cấp xây gạch thể VXM M75 và trát đá mài màu vàng kem. Xây dựng kết hợp khu vệ sinh trong nhà, tương ứng nhà ốp gạch men. Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước cho toàn công trình
c	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn								
9	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà ban quản lý và Kiot chợ)	x		2024	1.190	357	583	250	Xây dựng nhà ban quản lý và các khu Kiot chợ Hòa Mỹ
d	Môi trường								

STT	Tên công trình	Nghị quyết số 63 (đánh "x" nếu được ban hành tại NQ 62)	Nghị quyết số 27 (đánh "x" nếu được ban hành tại NQ 27)	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Quy mô đầu tư	Chi chú
						NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác		
10	Cải tạo, xử lý bãi rác	x		2024	1.200	0	0	1.200	Cải tạo xử lý bãi rác	
II	Xã Ninh Thân				1.600	2.534	1.976	2.090		
a	Đường trục thôn, liên thôn									
1	Đường trục thôn Nhị Sư (WB2 đến nhà ông Yên)	x		2024	2.900	2.030	870	0	Đài 1450m, mặt đường 3,5m, nền 5m	Góp thành công trình mới bổ sung có tên "Đường trục thôn Nhị Sư, đầu tư cải tạo từ tiền nhà ông Tý và nhai nh" "
2	Đường trục thôn Nhị Sư (WB2 đến nhà ông Tôn)	x		2024	720	504	216	0	Đài 360m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
	Đường xóm, liên xóm									
3	Đường trục xóm Nhị Sư (Đình Nhị Sư đến giếng làng)	x		2024	680	0	340	340	Đài 340m, mặt đường 3m, nền 3,5m	Góp thành công trình mới bổ sung có tên "Đường trục xóm Nhị Sư (Nhà ông Trúc đến đình Nhị Sư)"
4	Đường trục xóm Nhị Sư (nhà ông Trúc đến giếng làng)	x		2024	700	0	350	350	Đài 350m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
5	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thịnh)	x		2024	400	0	200	200	Đài 200m, mặt đường 3m, nền đường 3m	
b	Môi trường									
6	Công trình bãi rác mới	x		2024	1.200	0	0	1.200	Đào hồ chôn lấp khối lượng rác cũ đã xử lý. Đào hồ rác mới và xử lý rác	
III	Xã Ninh Tân				10.200	470	4.980	4.800		
a	Đường trục thôn, liên thôn									
1	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nhom	x		2024	600	420	180	0	Đài 250m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lẻ mỗi bên 0,75m	
	Đường xóm, liên xóm									
2	Trần từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bộ Đội	x	x	2024	1.000	0	500	500	Đài 500m BTXM, mặt đường 3,5m, nền 5m, lẻ mỗi bên 0,75m	
3	Đường BTXM từ đất bà Suong đến đất nhà Ông Lừa	x		2024	500	0	250	250	Đài 150m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lẻ mỗi bên 0,75m	
	Đường trục chính nội đồng									
4	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Quang đến đất Ông Hiền	x	x	2024	1.000	0	500	500	L khoảng 400m, mặt BTXM 3,5m dày 18cm	
5	Đường từ tỉnh lộ 5 đến đất ông Hùng	x		2024	1.000	0	500	500	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
6	Đường từ đất Ông Khang đến ngã ba Hòn Đá	x		2024	1.000	0	500	500	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
7	Đường từ ngã 3 hòn đá đến tỉnh lộ 8	x		2024	1.000	0	500	500	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
8	Đường từ đất ông Quảng đến trại Năm	x		2024	1.000	0	500	500	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
9	Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Nuôi	x		2024	1.000	0	500	500	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
10	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tung đến tuyến 1400	x		2024	1.000	0	500	500	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Góp thành công trình mới bổ sung "Đường từ đất Ông, Suý đến Thuận 1400"

STT	Tên công trình	Nghị quyết số 62 (đánh "x" nếu được ban hành tại MQ 62)	Nghị quyết số 27 (đánh "x" nếu được ban hành tại MQ 27)	Năm thực hiện	TMDT	Trong đó			Quy mô đầu tư	Ghi chú
						NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác		
11	Đường từ Ba Cầu đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	x		2024	1.100	0	550	550	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
IV. Xã Ninh Vân										
a. Giao thông										
Đường trục thôn, liên thôn										
1	Đường số 6 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối Ông Cẩn	x		2024	210	147	63	0	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
2	Đường số 16 đoạn từ Mương thoát lũ đến Đường số 5 nối dài	x		2024	90	63	27	0	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 60 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
3	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 nối dài đến Đường số 6 nối dài	x		2024	150	105	45	0	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
4	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 nối dài đến Đường số 1	x		2024	195	137	59	0	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	
Xã Ninh Quang										
Thủy lợi và phòng chống thiên tai										
1	Kênh mương BTXM NI2B nhánh 2	x		2024	1.000	700	150	150	150 BTXM, chiều dài L = 500m, rộng 0,6m	Đã góp với công trình Kênh mương BTXM NI2B nhánh 1
2	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 2	x		2024	500	350	75	75	75 BTXM, chiều dài L = 300m, rộng 0,4m	Đã góp với công trình Kênh mương đồng Bà Nghiễn nhánh 1
Xã Ninh Phú										
Hợp tác xã										
Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú										
1	Xây dựng xưởng sơ chế, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	x	x	2024	2.000	1.120	484	396		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 640 /UBND-KT

Nha Trang, ngày 23 tháng 01 năm 2024

V/v rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư
Chương trình MTQG xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa

UBND thành phố Nha Trang nhận được Công văn số 6195/SNN-VPĐP ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa về việc rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Về nội dung này, UBND thành phố Nha Trang báo cáo như sau:

Theo chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh

Tổng kế hoạch	: 92.009 triệu đồng, trong đó:
- Ngân sách thành phố	: 85.221 triệu đồng
- Ngân sách xã	: 6.788 triệu đồng.

Thành phố Nha Trang giữ nguyên, không điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh. Ngân sách thành phố đảm bảo cân đối thực hiện, hoàn thành các tiêu chí cho mục tiêu Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

UBND thành phố Nha Trang báo để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Phòng Kinh tế (VBĐT)
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Thành Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 714 /UBND

Diên Khánh, ngày 02 tháng 02 năm 2024

V/v tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

UBND huyện Diên Khánh nhận được công văn số 607/SNN-VPĐP ngày 01/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hòa về việc tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025,

UBND huyện Diên Khánh báo cáo một số nội dung như sau:

1. Về kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Diên Khánh đến năm 2025:

UBND huyện đã có báo cáo số 636/UBND ngày 31/01/2024 về góp ý Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2025.

(Đính kèm Công văn số 636/UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện)

2. Về điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025:

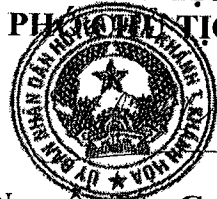
Theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/08/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, trong năm 2024 có 2 xã Diên Hòa và xã Diên Thọ được hỗ trợ danh mục đầu tư để hoàn thành đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Hiện nay cả 02 xã Diên Hòa và xã Diên Thọ đã được UBND tỉnh cấp vốn theo Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, trong đó xã Diên Thọ được phân bổ nguồn vốn cấp tỉnh ít hơn 01 công trình so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/08/2022 của HĐND tỉnh (giảm công trình KCH kênh Suối Lũy thôn Phước Lương). Tuy nhiên, danh mục công trình giảm cũng đã được đoàn công tác của tỉnh do Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì kiểm tra thống nhất trong buổi làm việc ngày 08/11/2023. Vì vậy, UBND huyện Diên Khánh thống nhất với quyết định đã phân bổ và không đề xuất điều chỉnh bổ sung thêm danh mục đầu tư.

UBND huyện Diên Khánh kính báo đề Sở Nông nghiệp và PTNT tổng
hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHƯỜNG TỊCH**



Nguyễn Tân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 551 /UBND-NN

Cam Lâm, ngày 02 tháng 02 năm 2024

V/v đề xuất đầu tư công trình thực hiện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT.

UBND huyện nhận được Công văn số 6195/SNN-VPĐP ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND huyện quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Cam Lâm giai đoạn 2021 – 2025;

UBND huyện Cam Lâm đã có Công văn số 4908/UBND-NN ngày 29/12/2023 về việc góp ý Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025. Trong đó UBND huyện đề xuất lộ trình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện như sau:

Năm 2024:

- + Xã đạt chuẩn nông thôn mới: Xã Sơn Tân;
- + Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Cam Tân; Cam Hải Đông;

Năm 2025:

- + Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Cam Hòa; Cam Hiệp Nam; Suối Cát;
- + Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Cam Hải Tây; Cam Thành Bắc;
- + Huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Trên cơ sở lộ trình các xã đăng ký đạt chuẩn đến năm 2025, UBND huyện đã tiến hành rà soát, tổng hợp danh mục cần đầu tư đến năm 2025 để huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tổng kinh phí đề xuất đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 và 2025 như sau:

1. Tổng vốn đầu tư Chương trình NTM năm 2024 và 2025: **80.650 triệu đồng** (trong đó vốn của tỉnh: 32.691 triệu đồng, vốn của huyện: 40.459 triệu đồng, vốn của xã: 7.500 triệu đồng) (*phụ lục 1*)

+ Năm 2024: tổng vốn **57.130 triệu đồng** (trong đó vốn của tỉnh: 24.847 triệu đồng, vốn của huyện: 29.533 triệu đồng, vốn của xã: 2.750 triệu đồng) (*phụ lục 2*)

+ Năm 2025: tổng vốn **23.520 triệu đồng** (trong đó vốn của tỉnh: 7.844 triệu đồng, vốn của huyện: 10.926 triệu đồng, vốn của xã: 4.750 triệu đồng) (*phụ lục 3*)

2. Nhu cầu nguồn vốn khác của tỉnh và huyện góp phần nâng cao tiêu chí, chỉ tiêu của các địa phương không đưa vào Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND huyện Cam Lâm

Tổng vốn đầu tư năm 2024 và 2025: **24.240 triệu đồng** (trong đó vốn của tỉnh: 10.549 triệu đồng, vốn của huyện: 13.691 triệu đồng) (*phụ lục 4*)

+ Năm 2024: tổng vốn **16.670 triệu đồng** (trong đó vốn của tỉnh: 10.185 triệu đồng, vốn của huyện: 6.485 triệu đồng) (*phụ lục 5*)

+ Năm 2025: tổng vốn **7.570 triệu đồng** (trong đó vốn của tỉnh: 364 triệu đồng, vốn của huyện: 7.206 triệu đồng) (*phụ lục 6*)

3. Kiến nghị, đề xuất

- Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của tỉnh và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Cam Lâm v/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cam Lâm, nguồn vốn phân cấp thực hiện đầu tư năm 2024, 2025 của huyện, xã đã xác định cụ thể cho từng chương trình và danh mục dự án đầu tư theo ngành, lĩnh vực.

Theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Cam Lâm, nguồn đối ứng nông thôn mới năm 2024 huyện đã bố trí là 5.451 triệu đồng, năm 2025 bố trí 10.000 triệu đồng, đối ứng đủ theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh.

Trong khi đề xuất đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 và năm 2025 của huyện và các xã cao hơn số đã cân đối theo các nghị quyết đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, huyện và các xã.

Nguồn vốn đầu tư năm 2024 của huyện và các xã chủ yếu là nguồn vốn tập trung phân cấp và đến nay đã bố trí hết cho các dự án khác theo kế hoạch đã được HĐND các cấp phê duyệt. Việc bù số vốn vượt số đã cân đối cấp huyện, xã trong năm 2024 không thực hiện được do năm 2023 nguồn tăng thu tiết kiệm chi đầu tư không có do không thu được tiền sử dụng đất theo kế hoạch, nguồn tăng thu ngân sách không có.

Vì vậy UBND huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT được biết, **kiến nghị UBND tỉnh và đề xuất UBND tỉnh xem xét, tăng mức vốn hỗ trợ đầu tư Chương**

trình MTQG xây dựng nông thôn mới 2024 và 2025 trên địa bàn huyện Cam Lâm so với Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh, hoặc xem xét, cho phép huyện bổ sung vào kế hoạch đầu tư công 2021-2025 của tỉnh các dự án giáo dục, giao thông năm 2024, 2025 đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực, không theo định mức vốn Chương trình nông thôn mới theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh.

- Hiện tại UBND huyện Cam Lâm đang triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm và các quy hoạch phân khu theo Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, huyện Cam Lâm được quy hoạch trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế do vậy hầu hết các xã trên địa bàn huyện không thực hiện cam kết việc tránh lãng phí trong đầu tư các công trình trong vùng quy hoạch như giao thông, sửa chữa nhà văn hóa, cơ sở giáo dục,... điều sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc đảm bảo hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu trong công tác triển khai Chương trình MTQG xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu. UBND huyện đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, kiến nghị UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo về nội dung không yêu cầu các địa phương cam kết chịu trách nhiệm tránh lãng phí trong đầu tư các công trình trong vùng quy hoạch.

UBND huyện kính gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp./.

(Đính kèm danh mục đề xuất đầu tư năm 2024 và 2025)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH-ĐT;
- Các Phòng: NN&PTNT; KT-HT; TC - KH; VH- TT; GD-ĐT;
- UBND các xã NTM;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Uy Viễn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH**

Số: 542 /UBND-KT

V/v thực hiện ý kiến chỉ đạo của
UBND tỉnh tại Công văn số
615/UBND-KT ngày 16/01/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cam Ranh, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Công văn số 615/UBND-KT ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

UBND thành phố Cam Ranh báo cáo như sau:

1. Về dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025

UBND thành phố Cam Ranh đã có ý kiến góp ý và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 tại Văn bản số 46/UBND-KT ngày 08/01/2024.

Ngoài ra, UBND thành phố Cam Ranh bổ sung thêm các nhiệm vụ, giải pháp đối với kế hoạch thực hiện đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu và kế hoạch thực hiện cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (chi tiết theo file Phụ lục 02,03,04,05_Góp ý KHNTM đến 2025 đính kèm).

2. Về điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Qua rà soát, UBND thành phố Cam Ranh kiến nghị Sở Nông nghiệp và PTNT trình HĐND tỉnh điều chỉnh tên 01 công trình tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh; đưa ra khỏi danh mục 01 công trình thuộc Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh (chi tiết theo file Phụ lục 01,02,03,04_Rà soát danh mục đầu tư đính kèm).

UBND thành phố Cam Ranh báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- VPĐP NTM tỉnh KH;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

Dương Minh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thế Ân
Thế Ân

02
03
04

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 211 /UBND-KT

Khánh Vĩnh, ngày 19 tháng 01 năm 2024

V/v điều chỉnh, bổ sung danh mục
đầu tư Chương trình MTQG xây
dựng nông thôn mới giai đoạn
2021-2025 trên địa bàn huyện
Khánh Vĩnh

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Công văn số 6195/SNN-VPĐP ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hòa về việc rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

UBND huyện Khánh Vĩnh đã triển khai cho các xã tiến hành rà soát kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025, kết quả cụ thể như sau:

1. Theo Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023: Trong năm 2025, trên địa bàn huyện Khánh Vĩnh dự kiến đầu tư 31 công trình tại 09 xã: Sông Cầu, Giang Ly, Khánh Thượng, Liên Sang, Cầu Bà, Khánh Thành, Khánh Phú, Khánh Hiệp, Khánh Bình (04 xã không thực hiện: Khánh Đông, Khánh Trung, Sơn Thái, Khánh Nam) với tổng mức đầu tư là 26.911 triệu đồng, trong đó: NS tỉnh là 13.170 triệu đồng, NS huyện là 1.560 triệu đồng, NS xã là 12.181 triệu đồng

2. Qua rà soát, có 10 danh mục đầu tư đề nghị bổ sung, 18 danh mục đề nghị đưa ra khỏi Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, 03 danh mục đề nghị điều chỉnh từ Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, chi tiết cụ thể như sau:

2.1. Danh mục đầu tư đề nghị bổ sung: 10 công trình tại 05 xã: Sông Cầu, Khánh Đông, Khánh Bình, Khánh Thượng, Khánh Hiệp với tổng mức đầu tư là 43.800 triệu đồng, trong đó: NS tỉnh là 32.310 triệu đồng, NS huyện là 7.950 triệu đồng, NS xã là 3.540 triệu đồng: (phụ lục 2 đính kèm)

a. Xã Sông Cầu:

- Công trình: Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C) với tổng chiều dài 1.524m thuộc đường thôn. Hiện nay theo kết quả đánh giá hiện trạng chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn tại xã là 4,7 km/6,3 km đạt 75%/100%.

- Công trình: Nâng cấp sân vận động xã. Hiện trạng sân vận động xã đã bị xuống cấp, không thuận lợi tổ chức các hội thao cấp xã, đồng thời thiết các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời để người dân hoạt động.

- Công trình: Bổ sung xây dựng, sửa chữa các hạng mục trường Tiểu học Sông Cầu và trường Mầm non Vành Khuyên. Hiện trạng Tiểu học Sông Cầu và trường Mầm non Vành Khuyên đã được công nhận đạt chuẩn năm 2020, tuy nhiên theo quy định đến năm 2025 sẽ tiến hành đánh giá lại, qua rà soát cơ sở vật chất hiện có cùng với các quy định hiện hành thì có khả năng sẽ không đảm bảo duy

trì đủ chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Vì vậy để tiêu chí 5 được duy trì đạt chuẩn cần tiếp tục đầu tư

b. Xã Khánh Đông:

- Công trình: Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông. Hiện trạng xã đã đạt chỉ tiêu 6.2, 6.3 còn chỉ tiêu 6.1 chưa đạt nguyên nhân địa phương đã bố trí quỹ đất quy hoạch theo quy định và đầu tư xây dựng sân vận động xã đạt chuẩn theo quy định. Tuy nhiên để hoàn thành chỉ tiêu 6.1 cần tiếp tục đầu tư nhà Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã 200 chỗ ngồi phục vụ cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ.

- Công trình: Bổ sung xây dựng, sửa chữa các hạng mục trường Tiểu học Khánh Đông. Hiện trạng trường Tiểu học Khánh Đông đã được công nhận đạt chuẩn năm 2020, tuy nhiên theo quy định đến năm 2025 sẽ tiến hành đánh giá lại, qua rà soát cơ sở vật chất hiện có cùng với các quy định hiện hành thì có khả năng sẽ không đảm bảo duy trì đủ chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Vì vậy để tiêu chí 5 được duy trì đạt chuẩn cần tiếp tục đầu tư.

c. Xã Khánh Bình: là địa phương được đề nghị bổ sung đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025. Vì vậy để địa phương hoàn thành mục tiêu đề xuất bổ sung 02 công trình:

- Công trình: Đường từ Hồ Ba Dùi vào Nghĩa trang xã. Nghĩa trang xã đã được đầu tư xây dựng năm 2023 nhưng do thời tiết cùng với phương tiện giao thông nhiều trên con đường này nên đường đã bị xuống cấp. Để giúp người dân vận chuyển nông sản và vào nghĩa trang được thuận góp phần hoàn thành chỉ tiêu 2.4 và 17.5

- Công trình: Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình. Hiện trạng xã đã đạt chỉ tiêu 6.2, 6.3 còn chỉ tiêu 6.1 chưa đạt nguyên nhân địa phương đã bố trí quỹ đất quy hoạch theo quy định và đầu tư xây dựng sân vận động xã đạt chuẩn theo quy định. Tuy nhiên để hoàn thành chỉ tiêu 6.1 cần tiếp tục đầu tư xây dựng Hội trường nhà văn hóa đa năng xã rộng 200m², trên 150 chỗ ngồi; 02 phòng chức năng; mua sắm bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng..

d. Xã Khánh Thượng: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư tỉnh ủy tại Thông báo số 819-TB/TU ngày 19/12/2023, phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành tiêu chí 6. Qua rà soát, địa phương đã đạt chỉ tiêu 6.2, 6.3 để đến năm 2025 hoàn thành tiêu chí 6, cần đầu tư công trình: Trung tâm Văn hoá - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng với quy mô đầu tư: Nhà văn hóa: Hội trường từ 150-200 chỗ ngồi, phòng chức năng, bàn ghế, âm thanh, nhà để xe, khu vệ sinh,... Khu thể thao: Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi và các hạng mục khác theo quy định của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

e. Xã Khánh Hiệp: Theo Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày ngày 22/8/2022 địa phương có 02 công trình: Tuyến B13 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất) và (Tuyến B14 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất) lộ trình năm 2025 triển khai, tuy nhiên do quá trình sản xuất của người dân nên 02 tuyến đường này không còn hiện hữu ngoài thực địa. Vì vậy để dần tiến tới đạt tiêu chí số 2 (2.4) địa phương điều chỉnh 02 công trình khác thay thế 02 công trình trên cụ thể: Nối tiếp Tuyến B3 Tuyến từ nhà ông Lâm Văn Hứng đến Sông Chò thôn Ba Cẳng (B3) giai đoạn cuối; Nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba.

Cảng (B2) giai đoạn cuối nhằm hướng đến hoàn thành chỉ tiêu 2.4 trong nông thôn mới.

2.2. Danh mục đề nghị đưa ra khỏi Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022: 18 công trình tại 06 xã: Sông Cầu, Khánh Đông, Khánh Bình, Khánh Thượng, Khánh Hiệp, Liên Sang; trong đó: năm 2023 bỏ 04 danh mục, năm 2024 bỏ 3 danh mục, năm 2025 bỏ 11 danh mục. Với nguyên nhân địa phương lồng ghép từ nhiều nguồn vốn khác nhau để thực hiện nên các hạng mục trên nên đến nay các danh mục đó đã được đầu tư. (phụ lục 3 đính kèm)

2.3. Danh mục đề nghị điều chỉnh trong Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022: 02 công trình (phụ lục 4 đính kèm)

a. Xã Sông Cầu: Công trình: Nâng cấp Bê tông hóa đường từ nhà ông Trần Thôi đến đường bê tông qua rà soát hiện trạng tổng chiều dài của con đường là 310m nên có sự thay đổi về quy mô đầu tư dẫn đến tổng mức đầu tư của con đường tăng 400 triệu so với kế hoạch cũ.

b. Xã Khánh Thành: Công trình: Xây dựng sân vận động xã Khánh Thành dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2024. Tuy nhiên, nguồn kinh phí chưa được phân bổ nhưng xét thấy hiện trạng địa phương đã đạt 6.2, 6.3 còn 6.1 chưa đạt để hoàn thành tiêu chí 6 việc đầu tư này là rất cần thiết để đảm bảo lộ trình đến cuối năm 2025 địa phương hoàn thành ít nhất 15/19 tiêu chí theo quy định của huyện, tỉnh.

c. Xã Khánh Thượng: Công trình: Nâng cấp, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thượng dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2025. Tuy nhiên, trong năm 2024 đã được quan tâm của đồng chí Bí thư tỉnh uỷ hỗ trợ tại Thông báo số 819-TB/TU ngày 19/12/2023 của Tỉnh uỷ Khánh Hoà, vì vậy điều chỉnh năm thực hiện để phù hợp với chủ trương đầu tư.

3. Sau khi rà soát điều chỉnh, bổ sung dự kiến năm 2025, trên địa bàn huyện dự kiến đầu tư 30 công trình tại 10 xã: Sông Cầu, Giang Ly, Khánh Thượng, Liên Sang, Cầu Bà, Khánh Thành, Khánh Phú, Khánh Hiệp, Khánh Bình, Khánh Đông với tổng mức đầu tư là **62.774** triệu đồng, trong đó: NS tỉnh là **42.464** triệu đồng, NS huyện là **9.097** triệu đồng, NS xã là **11.214** triệu đồng (phụ lục 5 đính kèm)

Với nội dung trên, UBND huyện Khánh Vĩnh kính gửi đề sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hòa xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Giáo dục và ĐT;
- VP ĐPNTM tỉnh;
- TT. Huyện uỷ, TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng: NN&PTNT, TC-KH, VH&TT, KT&HT, GD&ĐT, DT, LĐ-TB&XH;
- UBND 13 xã;
- Lưu: VT, NN, Trục.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 327 /UBND

Khánh Sơn, ngày 23 tháng 01 năm 2024

V/v rà soát, điều chỉnh danh mục
đầu tư Chương trình MTQG xây
dựng nông thôn mới giai đoạn
2021-2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Công văn số 6195/SNN-VPĐP ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc rà soát, điều chỉnh danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Công văn số 276/SNN-VPĐP ngày 16/01/2024 về việc tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo lộ trình các xã đạt chuẩn NTM; điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau: (Theo phụ lục 1,2,3,4 đính kèm).

UBND huyện báo Sở Nông nghiệp và PTNT biết./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Đông

